

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

**BÁO CÁO ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG TRẢI NGHIỆM
CHỮ VIẾT CHO TRẺ 5-6 TUỔI TRONG
TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ**

**Chủ nhiệm: ThS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN
Đơn vị: KHOA TIỂU HỌC – MẦM NON**

NINH BÌNH, 2019

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

**BÁO CÁO ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT
CHO TRẺ 5-6 TUỔI TRONG TRÒ CHƠI
ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ**

Chủ nhiệm: ThS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN
Đơn vị: KHOA TIỂU HỌC – MẦM NON
Các thành viên: ThS. PHẠM THỊ TRÚC
Đơn vị: BỘ MÔN TÂM LÝ – GIÁO DỤC THỂ CHẤT

NINH BÌNH, 2019

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
--------------	---

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT CHO TRẺ 5-6 TUỔI TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ.....	10
--	-----------

1.1. Một số khái niệm cơ bản.....	10
--	-----------

1.1.1. Khái niệm “chữ viết”	10
-----------------------------------	----

1.1.2. Khái niệm “trải nghiệm”	10
--------------------------------------	----

1.1.3. Khái niệm “biện pháp”	12
------------------------------------	----

1.1.4. Khái niệm “biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề”	12
---	----

1.2. Đặc điểm của trẻ 5-6 tuổi liên quan đến trải nghiệm chữ viết.....	13
---	-----------

1.2.1. Đặc điểm tâm lý của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi.	13
--	----

1.2.2. Đặc điểm sinh lý của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi.....	14
--	----

1.2.3. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ 5-6 tuổi.....	16
---	----

1.3. Mục tiêu phát triển ngôn ngữ của trẻ 5-6 tuổi.....	17
---	----

1.4. Vấn đề chữ viết và việc giúp trẻ 5-6 tuổi trải nghiệm chữ viết.....	18
---	-----------

1.4.1. Cấu tạo và đặc điểm chữ viết	18
---	----

1.4.2. Nội dung của việc cho trẻ trải nghiệm với chữ viết.....	19
--	----

1.4.3. Ý nghĩa của việc cho trẻ trải nghiệm với chữ viết	21
--	----

1.4.4. Các bước phát triển của trẻ khi nhận thức về chữ viết	22
--	----

1.5. Lý luận về giáo dục theo hướng trải nghiệm.....	23
---	-----------

1.5.1. Một số quan điểm về giáo dục theo hướng trải nghiệm.....	23
---	----

1.5.2. Đặc trưng của giáo dục trải nghiệm.....	27
--	----

1.6. Trò chơi đóng vai có chủ đề với việc giúp trẻ 5-6 tuổi tăng cường trải nghiệm chữ viết.....	28
---	-----------

1.6.1. Khái niệm về chơi của trẻ mẫu giáo	28
---	----

1.6.2. Nguồn gốc và bản chất của trò chơi đóng vai có chủ đề.....	29
---	----

1.6.3. Đặc thù của trò chơi đóng vai có chủ đề.	30
--	----

1.6.4. Sự phát triển của trò chơi đóng vai có chủ đề ở lứa tuổi 5- 6 tuổi	31
---	----

1.6.5. Ưu thế của trò chơi đóng vai có chủ đề đối với việc giúp trẻ 5-6 tuổi tăng cường trải nghiệm chữ viết.....	31
---	----

Kết luận chương 1	35
-------------------------	----

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VIỆC TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT CHO TRẺ 5-6 TUỔI TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ.....	36
2.1. Mục đích điều tra thực trạng.....	36
2.2. Khách thể và thời gian điều tra thực trạng	36
2.3. Nội dung điều tra thực trạng	36
2.4. Cách tiến hành điều tra thực trạng	36
2.5. Tiêu chí và thang đánh giá mức độ trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi.....	37
2.5.1. Tiêu chí đánh giá.....	37
2.5.2. Thang đánh giá.....	38
2.5.3. Xếp loại trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ	40
2.6. Kết quả điều tra thực trạng	40
2.6.1. Nhận thức của GVMN về việc trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề	40
2.6.2. Việc sử dụng biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề.....	47
2.6.3. Mức độ nhận biết về chữ viết qua hoạt động trải nghiệm của trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ.....	52
2.7. Nguyên nhân của thực trạng	58
Kết luận chương 2	60

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT CHO TRẺ 5-6 TUỔI TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ.....	61
3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp	61
3.2. Một số biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ.....	61
3.2.1. Biện pháp 1: Xây dựng môi trường chữ viết thuận tiện, đa dạng, hấp dẫn.....	61
3.2.2. Biện pháp 2: Tăng cường sử dụng các tình huống cụ thể nhằm kích thích trải nghiệm chữ viết cho trẻ.....	65
3.2.3. Biện pháp 3: Kích thích trẻ tích cực sử dụng chữ viết theo các đề tài hấp dẫn trong trò chơi.	71
3.2.4. Biện pháp 4: Linh hoạt sử dụng hệ thống bài tập nhận biết, phân biệt chữ cái và dấu thanh dưới dạng trò chơi.....	74
3.3. Thực nghiệm sư phạm	76

3.3.1. Mục đích thực nghiệm.....	76
3.3.2. Nội dung và thời gian thực nghiệm	76
3.3.3. Tiêu chí và thang đánh giá: Được thể hiện tại mục 2.5	77
3.3.4. Mẫu thực nghiệm	77
3.3.5. Quy trình tổ chức thực nghiệm	77
3.3.6. Kết quả thực nghiệm.....	77
Kết luận chương 3	90
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	91
1. KẾT LUẬN	91
2. KIẾN NGHỊ.....	92
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ (NHÓM TÁC GIẢ) ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG ĐỀ TÀI.....	93
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	94

DANH MỤC BẢNG BIỂU; DANH MỤC HÌNH

Bảng 2.1. Mức độ cần thiết của việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ trong TCĐVCCĐ.	41
Bảng 2.2. Vai trò của việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 trong TCĐVCCĐ.....	42
Bảng 2.3. Mức độ hứng thú trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ.....	43
Bảng 2.4. Nội dung trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ....	43
Bảng 2.5: Sự cần thiết của TCĐVCCĐ trong việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi	45
Bảng 2.6: Vai trò của giáo viên trong việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ	46
Bảng 2.7: Suy nghĩ của giáo viên khi tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ từ giai đoạn mầm non.	46
Bảng 2.8: Sự thuận lợi khi tổ chức TCĐVCCĐ trong việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi.	47
Bảng 2.9: Những khó khăn của giáo viên khi tổ chức tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ.....	48
Bảng 2.10: Những hoạt động ưu thế được giáo viên lựa chọn khi tổ chức tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi.....	50
Bảng 2.11: Những góc chơi được giáo viên lựa chọn khi tổ chức tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ.....	52
Bảng 2.12. Hứng thú trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi khi tham gia TCĐVCCĐ.....	53
Bảng 2.13. Khả năng nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng).....	54
Bảng 2.14. Khả năng hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin.	55
Bảng 2.15. Khả năng thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ	56
Bảng 2.16. Khả năng thực hiện đúng hành vi của người viết.....	56
Bảng 2.17. Xếp loại trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi tại 2 trườngMN.....	57

Bảng 3.1. Xếp loại trải nghiệm chữ viết của 2 nhóm trẻ (Tính theo số trẻ)	77
Bảng 3.2: Hứng thú trải nghiệm chữ viết của trẻ khi tham gia chơi TCĐVCCĐ (tính theo điểm TBC)	79
Bảng 3.3: Mức độ nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng) của trẻ khi tham gia chơi TCĐVCCĐ (tính theo điểm TBC)	80
Bảng 3.4. Khả năng hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin	81
Bảng 3.5: Khả năng thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ	84
Bảng 3.6: Khả năng thực hiện đúng hành vi của người viết.....	85
Bảng 3.7. Xếp loại trải nghiệm chữ viết của trẻ qua TCĐVCCĐ (Tính theo số trẻ)	86
Bảng 3.8. Xếp loại trải nghiệm chữ viết của trẻ qua TCĐVCCĐ (Tính theo số trẻ)	87
Biểu đồ 2.1: Xếp loại mức độ trải nghiệm chữ viết của 2 trường (Tính theo số lượng trẻ).....	58
Biểu đồ 3.1: Xếp loại trải nghiệm chữ viết của 2 nhóm trẻ (Tính theo số trẻ)...	78
Biểu đồ 3.2: Hứng thú trải nghiệm chữ viết của trẻ khi tham gia chơi TCĐVCCĐ (Tính theo điểm TBC của tiêu chí)	79
Biểu đồ 3.3: Mức độ nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng) của trẻ khi tham gia chơi TCĐVCCĐ (Tính theo điểm TBC của tiêu chí)	80
Biểu đồ 3.4: Khả năng hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin (Tính theo điểm TBC của tiêu chí)	82
Biểu đồ 3.5: Khả năng thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ (Tính theo điểm TBC của tiêu chí)	84
Biểu đồ 3.6: Khả năng thực hiện đúng hành vi của người viết (Tính theo điểm TBC của tiêu chí)	85
Biểu đồ 3.7: Xếp loại trải nghiệm chữ viết của trẻ qua TCĐVCCĐ (Tính theo số trẻ)	86
Biểu đồ 3.8: Xếp loại trải nghiệm chữ viết của trẻ qua TCĐVCCĐ (Tính theo số trẻ)	88

BẢNG KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

TCĐVCCĐ	: Trò chơi đóng vai có chủ đề
ĐC	: Đối chứng
TN	: Thực nghiệm
TTN	: Trước thực nghiệm
STN	: Sau thực nghiệm
MN	: Mầm non.
GVMN	: Giáo viên mầm non
TB	: Trung bình
TBC	: Trung bình chung
TC	: Trò chơi
MĐT	: Mức độ thấp
MĐT _B	: Mức độ trung bình
MĐT _C	: Mức độ cao

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI:

+ Tên đề tài: Biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề.

+ Lĩnh vực nghiên cứu: Giáo dục

+ Thời gian thực hiện: 12 tháng (Từ tháng 09 năm 2018 đến tháng 12 năm 2019)

+ Chủ nhiệm đề tài, đơn vị công tác: ThS. Nguyễn Thị Hương Lan, khoa Tiểu học – Mầm non.

+ Các thành viên tham gia: ThS. Phạm Thị Trúc

+ Các đơn vị phối hợp: Trường mầm non Ninh An, trường mầm non Ninh Giang.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong sự phát triển của loài người thì chữ viết đóng vai trò vô cùng quan trọng, đánh dấu bước tiến hóa lớn. Một trong những phương tiện ghi lại thông tin cho con người đó chính là chữ viết, những cuốn sách, những phát minh, hay các thành tựu của tổ tiên cũng không thể truyền lại một cách rõ ràng nếu không có chữ viết. Như vậy, chúng ta hiểu rõ về lịch sử quá khứ của nhân loại là nhờ có chữ viết. Cái vỏ vật chất của ngôn ngữ là âm thanh hay lời nói có những hạn chế nhất định, có giới hạn, không thể truyền đạt rộng rãi và chính xác, cũng không lưu giữ lâu dài như chữ viết. Âm thanh dễ bị hạn chế về khoảng cách và thời gian theo kiểu “tam sao thất bản”. Chữ viết khắc phục được những điểm trên, là phương tiện hoàn hảo để truyền đạt thông tin, lưu giữ thông tin, kích thích sự sáng tạo, là thành quả kỳ diệu, vĩ đại của loài người.

Trẻ mầm non không thể đọc chữ như người lớn bởi trẻ chưa có khả năng giải mã và hiểu ý của chữ viết nên việc hướng dẫn và cho trẻ trải nghiệm kỹ năng cần thiết để trẻ có khả năng giải mã chữ viết và kỹ năng hiểu ý nghĩa của chữ viết cần được coi trọng như nhau. Năng lực trao đổi kinh nghiệm, cảm xúc, suy nghĩ của mình một cách có ý nghĩa cho người khác bằng chữ viết được gọi là kỹ năng viết. Quá trình tiền viết của trẻ được bắt đầu khi trẻ cầm bút viết vẽ nguệch ngoạc trên giấy. Ngay từ khi còn rất nhỏ, trẻ đã có thể thực hiện nhiều cách viết phong phú theo nhu cầu và hứng thú của mình. Đối với trẻ, việc chiếm lĩnh và sử dụng chữ viết như một công cụ trong đời sống là không hề đơn giản vì nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố: tâm lý, sinh lý, độ tuổi, hình thức giáo dục, bởi vậy, tổ chức trải nghiệm là vô cùng quan trọng, trải nghiệm tri thức hay sự thông thạo về một sự kiện hay một chủ đề có được, thông qua tham gia và tiếp xúc trực tiếp dưới sự tổ chức, hướng dẫn, giúp đỡ của giáo viên là việc làm cần thiết. Trải nghiệm chữ viết giúp trẻ có hiểu biết cơ bản, nhận thức về biểu tượng như: hệ thống ký hiệu, ý nghĩa, quy tắc và xúc cảm đối với chữ viết trong cuộc sống. Với trẻ mầm non, trải nghiệm chữ viết chính là làm thế nào trẻ trực tiếp tiếp xúc, hoạt động, thực hành trong môi trường chữ viết, nuôi dưỡng lòng ham muốn biết chữ, bày tỏ sự tương tác với môi trường chữ viết xung quanh, khuyến khích việc hình thành những kỹ

năng cần thiết để chuẩn bị cho việc viết chữ của trẻ. Như vậy, tổ chức trải nghiệm chữ viết là việc làm quan trọng đối với trẻ em trong những năm đầu đến trường. Giáo dục mầm non cần phải chuẩn bị để tạo ra và thực hiện các chương trình thúc đẩy giúp trẻ trải nghiệm chữ viết mang lại hiệu quả cao.

Trò chơi đóng vai có chủ đề ở trường mầm non chiếm nhiều ưu thế với việc giúp trẻ trải nghiệm chữ viết. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi, được người lớn tổ chức, hướng dẫn, nhằm thỏa mãn nhu cầu vui chơi và nhận thức của trẻ. Khi trẻ được chơi trò chơi đóng vai có chủ đề, trẻ được hóa thân vào từng nhân vật, được thực hành các vai chơi, các tình huống gần gũi, quen thuộc với cuộc sống xung quanh trẻ, những tình huống này thường liên quan rất nhiều đến chữ viết, điều này là thuận lợi để trẻ dễ dàng trải nghiệm chữ viết bằng nhiều cách thức khác nhau mà không hề bị gò bó, áp đặt.

Trong quá trình hướng dẫn sinh viên chuyên ngành mầm non đi thực tập, thực hành sư phạm thường xuyên tại các trường mầm non, quá trình đào tạo sinh viên hệ liên thông mầm non, kết hợp việc điều tra thực tế tại các trường mầm non cho thấy: Quá trình tổ chức trò chơi đóng vai có chủ đề, giáo viên đã cố gắng tạo ra môi trường hoạt động với không gian, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu cho trẻ, giúp trẻ hứng thú với hoạt động. Tuy nhiên, do điều kiện không gian lớp học, môi trường chữ viết chưa thật sự phong phú, hấp dẫn trong trò chơi đóng vai có chủ đề, mặt khác, giáo viên đang chỉ chú trọng việc cho trẻ làm quen với tên gọi, cấu tạo của từng chữ viết, nhóm chữ viết riêng lẻ mà chưa hướng đến nội dung trải nghiệm về ý nghĩa, mối liên hệ, vai trò, cách sử dụng và tạo ra chữ viết trong những hoàn cảnh gần gũi với cuộc sống thường ngày của trẻ, giáo viên chỉ hướng đến những hoạt động, khu vực, trò chơi quen thuộc để cho trẻ làm quen với chữ viết, chưa thấy rõ ưu thế của trò chơi đóng vai có chủ đề với việc trải nghiệm chữ viết cho trẻ và ít sử dụng các biện pháp kích thích trẻ chơi cùng chữ viết nên chưa giúp trẻ trải nghiệm chữ viết hiệu quả.

Vì những lý do kể trên, chúng tôi lựa chọn thực hiện đề tài “Biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề”.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

2.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài

Giai đoạn trước đây, việc quan tâm phát triển khả năng đọc, viết chỉ được thực sự nghiên cứu đối với trẻ khi bước vào lớp 1 ở bậc Tiểu học. Vì thế, khi

thuật ngữ “tiền đọc, viết” xuất hiện đã tạo ra những luồng quan điểm trái chiều về việc chuẩn bị cho trẻ em học đọc, học viết: có quan điểm tin rằng: sự sẵn sàng cho việc học đọc, học viết là kết quả của sự trưởng thành tất nhiên, do vậy không cần tác động chuẩn bị nào. Quan điểm khác cho rằng: trẻ em sẽ có cơ hội học tập và sẵn sàng, chủ động hơn cho việc học đọc, học viết nếu trẻ được chuẩn bị những kinh nghiệm về đọc, viết. Hiện nay, các nhà giáo dục hầu như đã thống nhất quan điểm giai đoạn trẻ từ 0-6 tuổi là giai đoạn quan trọng và cần thiết để phát triển khả năng tiền đọc, viết chuẩn bị cho trẻ học tập ở trường Tiểu học. Trong chương trình giáo dục mầm non, nội dung cho trẻ làm quen với việc đọc, viết là một bộ phận của lĩnh vực phát triển ngôn ngữ.

Trước khi bước vào việc học đọc viết chính thức ở trường tiểu học thì quá trình phát triển khả năng đọc, viết của trẻ là diễn ra rất sớm (Allington & Cunningham 1996; Brn, Griffin, & Snow 1999; Clay 1991; Hall & Moats, 1999; Holdaway, 1979; Teale & Sulzby, 1986). Các mối quan hệ, tiếp xúc về mặt xã hội giữa người lớn với trẻ em, giữa trẻ em với trẻ em và các tài liệu đọc, viết chẳng hạn như sách truyện dành cho trẻ em chính là nguồn nuôi dưỡng cho sự phát triển khả năng tiền đọc, viết (Sulzby, 1991) [2, tr.21].

Sulzby (1989) cho rằng: những hành vi đọc, viết xuất hiện trước tiên làm nền tảng cho việc phát triển thành khả năng đọc, viết thông thường đó chính là tiền đọc viết.

Cùng quan điểm với Sulzby, tác giả Teale (1996) khẳng định rằng: Sự cố gắng thể hiện đầu tiên của một đứa trẻ nhằm tạo ra và sử dụng chữ viết theo chiều hướng có ý nghĩa, chẳng hạn như: bé vẽ nguệch ngoạc, vẽ tranh, tập đồ chữ cái, bắt chước viết tên mình, tự tạo ra những chữ cái xếp gần nhau và cho rằng những chữ cái đó mang một ý nghĩa theo sự suy nghĩ của mình[32].

Koenig (1992) cho rằng: Đặc trưng bởi sự phát triển sớm của những hiểu biết các biểu tượng đều có ý nghĩa, việc truyền đạt ý tưởng, suy nghĩ thì mọi người có thể sử dụng các biểu tượng này. Khái niệm về chức năng của ngôn ngữ viết cũng được hình thành ở độ tuổi sớm hơn chúng ta thường nghĩ trước đây: khi trẻ 3 tuổi được yêu cầu vẽ một bức tranh thì các nét vẽ của chúng rất khác với các nét trẻ tạo ra khi ta yêu cầu viết tên chúng (Gibson (1989); Neuman & Roskotuw (1993) (Trong bài: Đọc viết và giai đoạn đầu phát triển – Một cách nhìn mới của tác giả J.M Stratton [32].

McLane và Mc Namee (1990) chỉ ra rằng: khả năng phát triển tiền đọc viết của trẻ ở độ tuổi mẫu giáo lớn là trẻ có thể biết tên và hình dạng của các chữ cái. Chúng có thể biết các chữ cái, từ và biết phát âm các từ đó. Trẻ có thể nắm được nguyên lý là những từ nói ra được thì cũng có thể viết ra được. Chúng có thể sử dụng các từ hàng ngày mà chúng viết được. Trẻ có thể giả viết [2.tr40].

Khi trẻ nhận biết các chữ cái trong bảng chữ cái, chữ viết của chúng phát triển từ những nét nguệch ngoạc đến lượn sóng và dần đến giống như những chữ cái rồi đến những chữ cái thật sự. Đồng thời rất tự nhiên giọng đọc giả vờ của trẻ cũng thay đổi từ không thống nhất và không có định hướng đến biết định hướng từ trái sang phải , rồi chú ý đến những chữ viết và dần dần trẻ chú ý đến các từ viết ra hoàn chỉnh.

Theo Allington & Cunningham, McGee & Richgels (1996): đọc viết là quá trình tư duy nên tiền đọc viết cũng được xem xét trong phạm vi của sự phát triển nhận thức. Học thuyết của Piaget và Vygotsky đều có đề cập đến vấn đề tiền đọc viết và giúp cho việc giải thích những khái niệm nhận thức đã được hình thành ở trẻ. Tiền đọc, viết là khả năng đọc, viết được thể hiện ở một chừng mực nào đó, trẻ xây dựng những ý tưởng của mình để có thể đọc, viết khi chúng tham gia một cách tích cực vào những hoạt động có liên quan tới đọc viết (Piaget). Khả năng tiền đọc viết ở trẻ cũng được phát triển dựa trên những hành vi mẫu và được người lớn hỗ trợ (Vygotsky) thông qua việc khuyến khích trẻ thay đổi và chọn lọc những ý tưởng của bản thân để làm cho nó phù hợp hơn với những quan điểm thông thường [29.tr256, 308].

Trong nhiều nghiên cứu của L.X.Vygôtsky, ông đặc biệt coi trọng các hoạt động chuẩn bị đến trường của trẻ. Trong các lớp học của ông, giáo viên biến môi trường lớp học thành môi trường chữ viết. Ông còn đề xuất việc phải tìm kiếm xem điều xảy ra trước sự đọc viết và khả năng đọc viết được nuôi dưỡng như thế nào trong những tác động qua lại của xã hội trẻ em [28.tr76, 85]

Trong nghiên cứu của mình, hai tác giả Morow và Rand đã dựa vào quan điểm của Piaget (1962), L.X.Vygôtsky (1966), Christie và Joshnon (1983) về hoạt động chơi của trẻ đã chỉ ra rằng: Chơi, môi trường lớp học có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển nhận thức nói chung và phát triển về mặt học đọc, viết ở tuổi mẫu giáo nói riêng [2.tr65].

Nhà giáo dục Black và Puckett cho rằng: trẻ có thể học đọc, học viết một cách hiệu quả qua các hoạt động mà xét đến cùng nó là hoạt động được trẻ yêu thích, đáp ứng đúng với sự phát triển độ tuổi của trẻ. Như khi trẻ chơi với con chữ, trẻ tìm hiểu các biểu hiện của từ ngữ, tên của chúng bằng ngôn ngữ viết, trẻ được khuyến khích bộc lộ những kinh nghiệm của chúng trong môi trường đó, chúng sẽ khám phá ra việc sử dụng ngôn ngữ viết như thế nào, chúng sẽ đạt được mục đích và hiểu được nội dung của việc đọc, việc viết, việc chơi của chúng [31].

Trong khuôn khổ của nội dung tiền đọc, viết có thể hiểu rằng: sự cố gắng thực hiện những hành vi đọc, viết nhưng không theo đúng quy ước ở trẻ được đặc biệt chú ý, nó như biểu hiện của sự bắt đầu chính thức của việc đọc, viết. Tiền đọc, viết khác với việc đọc, viết thông thường theo quy ước.

Như vậy các công trình nghiên cứu trên đều cho thấy việc chuẩn bị cho học đọc, viết của trẻ trước khi đến trường phổ thông là cần thiết, coi hoạt động và môi trường chữ viết là phương tiện quan trọng để thực hiện mục đích chuẩn bị này.

2.2. Những nghiên cứu ở Việt Nam

Nhiều nhà nghiên cứu tâm lý học, giáo dục ở Việt Nam quan tâm đến giáo dục mầm non cũng đã lên tiếng phản đối việc dạy đọc, viết một cách chính qui trước khi vào lớp Một như bác sĩ, nhà tâm lý học Nguyễn Khắc Viện, Trần Thị Trọng, Lê Thị Ánh Tuyết, Trần Trọng Thủy, Nguyễn Ánh Tuyết, Trần Mạnh Hưởng, Trần Nga, Đinh Hồng Thái, Nguyễn Thị Thu, ... Các nhà nghiên cứu đều thống nhất quan điểm rằng, việc chuẩn bị cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi học tốt đọc, viết ở lớp 1 là cố gắng tạo ra những tiền đề cần thiết, những điều kiện, cơ sở ban đầu thiết thực nhằm giúp trẻ bước vào giai đoạn học tập chính thức về đọc, viết một cách thuận lợi, tự tin và hứng thú[3.tr12],[7.tr14],[17.tr8],[20.tr23].

Tác giả Trần Thị Nga cho rằng: “Việc làm quen với chữ viết phải được tiến hành một cách tích hợp và tự nhiên, bắt đầu từ những ý tưởng kinh nghiệm gần gũi và có ý nghĩa đối với trẻ. Từ đó tác giả đã đề xuất các cơ sở và cũng là điều kiện để tích hợp việc cho trẻ làm quen với chữ viết. Tác giả cũng cho rằng, việc đưa nội dung trải nghiệm chữ viết vào chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ mẫu giáo là cần thiết vì rằng bản thân trẻ đã tự làm việc này từ rất sớm. Mỗi khi trẻ chọn thẻ tên của mình hoặc tìm được quyển sách có tên mình, hoặc đếm số hình để dán vào album ảnh, trẻ đã và đang vận dụng các kỹ năng có liên quan đến chữ viết, tham gia vào các hoạt động ngôn ngữ viết. Việc phát triển và cho

trẻ làm quen với ngôn ngữ viết mang tính tích hợp và có nội hàm rộng hơn là việc dạy trẻ các kỹ năng đơn lẻ như tập tô, tập viết chữ, nhận biết và phát âm các chữ cái riêng biệt[13.tr6].

Đề tài nghiên cứu cấp bộ trọng điểm của Phạm Mai Chi và cộng sự về “Đổi mới tổ chức hoạt động học tập và vui chơi theo hướng tiếp cận tích hợp theo chủ đề” (B98-49-TĐ46), “Nghiên cứu đổi mới xây dựng chương trình chăm sóc – giáo dục trẻ từ 3-6 tuổi”, đã đề cập đến tổ chức môi trường hoạt động góc và đặc biệt là góc sách, thư viện là một trong những điều kiện cần thiết thúc đẩy khả năng tiên đọc, viết cho trẻ mẫu giáo; Đề tài nghiên cứu cấp Bộ của Bùi Kim Tuyền và cộng sự “Xây dựng nội dung và biện pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo” có đề cập tới việc chuẩn bị một số kỹ năng cần thiết về đọc viết cho trẻ mẫu giáo, trong đó biện pháp chủ yếu là tạo môi trường chữ viết trong lớp học như lập góc sách, góc viết, làm sách,...[3.tr17].

Gần đây nhất, trong cuốn “*Giáo trình phát triển khả năng tiên đọc viết tuổi mầm non theo hướng tích hợp*”, tác giả Đinh Hồng Thái đã đưa ra những quan điểm, những định nghĩa về khả năng đọc – viết, phát triển khả năng đọc – viết cho trẻ ba năm đầu và phát triển khả năng đọc viết tuổi mẫu giáo. Trong đó, tác giả có đề cập đến việc tích hợp phát triển khả năng tiên đọc – viết cho trẻ mẫu giáo trong môi trường chữ viết và việc tích hợp cho trẻ mẫu giáo làm quen với chữ viết trong trò chơi học tập. Tác giả đã làm rõ vai trò, ý nghĩa của môi trường chữ viết; cấu tạo và đặc điểm chữ viết tiếng Việt; ý nghĩa, mục tiêu, các yếu tố ảnh hưởng của việc cho trẻ làm quen với chữ viết...[16.tr45].

Vụ GDMN đã nhấn mạnh, ngôn ngữ mẹ đẻ phát triển tốt sẽ giúp ích cho việc phát triển trí tuệ và giúp cho việc tiếp thu kiến thức học tập ở trường phổ thông tốt hơn. Hình thành và phát triển những kỹ năng nghe nói, tiên đọc, tiên viết là rất quan trọng. Đó là nền tảng để trẻ hiểu về thế giới chữ viết và tiếp nhận nhiều tri thức mới.

Trong công trình nghiên cứu của tác giả Phan Thị Lan Anh: Khả năng tiên đọc viết là những năng lực cần thiết để chuẩn bị cho trẻ học đọc và viết một cách chính quy khi bước vào lớp một, bao gồm các kiến thức, kỹ năng, thái độ. Khả năng tiên đọc viết được hình thành và phát triển trong giai đoạn tuổi mầm non, bắt đầu từ sơ sinh cho đến khi trẻ bước vào lớp 1. Đây là một quá trình xây dựng các khái niệm chức năng của các biểu tượng và kí hiệu ở trẻ, dựa trên các

trải nghiệm, khám phá, tìm hiểu môi trường xung quanh, tương tác với người lớn và bạn bè thông qua quá trình vui chơi, học tập và sinh hoạt [2.tr9].

Như vậy, điếm qua vài nét cơ bản về tổng quan tình hình nghiên cứu việc trải nghiệm chữ viết và hình thức trò chơi nói chung của trẻ cả trong và ngoài nước nhận thấy đây là vấn đề đã tập hợp được các cách nhìn, các quan điếm của nhiều nhà nghiên cứu. Nó mang tính cấp thiết và có ý nghĩa nhất định. Những công trình nghiên cứu trên đã đặt nền móng, định hướng cho việc nghiên cứu biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5 - 6 tuổi trong TCĐVCCĐ.

3. Mục đích/Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề nhằm xây dựng biện pháp trải nghiệm chữ viết trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5-6 tuổi.

- Nghiên cứu cơ sở lý luận của việc xây dựng một số biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ

- Phân tích, đánh giá thực trạng của việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ

- Xây dựng một số biện pháp sử dụng TCĐVCCĐ nhằm tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi.

- Tổ chức thực nghiệm để kiểm chứng tính hiệu quả, tính khả thi của các biện pháp đã xây dựng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung:

+ Tổ chức khảo sát thực trạng việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ ở chủ đề Nghề nghiệp, Động vật, thực nghiệm ở chủ đề Thực vật, Nước và hiện tượng tự nhiên.

+ Tiến hành nghiên cứu trên 60 trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non Ninh Giang, Ninh An; 50 GVMN đã và đang trực tiếp giảng dạy trẻ 5-6 tuổi trong tỉnh Ninh Bình.

- Thời gian: Nghiên cứu từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2019

- Không gian: Tiến hành nghiên cứu ở góc đóng vai tại các lớp 5-6 tuổi của 2 trường Mầm non Ninh Giang và Ninh An thuộc huyện Hoa Lư - tỉnh Ninh Bình.

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cách tiếp cận: Lý thuyết – Thực trạng – Giải pháp – Thực nghiệm

5.2. Phương pháp nghiên cứu

5.2.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý luận

- Tiến hành thu thập tài liệu, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa những nguồn tài liệu có liên quan đến đề tài nghiên cứu để làm rõ vấn đề nghiên cứu.

Thực hiện các phương pháp này nhằm xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài và định hướng cho việc xây dựng các biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ

5.2.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- *Phương pháp đàm thoại:* trò chuyện trao đổi với giáo viên và trẻ để tìm hiểu những thông tin liên quan đến đề tài nghiên cứu.

- *Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi:* gửi phiếu cho 50 giáo viên lớp mẫu giáo lớn 5-6 tuổi trong tỉnh Ninh Bình để tìm hiểu những biện pháp mà giáo viên thường sử dụng để tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ.

- *Phương pháp quan sát sư phạm:*

+ Quan sát và ghi chép hoạt động của trẻ trong TCĐVCCĐ ở góc phân vai và trao đổi, đàm thoại trực tiếp với trẻ để làm rõ mức độ trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi.

+ Quan sát và ghi chép quá trình tổ chức trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ của giáo viên để có cơ sở đánh giá thực trạng về công tác

tổ chức TCĐVCCĐ trong trường mầm non. Phương pháp quan sát này kết hợp trao đổi trực tiếp với giáo viên.

- *Phương pháp nghiên cứu sản phẩm.*

+ Kế hoạch giáo dục trẻ 5-6 tuổi ở 4 chủ đề giáo dục: Nghề nghiệp, động vật, thực vật, nước và hiện tượng tự nhiên của GVMN

- *Phương pháp tổng kết kinh nghiệm*

Tổng kết những kinh nghiệm của GVMN về việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ.

- *Phương pháp thực nghiệm:* nhằm đánh giá tính khả thi, hiệu quả của những biện pháp đã đề xuất.

Tiến hành thực nghiệm tại 2 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi của trường mầm non Ninh An, Ninh Giang – Huyện Hoa Lư.

5.2.3. Nhóm phương pháp nghiên cứu bổ trợ

* Phương pháp thống kê toán học

Sử dụng công thức toán thống kê kết hợp phần mềm Excel để xử lý số liệu thu được qua khảo sát thực trạng và tổ chức thực nghiệm sư phạm.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT CHO TRẺ 5-6 TUỔI TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ

1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1. Khái niệm “chữ viết”

Chữ viết là kí hiệu bằng hình ảnh thị giác (các hình nét) ghi lại tiếng nói. Mỗi hình nét tương ứng với một đoạn âm thanh có ý nghĩa của tiếng nói. Một tổ hợp gồm chuỗi các hình nét được liên kết theo những cách thức nhất định (dạng thức viết của ngôn ngữ) để ghi lại lời nói âm thanh và trở thành phương tiện truyền đạt nội dung trong lời nói. Chữ viết dựa trên những ấn tượng về thị giác nên nó có thể vượt qua được hạn chế thời gian và hiện tượng “tam sao thất bản”. Chữ viết còn là một phương tiện làm cho việc giáo dục ngôn ngữ được thực hiện thuận lợi [17.tr23].

Chữ viết tiếng Việt (Vietnamese letters) khác với chữ của các quốc gia khác như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản,... Chữ viết tiếng Việt hay còn gọi là chữ quốc ngữ được xây dựng theo hệ thống chữ cái Latinh. Chữ viết tiếng Việt gồm các chữ cái dùng để ghi 11 nguyên âm đơn (a, ă, â, e, ê, i, (y), o, ô, ơ, u, ư) và 3 nguyên âm đôi (iê, (yê, ia, ya), ươ (ua), uô, (ua)), dùng để ghi 23 phụ âm (b, c, d, h, k, l, m, n, nh,...). Ngoài các chữ cái, do tiếng Việt là ngôn ngữ có thanh điệu, chữ viết tiếng Việt còn sử dụng thêm 5 dấu để ghi 6 thanh điệu: thanh huyền, thanh sắc, thanh hỏi, thanh ngã, thanh nặng, thanh ngang.

1.1.2. Khái niệm “trải nghiệm”

Theo từ điển Anh Việt trải nghiệm (experience) là học hỏi, thí nghiệm, thử thách và trải qua.

Theo Từ điển Tâm lý học trải nghiệm được hiểu như là bất cứ trạng thái cảm xúc hay hiện tượng khách quan nào được chủ thể thể nghiệm, được phản ánh trực tiếp vào ý thức của chủ thể và được chủ thể nhìn nhận như sự kiện trong đời sống của nó. Cách hiểu rất rộng về trải nghiệm này thuộc về tâm lý học nội quan – dòng tâm lý học tập trung vào tính trực tiếp của trải nghiệm đối với ý thức của chủ thể.

Do đó, ta có thể hiểu trải nghiệm theo nghĩa chung nhất đó là bất kì một trạng thái có màu sắc xúc cảm nào được chủ thể cảm nhận, trải qua, đọng lại thành bộ phận (cùng với tri thức, ý thức...) trong đời sống tâm lí của từng người.

Theo tác giả Đặng Hồng Phương cho rằng: “Trải nghiệm được dùng với nghĩa rộng để mô tả toàn bộ các hình thức học diễn ra ở trường, kể cả chơi tự do theo sự tưởng tượng của trẻ”.

Trải nghiệm Theo từ điển Tiếng Việt, “trải” là từng biết, từng sống qua; “nghiệm” là ngẫm, suy, chứng thực, nghiệm lại. Như vậy “trải nghiệm” có nghĩa là suy ngẫm, chứng thực, nghiệm lại những gì đã từng biết, từng sống qua hay trải qua. Trải nghiệm hay kinh nghiệm là một khái niệm mang tính tổng quan được sử dụng để mô tả kiến thức, kĩ năng có được thông qua việc tham gia vào hoặc tiếp xúc đến sự vật, sự việc đó [31]. Tóm lại, trải nghiệm là quá trình nhận thức, khám phá đối tượng bằng việc tương tác với đối tượng thông qua các thao tác vật chất bên ngoài (nhìn, sờ, nếm, ngửi...) và các quá trình tâm lý bên trong (chú ý, ghi nhớ, tư duy, tưởng tượng). Thông qua đó, trẻ có thể học hỏi, tìm tòi, sáng tạo, tiếp thu, tích lũy được những kinh nghiệm cho bản thân và hoàn thiện các kĩ năng trong cuộc sống.

Theo Từ điển Tiếng Việt của Hoàng Phê “Kinh nghiệm” là sự hiểu biết có được do tiếp xúc với thực tế, do từng trải. Theo một quan điểm khác cho rằng “kinh nghiệm” là những hiểu biết do trông thấy, nghe thấy, do từng trải, tiếp xúc với cuộc sống, đã thu nhận được trong quá trình hoạt động. Khái niệm trải nghiệm được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước nghiên cứu. Có thể hiểu, trải nghiệm là kinh nghiệm của bản thân về tri thức, kĩ năng, thái độ được hình thành trong quá trình hoạt động ở thực tế. Tùy thuộc vào phạm vi diễn ra hoạt động, đặc điểm, nội dung hoạt động mà chủ thể có những trải nghiệm khác nhau. Trải nghiệm là một trong những cách thức nhận thức, học tập của con người. Học bằng trải nghiệm là một trong các cách thức học tập cơ bản. Trải nghiệm có thể diễn ra ở nhiều hoạt động khác nhau. Như vậy, hoạt động trải nghiệm trong trường mầm non là hoạt động giáo dục, ở đó trẻ được hành động thực tiễn với các sự vật, hiện tượng và con người, trẻ trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức khác nhau, nhờ đó kinh nghiệm của trẻ được tích lũy [31].

1.1.3. Khái niệm “biện pháp”

Theo từ điển Tiếng Việt: “Biện pháp là cách thức tiến hành, giải quyết một hành động cụ thể”.

Biện pháp là một bộ phận của phương pháp, là yếu tố hợp thành của phương pháp và phụ thuộc vào phương pháp. Tuy nhiên, trên thực tế giáo dục, phương pháp và biện pháp có mối quan hệ mật thiết với nhau đến nỗi khó phân biệt được ranh giới giữa chúng. Trong từng tình huống cụ thể chúng có thể chuyển hóa cho nhau, có lúc phương pháp là con đường độc lập. Để giải quyết nhiệm vụ giáo dục, có lúc phương pháp chỉ là một biện pháp có tính riêng biệt, còn biện pháp cũng có thể giải quyết được các nhiệm vụ khác nhau như một phương pháp.

Như vậy, “biện pháp” là cách làm cụ thể, cách giải quyết một vấn đề cụ thể hay hướng tới giải quyết từng phần hay toàn bộ một nhiệm vụ nào đó.

1.1.4. Khái niệm “biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề”.

Biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ trong TCĐVCCĐ là cách thức tác động sư phạm có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục nhằm nâng cao việc thực hành, tiếp xúc trực tiếp với chữ viết và các hoạt động liên quan tới chữ viết của trẻ, phát huy tối đa tính tích cực nhận thức thông qua hoạt động cùng nhau giữa cô và trẻ, giữa trẻ với trẻ, góp phần giúp trẻ phát triển ngôn ngữ và đặc biệt là chữ viết trong TCĐVCCĐ.

Như vậy, nhiệm vụ của giáo viên là lựa chọn nội dung và cách thức tổ chức nhằm mục đích nâng cao việc thực hành với chữ viết trong TCĐVCCĐ cho trẻ một cách khoa học, phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng nhận thức của trẻ, tạo điều kiện cho trẻ được tích cực sử dụng các giác quan, các thao tác tư duy, các kỹ năng tham gia vào quá trình chơi (quan sát, so sánh, phân tích, kỹ năng phối hợp nhóm, xử lý tình huống,...), tích cực biểu đạt những suy nghĩ, hiểu biết của bản thân bằng lời nói, hành động, tích cực ứng dụng chữ viết vào trong cuộc sống, tạo cơ hội cho trẻ được trực tiếp khám phá chữ viết ở mọi lúc, mọi nơi.

1.2. Đặc điểm của trẻ 5-6 tuổi liên quan đến trải nghiệm chữ viết.

1.2.1. Đặc điểm tâm lý của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi.

Tuổi mẫu giáo lớn là giai đoạn cuối cùng của trẻ em ở lứa tuổi “mầm non”. Ở giai đoạn này, những cấu tạo tâm lý đặc trưng của con người đã được hình thành. Cảm giác, tri giác của trẻ ngày càng được hoàn thiện và nâng cao, các giác quan nhạy cảm và tinh nhanh hơn. Đến cuối tuổi mẫu giáo, trẻ bắt đầu có khả năng tri giác có kế hoạch, có hệ thống những sự vật, hiện tượng xung quanh. Trẻ tri giác chính xác hơn, phân biệt các đối tượng nhanh hơn. Tri giác thường gắn với chính hoạt động của trẻ. Nếu cho trẻ tham gia tích cực vào hoạt động, quan sát các sự vật, hiện tượng sinh động, hấp dẫn thì tri giác của trẻ ngày càng phát triển và nhạy bén hơn [6.tr31].

Ở giai đoạn 5 – 6 tuổi đã phát triển cả ba loại tư duy: tư duy trực quan hành động, tư duy trực quan hình tượng, tư duy trừu tượng. Trong đó kiểu tư duy trực quan hình tượng chiếm ưu thế. Đặc biệt có một kiểu tư duy mới xuất hiện, nó là bước trung gian của sự chuyển tiếp từ tư duy trực quan hình tượng đến tư duy lôgic, đó là tư duy trực quan sơ đồ. Tư duy trực quan sơ đồ vẫn giữ tính chất hình tượng, song bản thân hình tượng trở nên khác trước: Hình tượng đã bị mất đi chi tiết rườm rà mà chỉ còn giữ lại những yếu tố giúp trẻ phản ánh một cách khái quát về những sự vật chứ không phải là từng sự vật riêng lẻ. Kiểu tư duy này tạo ra cho trẻ một khả năng phản ánh những mối liên hệ tồn tại khách quan, là điều kiện cần thiết để đạt tới tri thức khái quát. Nhờ đó, một số yếu tố của tư duy lôgic được xuất hiện, tạo cho trẻ khả năng khái quát hóa, phán đoán, suy luận và hình thành được một số khái niệm đơn giản [6.tr38].

Khả năng nhận thức của trẻ được phát triển thông qua hoạt động tích cực với thế giới đồ vật, các sự vật hiện tượng của thế giới xung quanh. Trẻ có thể tự khám phá các sự vật, hiện tượng và nghĩ ra những lời giải thích cho những gì trẻ quan sát được, mặc dù trẻ vẫn chưa có khả năng suy luận lôgic, trừu tượng. Trẻ thường dành nhiều thời gian và chú ý hơn vào các hoạt động mà trẻ thích, thích chơi theo nhóm, thích vẽ và viết, ghi lại các sự việc. Trẻ nhận biết sự vật, hiện tượng và hình thành các khái niệm tốt nhất qua các hoạt động trải nghiệm, qua chơi, qua khám phá, tìm tòi.

Ở trẻ, chú ý có chủ định bắt đầu phát triển mạnh nhưng chú ý không chủ định vẫn chiếm ưu thế. Chú ý của trẻ bền vững hơn, tập trung hơn. Trẻ dễ tập

trung chú ý vào đối tượng sinh động, hấp dẫn, còn đơn điệu thì dễ chán. Với trẻ 5 – 6 tuổi rất nhạy cảm với ngôn ngữ, trẻ hướng sự chú ý của mình tới những đặc điểm ngôn ngữ như: cách phát âm, giọng điệu, ngữ điệu của lời nói... Khả năng chú ý của trẻ tạo cơ sở cho trẻ tiếp nhận thông tin giúp cho giai đoạn sau của quá trình nhận thức như: phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa... đạt hiệu quả tốt hơn.

Trí nhớ của trẻ dù có tính ổn định hơn, bền vững hơn nhưng về cơ bản trí nhớ của trẻ vẫn mang tính không chủ định. Trẻ dễ dàng ghi nhớ những gì gây ấn tượng mạnh mẽ, còn những gì trừu tượng, khô khan thì khó nhớ. Ngôn ngữ phát triển là điều kiện tốt giúp cho trí nhớ của trẻ có bước thay đổi rõ rệt.

Tưởng tượng của trẻ 5 – 6 tuổi phần lớn là không chủ định. Những gì làm cho trẻ xúc động mạnh mẽ sẽ trở thành đối tượng của tưởng tượng. Đồng thời xuất hiện tưởng tượng có chủ định, đặc biệt trong các hoạt động sáng tạo, trẻ đã có khả năng hoạt động theo một ý đồ mà mình đã đặt ra từ trước.

Như vậy, các yếu tố như cảm giác, tri giác, chú ý, trí nhớ, tưởng tượng,... đều có ảnh hưởng đến quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ nói chung và việc tăng cường cho trẻ trải nghiệm với chữ viết tiếng Việt nói riêng. Chẳng hạn, chú ý có chủ định được cần đến để phân biệt sự khác biệt giữa các chữ cái và chia ra những phần chi tiết của một từ để mã hóa hoặc giải mã chúng. Trẻ cần phải nhớ các từ theo thứ tự khi chúng giải mã những từ tiếp theo trong một câu. Nếu trẻ không tạo ra một sự chú ý có chủ định để ghi nhớ thì chúng không thể rút ra một ý nghĩa gì của toàn bộ câu. Viết là sử dụng các kí hiệu, biểu tượng nếu trẻ không suy nghĩ một cách biểu trưng thì chúng không thể học thao tác với các chữ cái, từ. Vì vậy, nhà giáo dục cần nắm vững đặc điểm của lứa tuổi để có sự định hướng đúng đắn trong việc đưa ra nội dung, phương tiện, phương pháp nhằm nâng cao khả năng phát triển về chữ viết tiếng Việt cho trẻ.

1.2.2. Đặc điểm sinh lý của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi

Cơ sở sinh lý được coi là cơ sở tự nhiên của phương pháp phát triển ngôn ngữ nói chung, là cơ sở nền tảng cho việc đưa ra những biện pháp nhằm tăng cường cho trẻ trải nghiệm với chữ viết.

Các tế bào thần kinh vỏ não được biệt hóa nhưng chưa hoàn toàn, các khe rãnh trên vỏ não được khắc sâu hơn so với mới sinh. Hoạt động phân tích tổng hợp của các bán cầu đại não phát triển mạnh. Sự thành lập đường liên hệ thần

kinh tạm thời diễn ra nhanh và sự phân hóa các tín hiệu nhận thức chính xác hơn. Phản xạ có điều kiện hình thành và trở nên bền vững hơn. Các cơ quan phân tích của trẻ đã dần hoàn thiện và thực hiện được các chức năng như người lớn... [26.tr32],[27.tr19].

Phản xạ không điều kiện ổn định và có sẵn. Phản xạ có điều kiện hình thành trong quá trình sống của trẻ. Những phản xạ này sẽ mất đi nếu không có điều kiện hình thành thuận lợi và sự củng cố kịp thời. Phản xạ có điều kiện là hoạt động tín hiệu nhờ hai loại kích thích, cụ thể như: những sự vật, hiện tượng cụ thể, trực tiếp (ánh sáng, nhiệt độ, âm thanh, màu sắc,...) được gọi là tín hiệu thứ nhất. Hệ thống tín hiệu thứ hai bao gồm những vật kích thích có tính chất khái quát, gián tiếp (lời nói, chữ viết) [10.tr16].

Thể lực của trẻ phát triển, cấu tạo và hoạt động thần kinh tăng, kinh nghiệm đã tích lũy được trong cuộc sống cho phép trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi bước sang mối quan hệ đa dạng hơn với những người xung quanh, những hình thức hoạt động phức tạp hơn, sang việc nhận thức sâu sắc hơn hiện thực xung quanh.

Nhờ có cơ quan phân tích mà con người nhận thức được thế giới xung quanh. Tuổi mẫu giáo lớn đã có thể trả lời những câu hỏi thông thường về nội dung trẻ nhận biết được nhờ giác quan, nhất là thị giác và thính giác. Cơ quan phân tích thị giác là cơ quan nhạy cảm và quan trọng. Nó có khả năng thu nhận tới 80 – 90% các thông tin từ ngoài vào não [26.tr22].

Trẻ có khả năng phân biệt được một số màu trung gian, khả năng thu nhận và phân biệt kích thích (màu sắc, hình dạng, kích thước...) ngày càng phong phú. Như vậy, nhờ có cơ quan phân tích thị giác mà trẻ tri giác được chính xác chữ cái, phát triển vốn từ và là cơ sở đầu tiên để trẻ có thể thành công trong việc học đọc, viết. Cơ quan thính giác cũng giữ vai trò rất quan trọng trong việc hình thành và phát triển ngôn ngữ cho trẻ, đặc biệt là sự phát triển tai nghe âm vị. Theo P. E. Levina cho rằng có 5 giai đoạn phát triển nhận thức âm thanh ngôn ngữ của trẻ, các giai đoạn này có ảnh hưởng lớn tới sự phát triển thính giác âm vị của trẻ. Trẻ trải qua 3 giai đoạn đầu ở lứa tuổi nhà trẻ và 2 giai đoạn tiếp theo ở lứa tuổi mẫu giáo[17.tr32].

Học viết là quá trình rèn luyện lâu dài. Khi có sự phối hợp đồng bộ giữa nhiều bộ phận cơ thể thì khi đó trẻ có thể viết được. Cơ chế sinh lý của quá trình viết đã được các nhà khoa học nghiên cứu và chỉ ra: Hình ảnh của chữ viết sẽ được trẻ tiếp

thu qua mắt nhìn, từ đó chuyển lên trung khu viết ở vỏ não. Khi truyền lên, mắt sơ bộ phân tích hình ảnh về chữ viết to, nhỏ, màu sắc, hướng viết nét chữ. Ở vỏ não sẽ diễn ra sự phối hợp chặt chẽ giữa hai trung khu nói và viết, phát lệnh cho các cơ và xương tay thi hành. Cơ và xương bàn tay của trẻ đang phát triển và có nhiều sụn, các xương và khớp bàn tay, ngón tay còn yếu do vậy cử động bàn tay của trẻ còn vụng về, khó khăn. Khi viết trẻ dễ bị mỏi, khi cầm bút trẻ có tâm lý sợ bị rơi, không chắc nên cầm chặt, do vậy càng khó di chuyển bút.

Như vậy, ở trẻ 5 – 6 tuổi có những điều kiện thuận lợi cho việc chuẩn bị những khả năng tiền đọc viết, giúp cho quá trình học tập sau đạt hiệu quả hơn.

1.2.3. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ 5-6 tuổi

Tuổi mẫu giáo là thời kì bộc lộ tính nhạy cảm cao nhất đối với các hiện tượng ngôn ngữ, điều đó khiến cho sự phát triển ngôn ngữ của trẻ đạt tốc độ khá nhanh, đến cuối tuổi mẫu giáo thì hầu hết trẻ em đều biết sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách thành thục trong sinh hoạt hàng ngày. Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Đặc điểm của bộ máy phát âm, về từ loại và khả năng sử dụng câu, sự phát triển tâm lí chung, yếu tố môi trường và giáo dục xung quanh,...

Về phát âm: Trẻ 5 – 6 tuổi cơ quan phát âm đã phát triển và đang trong quá trình hoàn thiện. Trẻ sử dụng thành thạo ngôn ngữ nói, tai nghe âm vị của trẻ phát triển khá tinh nhạy, tuy nhiên trẻ vẫn còn có lỗi ở các âm vị khó, ý nghĩa có phần xa lạ đối với trẻ như: khúc khuỷu, nhuyễn,... Nhìn chung số trẻ mắc lỗi về phát âm ở giai đoạn này đã ít hơn nhiều so với giai đoạn lứa tuổi trước.

Về vốn từ: Vốn từ của trẻ ở giai đoạn này tăng bình quân đến 1033 từ. Danh từ và động từ vẫn chiếm ưu thế nhưng tính từ và các loại từ khác cũng đã được trẻ sử dụng nhiều hơn. Các từ chỉ không gian: rộng lớn, menh mông; từ chỉ tốc độ: nhanh, chậm dần; từ chỉ màu sắc: xanh nhạt, phớt phớt hồng,... đã được trẻ sử dụng chính xác. Trẻ đã hiểu được một số từ khái quát, biết sử dụng một số từ gọi cảm và từ có ý nghĩa độc lập: bé xíu, to đùng, béo mẫm, gầy nhom, chua chua, ngọt ngọt,... Lời nói của trẻ đã có sự biểu cảm, trẻ biết sử dụng ngữ điệu, cách nói so sánh để diễn đạt, thu hút sự chú ý của mọi người.

Về phát triển cấu trúc ngữ pháp: Ở lứa tuổi 5 – 6 tuổi câu nói của trẻ tương đối hoàn chỉnh, rõ ràng, đầy đủ và thể hiện nội dung khá phong phú. Trẻ biết phát triển các thành phần trong câu, thông thường trẻ sử dụng các dạng câu như: Câu

đơn mở rộng, câu ghép đẳng lập, câu ghép chính phụ, câu kể, câu cảm,... Câu đơn giảm đi và số câu ghép, câu phức tăng dần lên. Ngoài ra, trẻ còn biết sử dụng liên từ, nhờ vậy câu nói của trẻ trở nên rõ ràng, mạch lạc. Điều đó nói lên ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi có sự phát triển đáng kể về chất. Tuy nhiên trẻ vẫn còn dùng câu ghép thiếu các quan hệ từ.

Về phát triển ngôn ngữ mạch lạc: Ở tuổi mẫu giáo, trước đây trẻ sử dụng ngôn ngữ tình huống là chủ yếu. Dần dần cuộc sống đòi hỏi trẻ phải có một kiểu ngôn ngữ khác, ít phụ thuộc vào tình huống hơn, nhất là trẻ cần phải mô tả lại cho người khác những điều mà mình mắt thấy, tai nghe. Ở đây trẻ phải nói năng sao cho người khác có thể hình dung ra được những điều mình định mô tả mà không phải dựa vào một tình huống cụ thể trước mắt. Kiểu ngôn ngữ này là ngôn ngữ ngữ cảnh, mang tính chất rõ ràng, khúc triết. Tuy nhiên, khi nắm vững ngôn ngữ ngữ cảnh rồi, trẻ mẫu giáo lớn vẫn sử dụng ngôn ngữ tình huống với người xung quanh. Mặt khác, ngôn ngữ mạch lạc là phương tiện làm cho tư duy của trẻ phát triển đến một chất lượng mới. Đó là việc nảy sinh các yếu tố của tư duy lôgic, nhờ đó mà toàn bộ sự phát triển của trẻ được nâng lên một trình độ mới cao hơn. Như vậy, sự phát triển ngôn ngữ đồng thời với sự phát triển nhận thức [16.tr46].

1.3. Mục tiêu phát triển ngôn ngữ của trẻ 5-6 tuổi.

Trong chương trình giáo dục mầm non, thì mục tiêu phát triển ngôn ngữ của trẻ 5-6 tuổi bao gồm:

* Nghe:

- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.
- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.
- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.

* Nói:

- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.

- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau
Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?.

- Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?.

- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.

- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.

- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.

- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.

- Kể lại sự việc theo trình tự.

* Làm quen với đọc, viết:

- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)

- Nhận dạng các chữ cái.

- Tập tô, tập đồ các nét chữ.

- Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.

- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.

- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:

+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.

+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.

- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.

- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.

- Giữ gìn, bảo vệ sách

1.4. Vấn đề chữ viết và việc giúp trẻ 5-6 tuổi trải nghiệm chữ viết

1.4.1. Cấu tạo và đặc điểm chữ viết

Để quá trình cho trẻ làm quen với chữ viết có hiệu quả thì nhà giáo dục cần nắm được đặc điểm cấu tạo cũng như hướng viết các CVTV.

Chữ viết tiếng Việt (chữ Latinh) được khu biệt theo hai nét cơ bản: nét thẳng và nét cong.

- Nét thẳng được thể hiện theo chiều đứng và chiều ngang. Chiều đứng bao gồm cả nét thẳng đứng và nét thẳng xiên về bên phải: |, /, —

- Nét cong có dạng cong kín (như chữ o, a...) hoặc cong hở (như chữ e, c...). Phối hợp hai nét cơ bản, chữ viết được khu biệt theo những nét cơ phức tạp hơn.

- Nét móc (phối hợp nét thẳng và nét cong), như trong các chữ i, t, m...

- Nét khuyết (phối hợp nét thẳng và nét cong), như trong các chữ h, y, g

- Nét móc khuyết (phối hợp nét cong và nét móc), như các chữ r, k, v, b

Ngoài ra còn có thể kể đến một số nét không cơ bản như: nét chấm (như trong chữ i), nét gãy (như trong chữ â, ê)...

Các nét chữ trên đây có chức năng:

- Khu biệt các chữ cái (khu biệt các kí hiệu ghi âm khác nhau).

- Tạo ra sự liên kết giữa các nét trong từng chữ cái và giữa các chữ cái với nhau (dáng chữ - chữ ghi âm vị và chữ ghi âm tiết).

Tập hợp đôi hệ chữ cái theo nét khu biệt thành từng nhóm đồng dạng:

- Nhóm các chữ cái có nét cơ bản là nét móc: l, i, t, y, p...

- Nhóm các chữ cái có nét cơ bản là nét cong: c, e, o, a, q, d...

Hệ thống các chữ viết được chia thành 3 nhóm cơ bản sau:

+ Nhóm 1: Các chữ cái có nét vòng xuống: a, d, o, s, c, g, e, q,

+ Nhóm 2: Các chữ cái cao: b, k, l, t, h

+ Nhóm 3: Các chữ cái không cơ bản: i, m, r, u, y, n, p, v, x [16. tr 177 - 178].

Như vậy, việc đưa ra các đặc điểm cấu tạo và hướng viết của chữ viết trên đây sẽ giúp nhà giáo dục xác định được hướng viết các chữ cái cũng như quy trình dạy viết chữ cho trẻ là đi từ nét cơ bản, tuân theo trình tự thời gian và không gian, để thực hiện sự liên kết tuyến tính và bảo đảm sự khu biệt giữa các chữ cái đồng dạng.

1.4.2. Nội dung của việc cho trẻ trải nghiệm với chữ viết

- Dạy trẻ nhận biết 29 chữ cái ghi âm: Những chữ cái ghi âm tiếng Việt theo kiểu chữ in thường và chữ viết thường được trẻ làm quen và nhận dạng qua các giác

quan: thính giác (tai), thị giác (mắt). Dưới sự hướng dẫn của cô, trẻ tìm ra các chữ cái trong các từ tương ứng cố gắn bên dưới đồ dùng trực quan (tranh ảnh, vật thật,...) hoặc qua các trò chơi: nhận chữ, tìm chữ, nối chữ, ghép nét chữ,...

- Dạy trẻ nhớ được tên âm chữ cái: Thông qua thẻ chữ, qua trò chơi, cô giáo giúp trẻ nhớ được tên chữ cái. Đây là cơ sở ban đầu giúp trẻ chuẩn bị ghép các âm thành vần, thành tiếng ở lớp một. Dạy trẻ nhận biết chữ cái theo kiểu chữ in thường, chữ viết thường và nhớ được tên âm chữ cái.

- Dạy trẻ làm quen với tư thế ngồi và cách cầm bút viết khi tập tô chữ cái: Dạy trẻ tập tô chữ cái theo mẫu nhằm rèn luyện một số thao tác, kỹ năng, thói quen,... của hoạt động học tập nhằm chuẩn bị cho trẻ tập viết ở bậc tiểu học. Vì vậy, cần chuẩn bị: bàn ghế đúng quy cách, vở tập tô, bút chì mềm, ánh sáng,...

+ Dạy trẻ ngồi đúng tư thế: ngồi ngay ngắn, thẳng cột sống, đầu hơi cúi, ngực cách mép bàn 3 – 4cm, mặt cách vở 25 – 30cm.

+ Dạy trẻ cách cầm bút: tay phải cầm bút bằng ba đầu ngón tay (ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa), kết hợp với cổ tay, cánh tay, khuỷu tay, tay trái giữ góc trái mép trên mép vở.

- Dạy trẻ kỹ năng tô những nét cơ bản theo mẫu:

+ Nét xiên (/): tô từ trên xuống dưới.

+ Nét thẳng đứng(|): tô từ trên xuống dưới.

+ Nét thẳng ngang (—): tô từ trái sang phải.

+ Nét móc (ı): tô từ trên xuống dưới rồi hất lên.

+ Nét cong (c): tô uốn theo nét cong ngược chiều kim đồng hồ.

- Dạy trẻ kỹ năng tô 29 chữ cái tiếng Việt: dùng bút chì đen tô trùng khít lên các nét chữ in mờ trên đường kẻ ngang. Tô theo đúng trật tự: nét nào trước, nét nào sau. Tô từ trên xuống dưới, từ trái sang phải [17.tr78].

- Dạy trẻ hiểu ý nghĩa của chữ viết tiếng Việt: Câu chuyện của chính trẻ và từ thị giác cũng như nhiều tài liệu viết khác sắp xếp trong lớp là nguồn tài liệu giúp trẻ hiểu về ý nghĩa của chữ viết. Giáo viên cần giúp trẻ hiểu rằng mỗi một từ được viết ra hoặc phát âm ra đều mang một ý nghĩa nhất định, và cho trẻ diễn tả ý nghĩa của chữ viết theo sự hiểu biết của mình.

1.4.3. Ý nghĩa của việc cho trẻ trải nghiệm với chữ viết

- Góp phần phát triển ngôn ngữ

Việc cho trẻ làm quen với CVTV không chỉ nhằm giúp trẻ nhận biết được các mặt chữ để phát âm chính xác khi nói mà còn tạo cho trẻ hứng thú học tiếng mẹ đẻ, làm tiền đề cho trẻ thích ứng với việc tập đọc, tập viết ở lớp Một. Làm quen với chữ viết không phải là một môn học độc lập, riêng biệt mà nó là một phần, một bộ phận của việc phát triển ngôn ngữ trong chương trình chăm sóc – giáo dục trẻ 5 – 6 tuổi. Vì vậy nó có ý nghĩa trực tiếp trong việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ cũng như giúp trẻ có những tiền đề cần thiết trước khi vào học ở trường phổ thông. Trước hết là rèn luyện kỹ năng nghe nói và giúp trẻ phân biệt được các âm khó, thông qua các chữ cái, ví dụ như: l – n, x – s,... Sau khi đã học các âm riêng lẻ cần giúp trẻ phân biệt được các âm trong từ, bằng cách đưa ra một chữ cái bất kỳ, yêu cầu trẻ gọi tên đồ vật có những âm đầu bằng chữ cái đã cho để trẻ phân biệt.

- Góp phần phát triển trí tuệ

Cho trẻ làm quen với chữ viết còn góp phần kích thích, phát triển hoạt động trí tuệ của trẻ. Qua các bài học làm quen với chữ viết thì óc quan sát, ghi nhớ, chú ý có chủ định của trẻ được rèn luyện và phát triển.

Trẻ nhận biết được chữ cái, nhớ được tên âm và tên chữ. Tham gia các trò chơi với chữ cái, trẻ phải nhận được luật chơi, với chữ cái trong từng trò chơi. Ở hoạt động này, trẻ không chỉ ghi nhớ được những gì chúng thích mà còn phải ghi nhớ tất cả những gì chúng chưa thích nhưng cô giáo yêu cầu. Bên cạnh đó, trẻ còn được rèn luyện để có khả năng linh hoạt, nhanh trí qua các trò chơi với chữ cái.

- Góp phần chuẩn bị cho trẻ mẫu giáo vào học lớp Một

Làm quen với chữ viết là loại bài học chỉ có ở mẫu giáo lớn. Được làm quen với hình dáng, cách xếp các chữ cái thành từ, cách phát âm các âm được chữ cái ghi lại... Những điều mới lạ đó kích thích trí tò mò, lòng ham hiểu biết, tâm lý chờ đợi việc được học lớp một.

Cho trẻ làm quen với chữ viết và chữ cái còn giúp trẻ hình thành và rèn luyện một số kỹ năng như cầm bút, cầm sách, mở từng trang sách, tư thế ngồi của một học sinh. Qua các bài học làm quen với chữ cái, bàn tay của trẻ được luyện tập, trẻ khéo léo khi xếp hạt, hạt, khi vẽ, cắt, dán các chữ cái đã học. Trẻ biết phối

hợp động tác giữa các ngón tay, bàn tay, cánh tay, khuỷu tay... để tập tô chữ cái theo mẫu, tô màu theo tranh, tạo chữ bằng các dụng cụ và trên các chất liệu khác... Nhờ vậy, trẻ hình thành dần một số kỹ năng cần thiết cho việc học tiếng Việt và các môn học khác ở lớp Một.

Việc cho trẻ làm quen với chữ viết phải tạo ra được hứng thú, ham muốn đi học, tránh làm thay công việc của lớp Một. Thật sai lầm khi bắt trẻ tập viết vào khuôn khổ nhất định, trong khi trẻ chưa chuẩn bị được những kỹ năng cần thiết trước khi tập viết như vẽ các nét giống với chữ viết được gọi là “tiền chữ viết”. Còn tập viết thực sự là nhiệm vụ của lớp Một và chỉ đến khi trẻ học lớp Một thì việc này mới có kết quả [17.tr84].

1.4.4. Các bước phát triển của trẻ khi nhận thức về chữ viết

Quá trình nhận thức về chữ viết của trẻ phát triển theo bốn bước sau:

Bước 1: Trẻ chú ý đến những hành động viết của người lớn khi người lớn sử dụng bằng những công cụ để viết.

Bước 2: Trẻ chú ý đến những chữ viết trong sách và trên những dấu hiệu. Theo Chomsky (1971): Vào thời điểm này trẻ đột nhiên quan tâm, chú ý đến tất cả những chữ viết xung quanh chúng – những tấm biển báo trên đường phố, những nhãn hiệu thực phẩm, tiêu đề các cuốn sách quen thuộc, trên biển quảng cáo,... trẻ cố gắng đọc tất cả mọi thứ, như vậy đã có một cơ sở tốt để chuyển từ việc đánh vần đến việc viết ra chữ. Nếu có sự giúp đỡ của người lớn thì trẻ có thể tiếp cận với việc học viết rất nhanh. Đây sẽ là một khoảng thời gian thật tuyệt vời đối với chúng.

Bước 3: Trẻ nhận thấy rằng những kí hiệu có thể phân biệt được này thì viết được tên của chúng.

Bước 4: Trẻ nhận biết được tên của một số chữ cái, đầu tiên là những chữ cái trong tên của chúng. Trong khi đó trẻ cố gắng quan sát để mở rộng thêm vốn từ thì khả năng phân biệt của chúng ngày càng trở nên tốt hơn bằng cách chăm chú, nhìn lâu hơn vào các nét chữ và đặc biệt là những chữ cái đầu tiên của từ (Jewell và Zintz (1986)).

Để bắt chước những nét chữ viết, trẻ phải trải qua các quá trình sau:

- Vẽ những nét nguệch ngoạc trông giống chữ viết hơn là những sản phẩm nghệ thuật hoặc chỉ đơn thuần là sự khám phá.

- Những nét nguệch ngoạc nói chung nằm cùng hàng ngang với những nét trước đó. Nhận thức về hướng của dòng kẻ có thể có được thông qua các trò chơi với chữ cái.

- Những hình dạng riêng biệt được tạo ra, thường là những hình kín thể hiện trong những dòng có mục đích.

- Sáng tạo ra những hình có hình dạng giống chữ cái.

- Viết ra những chữ cái có thể như chữ in, nhưng ở vị trí ngược, quay lên hoặc ngược xuống.

- Viết những từ hoặc những nhóm chữ cái với các khoảng cách ở giữa chúng.

- Xuất hiện những cách phát âm mà trẻ tự phát minh ra và có thể được minh họa cùng với những chữ cái.

- Sửa lại cách đánh vần từng từ cho đúng với khoảng cách nghỉ giữa các từ riêng biệt [16. tr 182].

1.5. Lý luận về giáo dục theo hướng trải nghiệm

1.5.1. Một số quan điểm về giáo dục theo hướng trải nghiệm

Ngay từ xa xưa, con người đã có những hiểu biết nhất định về ý nghĩa và vai trò của trải nghiệm với việc học tập của mỗi cá nhân. Ở phương Đông, hơn 2000 năm trước, Khổng Tử (551-479 TCN) nói: “Những gì tôi nghe, tôi sẽ quên. Những gì tôi thấy, tôi sẽ nhớ. Những gì tôi làm, tôi sẽ hiểu”. Tư tưởng này thể hiện tinh thần chú trọng học tập từ trải nghiệm và việc làm. Ở phương Tây, Aristotle (384- 332TCN) cho rằng: “Những điều chúng ta phải học trước rồi mới làm, chúng ta học thông qua làm việc đó”. Trong tác phẩm “Dân chủ và giáo dục” của John Dewey có câu viết “Một lượng thật nhỏ kinh nghiệm còn tốt hơn cả một tấn lý thuyết đơn giản chỉ bởi vì chỉ có trong kinh nghiệm thì lý thuyết mới có được ý nghĩa sống động và có thể kiểm chứng. Một kinh nghiệm giản đơn, dù là một kinh nghiệm vô cùng tầm thường, cũng có thể sinh ra và chuyên chở mọi lý thuyết (hoặc nội dung trí tuệ), song một lý thuyết mà tách rời khỏi một kinh nghiệm thì đứt khoát không thể lĩnh hội được, ngay cả xét nó là lý thuyết. Nó có khuynh hướng trở thành một công thức đơn thuần về ngôn từ, một tập hợp những khẩu lệnh được dùng để biến tư duy, khả năng đích thực tạo ra lý thuyết, trở nên không cần thiết và bất khả”[31]. Tại sao John Dewey lại đề cao vai trò của kinh nghiệm đến vậy? Bởi trải nghiệm thực

tế không chỉ là con đường để mỗi cá nhân tiếp thu những tri thức mới mà quan trọng hơn, trải nghiệm thực tế còn là cách thức duy nhất giúp chúng ta kiểm nghiệm được lý thuyết. Theo ông, một lý thuyết cho dù là đơn giản hay phức tạp cũng chỉ có ý nghĩa khi được áp dụng vào thực tế và được thực tế kiểm nghiệm.

Với triết lí giáo dục đề cao vai trò của kinh nghiệm, John Dewey đã chỉ ra rằng: những kinh nghiệm có ý nghĩa giáo dục giúp nâng cao hiệu quả giáo dục bằng cách kết nối người học và những kiến thức được học với thực tiễn. Giáo dục trải nghiệm theo John Dewey là quá trình người học tiếp thu, lĩnh hội những kiến thức bằng những kinh nghiệm do tự người học trải qua trong thực tiễn cuộc sống. John Dewey đề cao vai trò của kinh nghiệm thực tiễn hơn là những lý thuyết. Như vậy, điểm khác biệt cơ bản nhất giữa trải nghiệm và lý thuyết chính là tính thực tiễn. Lý thuyết hoàn toàn là một lý thuyết suông khi không được gắn với thực tiễn. Giáo dục trải nghiệm thì hoàn toàn ngược lại. Giáo dục trải nghiệm đưa cá nhân vào môi trường thực tế, gắn mỗi kinh nghiệm cá nhân thu được với thực tiễn cuộc sống. Chính điều này làm nên giá trị của giáo dục trải nghiệm.

Mô hình phương pháp học tập của David Kolb và lý thuyết học tập dựa trên kinh nghiệm đã được trình bày trong cuốn sách “học qua trải nghiệm: Kinh nghiệm là nguồn gốc học hỏi và phát triển” xuất bản năm 1984 cũng đưa ra một lý thuyết về học từ trải nghiệm. Trong lý thuyết này, David Kolb đã giới thiệu một mô hình học tập dựa trên trải nghiệm thường được biết đến với cái tên: “Chu trình học tập Kolb” như sau: Thông qua chu trình này, cả người học lẫn người dạy đều có thể cải tiến liên tục chất lượng cũng như trình độ của việc học. Trình tự của việc học theo mô hình học tập này không nhất thiết phải khởi đầu từ bước nào trong chu trình. Tuy nhiên Kolb dựa trên giả định quan trọng về việc học: tri thức khởi nguồn từ kinh nghiệm, tri thức cần được người học kiến tạo (hoặc tái tạo) chứ không phải là ghi nhớ những gì đã có[31].

Chu trình học tập trải nghiệm vận dụng cho trẻ mầm non trải nghiệm chữ viết như sau:

(1) Trải nghiệm cụ thể: học tập thông qua các hoạt động, hành vi, thao tác cụ thể, trực tiếp gắn với bối cảnh thực tế, trẻ được tham gia vào một trải nghiệm mới, kinh nghiệm có được thông qua làm, hoạt động trong hoàn cảnh cụ thể. Đây là lúc phát sinh dữ liệu của chu trình học tập. Cụ thể: khi trẻ được tham gia chuẩn bị môi

trường chữ viết cùng cô giáo và các bạn trước khi chơi TCĐVCCĐ kết hợp với những kinh nghiệm về chữ viết mà trẻ có được trong cuộc sống và trong hoạt động làm quen với chữ cái, trẻ sẽ được trải nghiệm cụ thể cùng chữ viết.

(2) Quan sát phản ánh: trẻ suy nghĩ trở lại các hoạt động và kiểm tra một cách hệ thống những kinh nghiệm đã trải qua, phát hiện những đặc điểm, ý nghĩa của nó. Từ đó cùng nhau chia sẻ, phân tích, thảo luận, nhận thức về chữ viết một cách hệ thống. Trẻ cần có các nhận xét, đánh giá các hoạt động, các kinh nghiệm qua việc tự mình suy ngẫm về kinh nghiệm đó.

(3) Trừu tượng hóa khái niệm: Trẻ học tập thông qua việc tổng hợp và phân tích những gì quan sát được tạo ra các kiến thức để giải thích các quan sát, là kết quả thu được từ sự tiếp nhận những gì cụ thể vốn có của hiện thực, qua thao tác tư duy của trẻ để có được sự nhận biết đích thực, bản chất về đối tượng. Cụ thể: Trẻ biết chữ viết để truyền tải một nội dung, thông tin nào đó trong cuộc sống hay các chữ cái riêng lẻ xuất hiện trong các từ,...

(4) Thử nghiệm tích cực: Trẻ sử dụng những kiến thức có được về chữ viết để giải quyết vấn đề, đưa ra các ý tưởng để trải nghiệm chữ viết tích cực trong các trò chơi đóng vai có chủ đề. Cụ thể: Trẻ tích cực sử dụng và trao đổi, nêu ra các ý tưởng chữ viết trong các vai chơi như: viết hóa đơn, sổ khám bệnh, đơn thuốc,...

Đặc trưng giáo dục trải nghiệm theo Kolb là thông qua việc tương tác với đối tượng, kết hợp với những kinh nghiệm người học đã có từ trước để tái tạo nên một hệ thống kiến thức mới chứ không đơn thuần là ghi nhớ những gì đã quan sát được. Khác với Dewey khi đề cao giá trị và vai trò của trải nghiệm, Kolb nhấn mạnh khía cạnh người học liên hệ những kiến thức đã có với những gì mà mình quan sát được (để thấy chúng liên hệ như thế nào) từ đó hình thành kiến thức mới và đưa kiến thức đó vào thực tế để thử nghiệm. Hiệp hội trải nghiệm giáo dục, hoặc AEE (Association for Experiential Education) được thành lập vào năm 1970 tại Boone, North Carolina bởi một nhóm các nhà giáo dục tin rằng cốt lõi của việc học tập được tăng cường và mở rộng thông qua những kinh nghiệm có được của bản thân người học. Tổ chức này đặc biệt coi trọng các hoạt động thực tế trong giáo dục. Do đó, tổ chức phi lợi nhuận này ra đời nhằm thúc đẩy giáo dục qua thực nghiệm. Theo hiệp hội này, giáo dục trải nghiệm là một phạm trù bao hàm nhiều phương pháp trong đó người dạy khuyến

khích người học tham gia trải nghiệm thực tế, sau đó phản ánh, tổng kết lại để tăng cường hiểu biết, phát triển kỹ năng, định hình các giá trị sống và phát triển tiềm năng bản thân, tiến tới đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội [31]. Ở Việt Nam, tư tưởng học tập gắn liền với thực tế cũng rất được coi trọng và được ông cha đúc kết thành nhiều câu tục ngữ như “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn” hay “Học đi đôi với hành”... Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhiều lần khẳng định tư tưởng học phải đi đôi với hành, lý luận phải gắn liền với thực tế. Giữa lý luận và thực hành có mối quan hệ, tác động qua lại với nhau. Tư tưởng này đã trở thành định hướng của Đảng trong công tác giáo dục và đào tạo nước ta, được thể hiện rất rõ trong điều 3 luật Giáo dục (2005) như sau: “Hoạt động giáo dục phải được thực hiện theo nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội”.

Trong rất nhiều quan điểm, triết lý khác nhau về giáo dục trải nghiệm, không thể không nhắc đến quan điểm giáo dục Montessori. Montessori khẳng định: “trẻ tự đào luyện mình trong mối quan hệ với môi trường” [31]. Có nghĩa là những gì mà trẻ có được phải “thông qua hoàn cảnh sống bên ngoài”, thông qua hoạt động tương tác trực tiếp của trẻ với môi trường. Một trong những tư tưởng triết lý của Montessori là chúng ta “không nên coi trọng trí óc hơn là đôi tay, mà phải kết hợp cả hoạt động của trí óc với đôi tay tạo thành một hoạt động sáng tạo song hành” [31]. Montessori gọi đôi tay là công cụ của trí tuệ và nhận định “đôi tay phối hợp với bộ não để tạo nên trí thông minh của trẻ”. Như vậy, “trải nghiệm” theo quan điểm Montessori nhấn mạnh việc học được thực hiện thông qua các tương tác với môi trường bằng sự kết hợp của nhận thức cảm tính và lý tính (sự phối hợp của đôi tay và trí óc) và cho rằng đó là một phần không thể thiếu để trẻ phát triển và hoàn thiện.

Vai trò của trẻ trong quá trình trải nghiệm không chỉ là người tham gia mà chính là chủ thể thực hiện các tương tác với đối tượng; thông qua quá trình tương tác này mà kiến tạo những kiến thức mới trở thành kinh nghiệm của bản thân. Như vậy, hiệu quả của giáo dục trải nghiệm phụ thuộc vào tính tích cực, chủ động, hứng thú, vốn kinh nghiệm... của người trải nghiệm - chính là chủ thể học. Bên cạnh vai trò chủ thể của người học thì vai trò người hỗ trợ, người hướng dẫn là giáo viên cũng vô cùng quan trọng. Giáo viên chính là người chuẩn bị, tổ chức và thiết kế được môi trường trải nghiệm sao cho trẻ

được vận động, đồng thời là người hướng dẫn, giúp đỡ... được thao tác với đối tượng để đi đến kết quả cuối cùng là những hiểu biết của trẻ về những đối tượng đó là chính xác, chân thực và sinh động.

1.5.2. Đặc trưng của giáo dục trải nghiệm

Dù có nhiều trường phái, quan điểm khác nhau về giáo dục trải nghiệm. Tuy nhiên, giữa các trường phái, quan điểm vẫn có những nét tương đồng về đặc điểm của giáo dục trải nghiệm. Theo tổng kết của tạp chí công nghệ giáo dục số 2, tháng 6/2014 đưa ra các đặc điểm của giáo dục trải nghiệm như sau: Học tập được tiếp nhận tốt nhất trong quá trình, không phải ở kết quả. Nghĩa là giáo dục trải nghiệm không chỉ quan tâm đến kết quả của việc học đó ra sao mà quan trọng hơn là trẻ học như thế nào trong quá trình học tập đó. Như vậy, kết quả không phải là yếu tố quyết định tất cả về việc học mà cần quan tâm cả quá trình đi đến kết quả đó. Học tập trải nghiệm là quá trình liên tục bắt nguồn từ kinh nghiệm để tạo ra tri thức. Có nghĩa là nguồn gốc những kiến thức mà trẻ có được xuất phát từ thực hành chứ không phải là một lý thuyết. Từ những kinh nghiệm đã có đó, kết hợp với những gì mà trẻ cảm nhận được bằng các giác quan để xây dựng, một kiến thức mới hoặc mở rộng kiến thức của bản thân trẻ chứ không phải chỉ là ghi nhớ những gì trẻ thấy. Học tập trải nghiệm bao gồm các tương tác giữa con người với đối tượng. Nghĩa là kiến thức mà trẻ thu được không phải nhờ vào việc cô truyền thụ cho trẻ hay trẻ bị động, ngồi yên, mà cách duy nhất để học tập thông qua giáo dục trải nghiệm là trẻ phải chủ động, tích cực tiếp xúc, tác động tới môi trường đó.

Trong quá trình trải nghiệm, trẻ là trung tâm là chủ thể của hoạt động trải nghiệm. Vì vậy, giáo dục trải nghiệm đòi hỏi trẻ phải có nhu cầu, hứng thú, sự tò mò với đối tượng trải nghiệm. Bởi vì chính sự hứng thú, tò mò sẽ trở thành động lực thúc đẩy trẻ tham gia vào quá trình trải nghiệm và tự trải nghiệm để tìm hiểu thế giới xung quanh. Cùng với trẻ, giáo viên là người dẫn dắt, hướng trẻ vào môi trường trải nghiệm, đồng thời là người quan sát, giúp đỡ và kiểm tra, hướng dẫn, hệ thống lại những kiến thức mà trẻ thu được qua trải nghiệm. Môi trường trải nghiệm là một yếu tố quan trọng và cần thiết trong quá trình trải nghiệm. Môi trường trải nghiệm phải khai thác được hết kinh nghiệm của trẻ; đảm bảo an toàn, đầy đủ đối tượng trải nghiệm để trẻ có thể chủ động, tích cực tương tác với môi trường [31].

Tóm lại, giáo dục trải nghiệm là việc giáo viên tổ chức cho trẻ tương tác với đối tượng, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của “trí óc” và “đôi tay”. Quá trình tổ chức trải nghiệm đó cần được thiết kế dựa trên vốn kinh nghiệm của trẻ và khơi gợi sự hứng thú, trí tò mò thúc đẩy trẻ tham gia vào hoạt động trải nghiệm. Trong hoạt động trải nghiệm, việc trẻ tích cực, chủ động tiến hành trải nghiệm quan trọng hơn kết quả của quá trình đó.

1.6. Trò chơi đóng vai có chủ đề với việc giúp trẻ 5-6 tuổi tăng cường trải nghiệm chữ viết.

1.6.1. Khái niệm về chơi của trẻ mẫu giáo

Chơi là một hoạt động tự lập của trẻ, chơi không nhằm tạo ra sản phẩm (kết quả vật chất) mà chủ yếu nhằm thỏa mãn nhu cầu được chơi của trẻ (kết quả tinh thần), được bắt chước làm người lớn của trẻ. Chơi của trẻ không phải là thật mà giả vờ (giả vờ làm một cái gì đó, giả vờ đóng một người nào đó) nhưng sự giả vờ ấy của trẻ mang lại tính chân thực. Động cơ chơi của trẻ không nằm trong kết quả chơi mà nằm ngay trong các hành động chơi của trẻ và chính các hành động chơi của trẻ kích thích chúng chơi và duy trì hứng thú chơi của trẻ.

Như vậy, chơi khác với tất cả các hoạt động khác là ở chỗ trò chơi mang tính kí hiệu tượng trưng, động cơ của trò chơi không nằm ở kết quả mà nằm ngay trong bản thân hành động chơi. Trò chơi thoát khỏi những phương thức hành động bắt buộc hay nói cách khác nó mang tính tự do và tự nguyện, trò chơi là hoạt động tự lập của trẻ (trẻ tự lựa chọn trò chơi, bạn chơi và tìm kiếm các phương tiện để thực hiện dự định chơi của mình...).

Nếu như trong hoạt động học tập và lao động, nhân tố dạy dỗ chủ yếu thuộc về người lớn thì trò chơi được quan niệm như một hình thức của tính tự lập mang tính tích cực của trẻ em. Trong trò chơi, trẻ em có thể tự mình lựa chọn chủ đề và mở rộng chủ đề theo những hướng khác nhau. Bằng những phương tiện phù hợp và vừa với sức của mình, trẻ em vận dụng những tri thức, kĩ năng, kĩ xảo vốn có để giải quyết các nhiệm vụ đã đặt ra trong trò chơi. Tất nhiên tính tự lập và tính tích cực của trẻ em là khái niệm tương đối ở một lứa tuổi nhất định. Trong trò chơi không có những yêu cầu khắt khe của người lớn nhằm đạt được một kết quả nhất định. Tuy vậy vẫn cần phải dạy trẻ em chơi, bởi vì nếu không có tác động sư phạm của người lớn thì trò chơi của trẻ em sẽ bị kìm hãm trong sự phát triển của chính nó. Song cũng không nên hiểu sự phát

triển của trò chơi như như là kết quả trực tiếp của việc dạy dỗ. Những phương thức mô tả hiện thực bằng trò chơi mà trẻ em nắm được phải được trẻ khái quát hóa và vận dụng chúng vào những hoàn cảnh mới và thay đổi sao cho phù hợp với kinh nghiệm cá nhân của trẻ cũng như phù hợp với quan hệ của trẻ em đối với xung quanh. Trong trò chơi, vai trò của người lớn không bị loại bỏ mà ở đây chỉ thay chức năng dạy thành chức năng tổ chức hướng dẫn [4, tr. 160].

1.6.2. Nguồn gốc và bản chất của trò chơi đóng vai có chủ đề

Trò chơi là một hiện tượng sống phức tạp và lý thú, nó thu hút được sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu thuộc các lĩnh vực khác nhau. Khi bàn về nguồn gốc và bản chất TCĐVCCĐ của trẻ đã có rất nhiều quan điểm, ý kiến khác nhau. Một số nhà tâm lý – giáo dục học theo trường phái sinh học như K. Groos, S. Hall, V. Stern... cho rằng, trò chơi của trẻ em là do bản năng quy định, chơi chính là sự giải tỏa năng lượng dư thừa, là sự luyện tập trước những chức năng mà trẻ em phải đảm nhận trong xã hội khi chúng đến tuổi trưởng thành. Trò chơi của động vật con và của trẻ em giống nhau. Từ đó phủ nhận ảnh hưởng của môi trường xã hội đến nội dung chơi của trẻ em.

Một số nhà tâm lý – giáo dục học theo trường phái phân tâm học như S. Freud, A. Atller... cho rằng, trò chơi của trẻ em cũng do bản năng quy định. Chơi của trẻ chính là những giấc mơ, mộng ảo mang tính vô thức. Trong trò chơi của trẻ chứa đựng những ý nghĩ thầm kín và những mong muốn vô thức của trẻ em. Trẻ chơi là để chạy trốn khỏi thế giới hà khắc của người lớn với bao điều cấm đoán để đến với một thế giới êm đềm của trẻ thơ, nơi ấy chúng được thả sức làm những gì mà chúng muốn. Theo họ, đứa trẻ giống như một sinh vật mỏng manh, yếu ớt luôn luôn phải chịu đựng sự cấm đoán hà khắc của người lớn và trò chơi dường như giúp trẻ giải tỏa được những tình cảm, mong muốn của chúng và trong trò chơi trẻ được tự do làm những điều chúng muốn mà không lo bị quở trách từ phía người lớn. Từ đó, các tác giả này cho rằng trò chơi là phương tiện, con đường duy nhất giúp trẻ em bù đắp lại những “thiếu hụt” của mình và để “trả thù” những người lớn xung quanh luôn cấm đoán chúng [4.tr165].

Từ những quan niệm về chơi như thế, ở phương Tây đã xuất hiện và phát triển thuyết “Giáo dục tự do” theo nguyên tắc cứ để cho trẻ được hành động theo ý muốn của nó, người lớn không nên can thiệp vào cuộc sống và công việc của trẻ.

Các nhà tâm lý học và giáo dục học Mác xít đã khẳng định rằng: Trò chơi có nguồn gốc từ lao động và mang bản chất xã hội. Trò chơi được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác chủ yếu bằng con đường giáo dục.

V. Plêkhanốp là người đầu tiên giải thích về nguồn gốc trò chơi dưới góc độ mác xít. Ông cho rằng: Trong lịch sử loài người, trò chơi và nghệ thuật đều có nguồn gốc từ lao động và phản ánh lao động: Trò chơi là con đẻ của lao động, xét về mặt thời gian thì lao động có trước và trò chơi có sau và trò chơi là một sợi dây nối liền các thế hệ với nhau, cụ thể hơn là trò chơi truyền thụ những thành tựu văn hóa từ đời này sang đời khác.

Theo Đ.B. Elcônhin: Lịch sử phát triển trò chơi gắn liền trong mối quan hệ với sự phát triển của xã hội loài người và sự thay đổi vị trí của đứa trẻ trong quan hệ thống nhất các mối quan hệ xã hội và trẻ có nhu cầu chơi vì chúng mong muốn hiểu biết thêm về cuộc sống xung quanh.

Các công trình nghiên cứu của một số nhà tâm lý học Xô - viết như L.S. Vugotxki, A.N. Leontiep... đã chứng minh rằng, trò chơi của trẻ em khác về căn bản so với những trò chơi của động con về nội dung cũng như về cấu trúc. Trò chơi của trẻ em không có nguồn gốc sinh học, mà lại có nguồn gốc xã hội – lịch sử. Trò chơi được xã hội bày ra và vun trồng nhằm giáo dục và chuẩn bị cho trẻ đến với hoạt động lao động trong tương lai.

Bên cạnh đó, một số nghiên cứu về trò chơi của các nhà tâm lý – giáo dục phương Tây như A.Vallon, N.Khrixtencen, R. Pfiutse, I. Launer... cũng chỉ ra rằng, trò chơi của trẻ là một hiện tượng xã hội, trong khi chơi trẻ nhớ lại các ấn tượng, các cảm xúc đã thu nhận được ở cuộc sống xung quanh[4.tr167].

1.6.3. Đặc thù của trò chơi đóng vai có chủ đề.

- TCVCCĐ là do trẻ tự nghĩ ra (tự nghĩ ra dự định chơi, lập kế hoạch chơi, chọn bạn chơi, phân vai chơi và tìm kiếm phương tiện phù hợp dự định chơi ban đầu,...).

- TCVCCĐ bao giờ cũng có vai chơi, các chủ đề, có nội dung và hai mối quan hệ (qua hệ thực và quan hệ chơi), có hoàn cảnh tưởng tượng. Tất cả các thành tố này đều liên quan mật thiết với nhau bổ sung cho nhau. Nếu thiếu một trong hai thành tố kể trên thì lúc ấy không còn là trò chơi đóng vai có chủ đề nữa.

- TCĐVCCĐ mang tính tự do, tự nguyện, tính sáng tạo, tính tự lập cao hơn so với một số trò chơi khác [4.tr168].

1.6.4. Sự phát triển của trò chơi đóng vai có chủ đề ở lứa tuổi 5- 6 tuổi

Khi bước vào tuổi mẫu giáo lớn 5- 6 tuổi, các nhóm chơi ổn định và bền vững trên cơ sở của các nhóm chơi từ lớp nhỡ 4-5 tuổi chuyển lên, dần dần xuất hiện nhiều trò chơi tập thể có thể kéo dài hàng tuần, hàng tháng. Số lượng vai chơi đông, kéo theo việc chủ động và xuất hiện chủ đề chơi mới làm cho nội dung chơi trở nên đa dạng và phong phú.

Trẻ tự tổ chức và điều khiển trò chơi không cần có sự hỗ trợ trực tiếp của người lớn. Trẻ bắt đầu chú ý đến chất lượng đóng vai, từ đó yêu cầu cụ thể cho mỗi vai chơi, biết phân công vai nào cho ai là hợp lí, tự lựa chọn “thủ lĩnh”, điều khiển trò chơi. Trong khi chơi, trẻ tích cực trao đổi cùng nhau thỏa thuận bàn bạc về dự định chơi, bổ sung phương tiện chơi, dự kiến đưa thêm trò chơi mới. Giữa các nhóm chơi có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, phối hợp cùng nhau hướng theo một chủ đề chung dưới sự điều khiển của “thủ lĩnh”. Trong quá trình chơi trẻ biết nhận xét và đánh giá các bạn khác cũng như biết nhận xét về bản thân mình[4.tr169].

1.6.5. Ưu thế của trò chơi đóng vai có chủ đề đối với việc giúp trẻ 5-6 tuổi tăng cường trải nghiệm chữ viết.

Nhận thức về chữ viết ở trẻ mẫu giáo 5- 6 tuổi không phải là những kiến thức, kĩ năng, thái độ sẵn có mà được hình thành và phát triển thông qua con đường giáo dục. Trải nghiệm chữ viết là một trong hình thức học tập hiệu quả, nội dung làm quen với việc đọc, viết là một bộ phận của lĩnh vực phát triển ngôn ngữ, có mối quan hệ tác động qua lại đối với các lĩnh vực phát triển khác: thể chất, nhận thức, tình cảm – xã hội.

Trong trò chơi tập thể, cụ thể là TCĐVCCĐ, ngôn ngữ đặc biệt có ý nghĩa. Trẻ biết sử dụng lời nói trong quá trình chơi cùng nhau để làm công cụ giao tiếp, phối hợp hành động, để giao ước với những người cùng tham gia. Trẻ hiểu ngữ nghĩa của từ một cách chính xác hơn, vận dụng linh hoạt hơn, lời nói diễn cảm hơn chính trong những tình huống cụ thể của trò chơi. M.Goorki đã nói: “Trong lúc chơi, vận dụng từ ngữ trẻ hiểu được cái tinh tế của ngôn ngữ mẹ đẻ. Trong quá trình chơi trẻ biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của nhau, chia sẻ, hỗ trợ nhau, chính điều đó góp phần giúp cho ngôn ngữ của trẻ được trải nghiệm và phát triển”.

Để giúp trẻ làm giàu vốn từ, phong phú hơn, phát triển tư duy và óc tưởng tượng sáng tạo thì nên coi trò chơi chính là một trong những cơ sở giáo dục quan trọng... cho trẻ lứa tuổi mẫu giáo.

Trong phát triển ngôn ngữ, trò chơi có rất nhiều vai trò cụ thể: muốn tạo động lực, khuyến khích sự sáng tạo trong ngôn ngữ cũng rất cần đến trò chơi, hay vai trò khác của trò chơi trong việc giới thiệu và làm rõ các từ khái niệm mới. Mặt khác, trò chơi cũng khuyến khích việc sử dụng và thực hành ngôn ngữ, phát triển nhận thức về ngôn ngữ, khuyến khích lời nghĩ bằng lời.

Trò chơi giúp hỗ trợ cho sự phát triển ngôn ngữ, kinh nghiệm xã hội ảnh hưởng rất nhiều đến cách nghĩ của trẻ. Hơn thế nữa ngôn ngữ lại là phương thức giao tiếp đầu tiên của trẻ. Trò chơi, đặc biệt là các trò chơi đóng vai theo chủ đề, cung cấp cho trẻ cơ sở của việc giả vờ và có thể khuyến khích ngôn ngữ và kinh nghiệm xã hội. Đối với những trò chơi mang kịch tính xã hội thì những đứa trẻ nào dành nhiều thời gian chơi các trò chơi này sẽ có năng lực về mặt xã hội hơn, tiến bộ hơn trong phát triển trí óc cũng như năng lực chuẩn bị cho việc học tập trong đó có học đọc, viết.

Trò chơi là phương tiện giáo dục toàn diện, trong đó giáo dục phát triển ngôn ngữ và chuẩn bị cho việc học đọc, học viết của trẻ được đặc biệt chú trọng. Trải nghiệm chữ viết bao gồm việc trẻ lĩnh hội, thu thập được toàn bộ thái độ, sự kỳ vọng, cảm xúc, hành vi và kỹ năng liên quan đến chữ viết. Đối với trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi, toàn bộ thái độ và kỹ năng này tạo nên sự nhận thức về chữ viết của trẻ, chỉ có con đường thông qua trò chơi mà trong đó là TCDVCCĐ thì sự phát triển sẽ là tốt nhất. Những kinh nghiệm đọc viết của người lớn, những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, những phương thức của hành động đọc viết, được trẻ lĩnh hội một cách hết sức tự nhiên trong TCDVCCĐ. Trong từng vai chơi cụ thể thì trẻ hiểu rằng: để biểu đạt thông tin, suy nghĩ, xúc cảm của bản thân và để giao tiếp thì người lớn thường sử dụng ngôn ngữ viết. Chính vì thế, trong khi trẻ giao tiếp, biểu đạt suy nghĩ, cảm xúc của bản thân mình với những người xung quanh qua những vai chơi, những tình huống cụ thể thì trẻ có mong muốn, nhu cầu, ý thức về việc sử dụng các kí hiệu chữ viết, trẻ sử dụng các kí hiệu để diễn tả nghĩa của ngôn ngữ viết phù hợp với từng hoàn cảnh theo cách riêng của mình, trẻ thực hiện đúng hành vi của người đọc, viết,... Mặt khác, những xúc cảm, thị hiếu đối với việc đọc viết, sách vở và các dụng cụ viết, vẽ từ môi trường xung

quanh,... cũng được hình thành và phát triển ở trẻ qua từng vai chơi. Từ đó hình thành và phát triển năng lực chuẩn bị cho học tập ở lớp một của trẻ.

Để giúp cho các trò chơi trở nên phong phú và giàu tính tượng tượng hơn đồng thời còn giúp cho trò chơi được tiến triển đảm bảo mục đích hay nhiệm vụ của trò chơi kết hợp với đan xen, linh hoạt với trải nghiệm chữ viết, mang lại những tác động tích cực trong nhận thức nói chung, chữ viết nói riêng, rèn luyện các kĩ năng cơ bản, tự điều chỉnh về mặt tình cảm và nhận thức, sử dụng các biểu tượng... thì việc hỗ trợ của giáo viên trong TCĐVCCĐ của trẻ là rất cần thiết. Trẻ muốn đạt được kết quả cao trong các hoạt động đọc, viết thì những kĩ năng này cần được rèn luyện thường xuyên.

Giúp trẻ trải nghiệm, khám phá về nhiều chức năng của ngôn ngữ thì trò chơi chính là nơi tạo ra những hoàn cảnh nhiều ý nghĩa và rất tự nhiên cho trẻ trải nghiệm. TCĐVCCĐ có tiềm năng to lớn cho sự phát triển thuận lợi các kiến thức, kĩ năng đọc viết của trẻ bởi trò chơi chính là một công cụ cho sự phát triển khả năng học tập của trẻ. Việc học tập sau này của trẻ ở trường sẽ đạt kết quả tốt hơn nếu như trẻ chơi các trò chơi có tính kịch phong phú hơn và để trẻ chơi của trẻ thêm phong phú, hấp dẫn và đạt kết quả hơn thì việc người lớn tham gia vào trò chơi của trẻ, gợi mở, dẫn dắt sẽ là rất tốt.

TCĐVCCĐ và ngôn ngữ có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại tích cực cho nhau. Ngôn ngữ có ưu thế quan trọng đối với trò chơi nhưng trò chơi cũng có ưu thế quan trọng không kém đối với sự phát triển của ngôn ngữ nói chung và khả năng nhận thức chữ viết nói riêng như việc phát triển nhiều kĩ năng cơ bản và các hoạt động nhận thức phức tạp như khả năng ghi nhớ, tự điều chỉnh, quan sát, thích nghi hoàn cảnh, khả năng về tổng hợp ngôn ngữ, khả năng tổng hợp hình ảnh, và các kĩ năng xã hội khác giúp cho việc tiếp thu tốt trong học tập.

Khi trẻ chơi trong từng vai chơi, tình huống chơi của TCĐVCCĐ thì trẻ sẽ học được cách đọc và viết. Chúng học cách miêu tả sự trừu tượng mà đối tượng có thể là sự vật hoặc con người nào đó. Việc nhận ra chữ cái, từ trong một loạt các chữ cái khác mang đến khả năng suy luận trừu tượng. Trò chơi cung cấp một nền tảng nhận thức tuyệt vời.

Trẻ kết hợp việc đọc, viết vào TCĐVCCĐ của mình bằng cách tạo ra những dấu hiệu ghi nhớ và danh mục trên trang sách, quyển sổ, hóa đơn,... bằng

bút. Trẻ giả vờ đọc, viết, chúng học được rằng chúng có thể để lại những dấu hiệu của bản thân chúng trên những mẫu giấy bằng cách viết ra.

Như vậy, có rất nhiều cách thức, con đường giúp trẻ được trải nghiệm chữ viết, nhưng con đường học thông qua hoạt động chủ đạo vui chơi, mà đặc biệt là TCĐVCCĐ là cách ưu thế nhất. Bởi vì trẻ được học thông qua chơi vui vẻ, ở đó đọc, viết trở thành đối tượng của TCĐVCCĐ. Khi tham gia chơi, bản thân trẻ tự xuất hiện nhu cầu đọc, viết, phát triển năng lực nhận thức và sử dụng kí hiệu. Việc xác định mục đích của trò chơi do giáo viên thực hiện kết hợp với cách tổ chức môi trường chữ viết bao gồm đồ chơi, học liệu liên quan đến chữ viết như: sổ, sách, giấy, bút,... sẽ giúp trẻ trải nghiệm với việc đọc viết dễ dàng, trẻ nhận thấy mình như người biết đọc, biết viết. Điều này giúp trẻ có nhu cầu đọc viết một cách tự nhiên và từ bên trong bản thân trẻ, dần dần nó trở thành nhiệm vụ cần thiết trong cuộc sống của trẻ.

TCĐVCCĐ có ý nghĩa quyết định để hình thành nhân cách trẻ 5-6 tuổi nói chung, đặc biệt là tăng cường trải nghiệm chữ viết nói riêng. Chính trong TCĐVCCĐ, trẻ làm quen với xã hội của người lớn, học cách ứng xử và giao tiếp, từ đó góp phần phát triển ngôn ngữ hiệu quả cho trẻ, ngoài ra trẻ học cách sử dụng các công cụ, trong đó có công cụ chữ viết của con người.

Kết luận chương 1

Nhiều công trình trong và ngoài nước nghiên cứu và đề cập đến nội dung trải nghiệm chữ viết cho trẻ và TCĐVCCĐ. Ngành giáo dục mầm non nước ta cũng rất quan tâm sử dụng TCĐVCCĐ trong các hoạt động giáo dục, có hướng dẫn đến cách tổ chức cho trẻ chơi TCĐVCCĐ nhưng chưa khai thác các nội dung trải nghiệm chữ viết cho trẻ trong TCĐVCCĐ.

Trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi là hình thức thể hiện của hoạt động phát triển ngôn ngữ, trong đó có nội dung làm quen với đọc, viết. Trải nghiệm chữ viết giúp trẻ có hiểu biết cơ bản, nhận thức về biểu tượng như: hệ thống ký hiệu, ý nghĩa, quy tắc và xúc cảm đối với chữ viết trong cuộc sống. Với trẻ mầm non, trải nghiệm chữ viết chính là làm thế nào trẻ trực tiếp tiếp xúc, hoạt động, thực hành trong môi trường chữ viết, nuôi dưỡng lòng ham muốn biết chữ, bày tỏ sự tương tác với môi trường chữ viết xung quanh, khuyến khích việc hình thành những kỹ năng cần thiết để chuẩn bị cho việc viết chữ của trẻ.

TCĐVCCĐ ở trường mầm non là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi, được người lớn tổ chức, hướng dẫn, nhằm thỏa mãn nhu cầu vui chơi và nhận thức của trẻ. Khi trẻ được chơi TCĐVCCĐ, trẻ được hóa thân vào từng nhân vật, được thực hành các vai chơi, các tình huống gần gũi, quen thuộc với cuộc sống xung quanh trẻ, trẻ hào hứng, vui vẻ trong trò chơi. Trẻ chơi say mê, phát triển vốn từ, ngôn ngữ, chữ viết, phát triển tư duy trừu tượng, chú ý, ghi nhớ, ... các biểu tượng, kí hiệu trong cuộc sống cũng phong phú và đa dạng hơn.

Việc tăng cường cho trẻ trải nghiệm chữ viết trong TCĐVCCĐ là một công việc vô cùng cần thiết. Trẻ được trực tiếp thực hành, trải nghiệm nhiều hơn trong môi trường chữ viết qua hoạt động, tình huống gần gũi xung quanh. Trẻ nhận biết được các chữ cái và phát âm chuẩn các chữ cái trong các từ trọn vẹn, biết ngồi và cầm bút đúng tư thế, các cơ ngón tay, cơ bàn tay của trẻ cũng phải hoạt động nhiều hơn, phát triển ở trẻ khả năng quan sát, so sánh và phát triển ngôn ngữ của trẻ, hiểu ý nghĩa giữa lời nói và chữ viết. Như vậy vừa đáp ứng được lòng ham hiểu biết, tính tò mò, khám phá, vừa kích thích trẻ đến với chữ viết một cách hiệu quả nhất.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VIỆC TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT CHO TRẺ 5-6 TUỔI TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ

2.1. Mục đích điều tra thực trạng

Điều tra nhằm làm rõ thực trạng của việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ, mức độ trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi. Dựa trên kết quả điều tra, xác lập cơ sở thực tiễn cho việc nâng cao nhận thức chữ viết cho trẻ và nhận thức của GVMN, từ đó xây dựng các biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ.

2.2. Khách thể và thời gian điều tra thực trạng

- 50 GVMN đã và đang trực tiếp dạy trẻ 5-6 tuổi trong tỉnh Ninh Bình.
- 60 trẻ 5-6 tuổi tại trường MN Ninh Giang, MN Ninh An
- Thời gian điều tra: Tháng 12 năm 2018, tháng 1 năm 2019.

2.3. Nội dung điều tra thực trạng

- Nhận thức của GVMN về việc cho trẻ 5-6 tuổi trải nghiệm chữ viết trong TCĐVCCĐ.
- Việc sử dụng biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ của GVMN.
- Mức độ nhận biết về chữ viết qua trải nghiệm của trẻ 5-6 tuổi.

2.4. Cách tiến hành điều tra thực trạng

Bước 1: Tiến hành điều tra

- Gửi phiếu khảo sát tới GVMN. Phiếu khảo sát gồm hệ thống câu hỏi (câu hỏi kín và câu hỏi mở).
- Quan sát quá trình tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ của GVMN.
- Tiến hành đàm thoại, trao đổi ý kiến với ban giám hiệu trường MN, GVMN, trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi nhằm làm sáng tỏ và cụ thể hóa các nội dung khảo sát, đồng thời xác định những nguyên nhân của thực trạng.
- Nghiên cứu sản phẩm: kế hoạch giáo dục trẻ theo chủ đề Nghề nghiệp, Động vật của GVMN.

- Tổ chức đánh giá mức độ trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi qua hệ thống bài tập khảo sát.

Bước 2 : Xử lý kết quả khảo sát

Bước 3 : Nhận xét ưu điểm, hạn chế của thực trạng và rút ra nguyên nhân.

2.5. Tiêu chí và thang đánh giá mức độ trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi

2.5.1. Tiêu chí đánh giá

- Tiêu chí 1: Hứng thú trải nghiệm chữ viết

Biểu hiện:

- + Tập trung chú ý khi tiếp xúc và hoạt động với chữ viết
- + Thời gian chú ý đủ để trải nghiệm với chữ viết.
- + Trạng thái vui vẻ, hồ hởi, có sự nỗ lực trong quá trình chơi cùng chữ viết.

- Tiêu chí 2: Nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng)

Biểu hiện:

- + Nhớ được tên và phát âm các chữ cái, các thanh điệu.
- + Nói được cấu tạo của các chữ cái
- + Chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa các chữ cái trong nhóm.
- + Biết nối chữ cái tách rời với một số từ trong chủ đề
- + Tìm đúng thanh điệu trong cụm từ, đoạn văn bản.

- Tiêu chí 3: Hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin

Biểu hiện:

- + Yêu cầu người lớn đọc truyện, văn bản, tài liệu thể hiện bằng chữ viết để biết nội dung, hoặc hỏi về nội dung được thể hiện bằng chữ viết.
- + Biết tạo ra các kí hiệu viết hoặc chữ viết về một nội dung muốn thể hiện
- + Biết thể hiện ý tưởng, suy nghĩ của bản thân qua các kí hiệu vừa tạo ra.
- + Biết dùng chữ viết trong hoạt động nào đó.

- Tiêu chí 4: Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ

Biểu hiện:

- + Tô theo các nét chữ in mờ.
- + Tô, viết chữ theo đúng trật tự: nét nào trước, nét nào sau.
- + Tô, viết chữ theo đúng hướng: từ trên xuống dưới, trái sang phải.
- + Sao chép 1 số các chữ cái theo mẫu.

- Tiêu chí 5: Thực hiện đúng hành vi của người viết

Biểu hiện:

- + Biết ngồi đúng tư thế.
- + Cầm bút đúng cách, đặt vở đúng chiều.
- + Biết cách gỡ vở, sách từ trang này sang trang khác.
- + Biết giữ gìn sách vở (không vò, xé, ném vở).

2.5.2. Thang đánh giá

Mỗi tiêu chí có tổng số điểm tối đa như sau: Tiêu chí 1: 8đ, Tiêu chí 2: 12đ, Tiêu chí 3: 6đ, Tiêu chí 4: 12đ, Tiêu chí 5: 12đ và được đánh giá qua 3 mức độ:

*** Tiêu chí 1: Hứng thú trải nghiệm chữ viết (8đ)**

- MĐT (<5 điểm): Trẻ ít quan tâm, ít vui vẻ khi trải nghiệm chữ viết, tỏ ra thờ ơ, không thích thú chữ viết, thời gian trải nghiệm chữ viết từ 2 đến 4 phút, thiếu tập trung trải nghiệm chữ viết.

- MĐTB(5- <7 điểm): Trẻ hứng thú với trải nghiệm chữ viết, vui vẻ với hoạt động, thời gian hứng thú trải nghiệm chữ viết từ 5 đến 7 phút, đôi khi trẻ còn thiếu tập trung trong hoạt động trải nghiệm chữ viết, đang thực hiện nhiệm vụ trải nghiệm chữ viết thì trẻ có thể thích một hoạt động khác không thuộc nội dung trải nghiệm chữ viết.

- MĐC(7 - 8 điểm): Trẻ rất hứng thú, vui vẻ và hào hứng với hoạt động trải nghiệm chữ viết. Thời gian hứng thú trải nghiệm chữ viết từ 10 đến 15 phút, trẻ tập trung trong hoạt động trải nghiệm chữ viết, không bị phân tán cho nội dung khác.

*** Tiêu chí 2: Nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng) (12đ)**

- MĐT (<6điểm): Trẻ phát âm, gọi tên còn nhầm lẫn các chữ cái hoặc thanh điệu. Chưa chỉ ra được điểm khác nhau giữa các chữ cái trong một nhóm, hoặc chỉ được nhưng chưa đầy đủ. Không nối được chữ cái với từ có chứa chữ cái học trong chủ đề. Chưa tìm được thanh điệu trong cụm từ, đoạn văn bản.

- MĐT B (6 -<9 điểm): Trẻ phát âm, gọi tên đúng âm thanh tương ứng với các chữ cái và thanh điệu, nhưng còn chậm. Chỉ ra được điểm khác nhau giữa các chữ cái trong một nhóm. Nối được chữ cái với 1 đến 2 từ có chứa chữ cái trong chủ đề. Tìm đúng thanh điệu, trong cụm từ, đoạn văn bản còn chậm hoặc đôi khi vẫn nhầm lẫn.

- MĐC (9-12 điểm): Trẻ phát âm, gọi tên đúng âm thanh tương ứng với các chữ cái và thanh điệu rất nhanh và chính xác. Chỉ ra được điểm khác nhau giữa các chữ cái trong một nhóm rất nhanh. Nối được chữ cái với 4 – 5 từ có chứa chữ cái trong chủ đề. Tìm đúng thanh điệu trong cụm từ, đoạn văn bản rất nhanh.

*** Tiêu chí 3: Hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin (6đ)**

- MĐT (<4 điểm): Trẻ yêu cầu người lớn đọc truyện, muốn biết nội dung trong truyện, hoặc văn bản chữ viết. Chưa tạo được kí hiệu viết hoặc chữ viết. Chưa thể hiện được ý tưởng, suy nghĩ của bản thân qua các kí hiệu vừa tạo ra. Chưa biết sử dụng chữ viết trong hoạt động mặc dù có sự gợi ý của giáo viên.

- MĐT B (4- <5 điểm): Trẻ yêu cầu người lớn đọc truyện hoặc muốn biết nội dung trong truyện, văn bản chữ viết. Tạo được một vài kí hiệu viết hoặc chữ viết. Thể hiện được một vài ý tưởng, suy nghĩ của bản thân qua các kí hiệu vừa tạo ra. Biết sử dụng chữ viết trong hoạt động nhưng phải nhờ sự gợi ý, giúp đỡ của giáo viên.

- MĐC (5- 6 điểm): Trẻ tự mình yêu cầu người lớn đọc truyện, mong muốn biết nội dung trong truyện, hoặc văn bản chữ viết. Hiểu ý nghĩa và tạo được nhiều kí hiệu viết hoặc chữ viết. Nhanh chóng thể hiện được nhiều ý tưởng, suy nghĩ của bản thân qua các kí hiệu vừa tạo ra. Linh hoạt sử dụng chữ viết trong các hoạt động mà không cần sự gợi ý của giáo viên.

*** Tiêu chí 4: Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ (12đ)**

- MĐT (<6 điểm): Trẻ tô lên các nét chữ in mờ nhưng không chuẩn. Tô, viết chữ chưa theo đúng trình tự các nét, chưa theo đúng hướng: từ trên xuống dưới, từ trái qua phải mặc dù có sự trợ giúp của giáo viên.

- MĐTB (6 - <9 điểm): Trẻ biết tô trùng khít lên các nét chữ in mờ. Tô, viết chữ theo đúng trình tự, đúng hướng: từ trên xuống dưới, từ trái qua phải nhưng còn chậm và đôi lúc vẫn cần sự trợ giúp của giáo viên.

- MĐC (9 -12 điểm): Trẻ biết tô trùng khít lên các nét chữ in mờ. Tô, viết chữ theo đúng trình tự, theo đúng hướng: từ trên xuống dưới, từ trái qua phải. Không cần sự trợ giúp của giáo viên.

*** Tiêu chí 5: Thực hiện đúng hành vi của người viết (12đ)**

- MĐT (<6 điểm): Trẻ chưa ngồi đúng tư thế, chưa cầm bút đúng cách, đặt vở đúng chiều, chưa biết gỡ vở, sách từ trang này sang trang khác mặc dù có sự giúp đỡ, nhắc nhở của giáo viên, chưa biết giữ gìn sách vở.

- MĐTB (6- <9điểm): Trẻ ngồi đúng tư thế, biết cầm bút đúng cách, đặt vở đúng chiều, biết gỡ vở, sách từ trang này sang trang khác. Trẻ biết giữ gìn sách vở, nhưng đôi khi vẫn không thực hiện đúng

- MĐC (9 -12 điểm): Trẻ biết ngồi đúng tư thế, biết cầm bút đúng cách, đặt vở đúng chiều. Biết gỡ vở, sách từ trang này sang trang khác một cách độc lập, biết giữ gìn sách vở không cần sự giúp đỡ của giáo viên.

2.5.3. Xếp loại trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ

Mỗi tiêu chí được đánh giá theo 3 mức độ: Thấp, Trung bình, Cao.

Mỗi trẻ được đánh giá qua 2 bài tập và đạt tối đa 100 điểm. Đánh giá mức độ trải nghiệm chữ viết của trẻ trong TCĐVCCĐ bằng 4 mức độ như sau:

- Từ 78 - 100 điểm: Xếp loại Giỏi
- Từ 66 - <78 điểm: Xếp loại Khá
- Từ 54 - <66 điểm: Xếp loại Trung Bình
- <54 điểm: Xếp loại Yếu

2.6. Kết quả điều tra thực trạng

2.6.1. Nhận thức của GVMN về việc trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề

2.6.1.1. Nhận định về mức độ cần thiết của việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5 - 6 tuổi trong TCĐVCCĐ.

Bảng 2.1. Mức độ cần thiết của việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ trong TCĐVCCĐ.

TT	Mức độ	Ý kiến của giáo viên	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Rất cần thiết	15	30,0
2	Cần thiết	34	68,0
3	Không cần thiết	1	2,0

Qua trao đổi ý kiến, thu thập số liệu từ phiếu trưng cầu ý kiến đối với 50 giáo viên mầm non, cho thấy hầu hết các giáo viên đều nhận thức được tầm quan trọng của việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5 - 6 tuổi trong TCĐVCCĐ. Cụ thể có 30,0% ý kiến cho rằng việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ trong TCĐVCCĐ là rất cần thiết, có 68,0 % ý kiến cho rằng cần thiết, và đặc biệt có 2,0% ý kiến phủ nhận sự cần thiết của việc tăng cường trải nghiệm chữ viết trong TCĐVCCĐ.

Khi được trao đổi thì giáo viên có những cách trả lời riêng, nội dung trình bày chưa hoàn toàn chính xác và đầy đủ, nhưng đa số cho rằng: việc tăng cường trải nghiệm chữ viết trong TCĐVCCĐ phù hợp với phương thức “học bằng chơi, chơi mà học” ở lứa tuổi mẫu giáo. Điều này giúp trẻ vừa được thỏa mãn nhu cầu chơi, đồng thời phát triển về ngôn ngữ nói chung mà cụ thể là chữ viết, tạo động lực để trẻ tự tin và sẵn sàng hơn cho việc học tập ở lớp Một cũng như cuộc sống trong tương lai của trẻ. Có 1 ý kiến phủ nhận mức độ cần thiết vì cho rằng: đây là nội dung khó, và chưa hiểu rõ nội dung trải nghiệm chữ viết nên để trẻ bước vào bậc phổ thông mới cần triển khai thực hiện, tuy nhiên qua trao đổi thêm về nội dung trải nghiệm chữ viết, giáo viên đã thấy được việc cho trẻ trải nghiệm chữ viết là cần thiết.

Kết quả trên cho thấy đây là một điều kiện thuận lợi cho việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ.

2.6.1.2. Nhận định về vai trò của của việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ

Bảng 2.2. Vai trò của việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 trong TCĐVCCĐ.

TT	Mức độ	Ý kiến của giáo viên	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Có ảnh hưởng tới quá trình học sau này của trẻ	39	78,0
2	Quyết định hoàn toàn đến quá trình học sau này của trẻ	8	16,0
3	Không ảnh hưởng gì tới quá trình học sau này của trẻ	3	6,0

Giáo viên đã nhận thức rõ vai trò của việc tăng cường trải nghiệm chữ viết trong TCĐVCCĐ. Để chuẩn bị những tiền đề tốt cho trẻ bước vào lớp một và cuộc sống trong tương lai thì đây là một trong những cơ sở quan trọng: Có 78,0% ý kiến cho rằng việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ có ảnh hưởng tới quá trình học sau này của trẻ. Giáo viên đã không tuyệt đối hóa vai trò của việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ, bởi vì để trẻ phát triển một cách toàn diện trước khi bước sang bậc học mới thì cần chuẩn bị cho trẻ đồng thời nhiều nội dung khác nhau, vì vậy việc kết hợp các nhiệm vụ khác nhau đã được giáo viên tiến hành trong quá trình giáo dục trẻ.

Có 16,0% ý kiến cho rằng việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ quyết định hoàn toàn đến quá trình học sau này của trẻ. Khi được hỏi giáo viên có những cách chia sẻ khác nhau, tuy nhiên đều có điểm chung khi cho rằng trải nghiệm chữ viết trong TCĐVCCĐ rất quan trọng với trẻ, vì trẻ không trải nghiệm chữ viết trong những vai chơi sẽ mất rất nhiều thời gian để dạy chữ sau này, và trẻ không có hứng thú học chữ, khi đó là điều rất khó khăn trong quá trình học tập của trẻ. Có 6% ý kiến cho rằng việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ không ảnh hưởng tới quá trình học sau này của trẻ. Lí do của sự lựa chọn này chính là việc giáo viên cho rằng: Khi trẻ bước vào lớp một là trẻ sẽ được học và thành thạo về chữ viết, hơn nữa giáo viên vẫn đang tổ chức cho trẻ nhận biết các chữ cái. Điều này cho thấy giáo viên chưa thật hiểu rõ và đầy đủ về nội dung trải nghiệm chữ viết trong TCĐVCCĐ.

Như vậy, đa phần giáo viên đều thấy được vai trò của việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ. Tuy không hoàn toàn quyết định nhưng lại có ảnh hưởng, tác động lớn tới quá trình học sau này của trẻ. Nếu không tăng cường trải nghiệm chữ viết trong TCĐVCCĐ đồng nghĩa với việc nền tảng ban đầu về chữ viết, sự nhận thức và hứng thú của trẻ với chữ viết từ bậc mầm non không được hình thành và phát triển, như vậy quá trình học tập sau này sẽ không thuận lợi. Với những nhận định này giáo viên sẽ có những định hướng trong công tác giáo dục trẻ.

2.6.1.3. Nhận định về mức độ hứng thú trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ.

Bảng 2.3. Mức độ hứng thú trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ.

TT	Mức độ	Ý kiến của giáo viên	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Hứng thú cao	13	26,0
2	Hứng thú	36	72,0
3	Hứng thú thấp	1	2,0

Kết quả điều tra cho thấy: có 26,0% ý kiến cho rằng trẻ 5- 6 tuổi hứng thú cao với trải nghiệm chữ viết trong TCĐVCCĐ. Có 72,0% ý kiến cho rằng trẻ 5-6 tuổi hứng thú với trải nghiệm chữ viết trong TCĐVCCĐ. Có 2,0% ý kiến cho rằng trẻ 5-6 tuổi hứng thú thấp đối với trải nghiệm chữ viết trong TCĐVCCĐ.

Nhận thấy: trong quá trình tổ chức TCĐVCCĐ giáo viên đã quan tâm và có quan sát, đánh giá đối với việc trải nghiệm chữ viết của trẻ. Kết quả trên khẳng định mức độ hứng thú trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ là tương đối tốt, chủ yếu ở mức độ hứng thú, sau đó đến mức độ hứng thú cao, tuy nhiên vẫn còn trẻ ở mức độ hứng thú thấp với chữ viết. Đây chỉ là kết quả quan sát và phân tích định tính của giáo viên, nhưng cũng là cơ sở quan trọng để có những kế hoạch triển khai tổ chức, thực hiện tốt hơn giúp trẻ 5-6 tuổi yêu thích và có hứng thú cao đối với việc trải nghiệm chữ viết trong TCĐVCCĐ, hướng tới còn ít trẻ hứng thú thấp với trải nghiệm chữ viết .

2.6.1.4. Nhận định về những nội dung trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ

Bảng 2.4. Nội dung trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ.

TT	Nội dung	Ý kiến của giáo viên	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Hứng thú với chữ viết	22	44,0
2	Nhận biết và phát âm chính xác 29 chữ cái, 5 dấu (huyền,	45	90,0

	sắc, hỏi, ngã, nặng).		
3	Biết ghép một số chữ cái thành một số từ quen thuộc	9	18,0
4	Viết chính xác chữ cái trên dòng kẻ ô ly	6	12,0
5	Hiểu ý nghĩa sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin	11	22,0
6	Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ	30	60,0
7	Thực hiện đúng hành vi của người viết	15	30,0

Kết quả điều tra trên cho thấy, giáo viên đã có những lựa chọn riêng về những nội dung trải nghiệm chữ viết, có những nội dung được phần lớn giáo viên lựa chọn cụ thể:

+ Có 90,0% ý kiến lựa chọn nội dung “Nhận biết và phát âm chính xác 29 chữ cái, 5 dấu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng).

+ Có 60,0% ý kiến lựa chọn nội dung “Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ”

+ Có 40,0% ý kiến lựa chọn nội dung “Hứng thú với chữ viết”

+ Có 30,0% ý kiến lựa chọn nội dung “Thực hiện đúng hành vi của người viết”

+ Có 22,0% ý kiến lựa chọn nội dung “Hiểu ý nghĩa sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin”

+ Có 18,0% ý kiến lựa chọn nội dung “Biết ghép một số chữ cái thành một số từ quen thuộc”

+ Có 12,0% ý kiến lựa chọn nội dung “Viết chính xác chữ cái trên dòng kẻ ô ly”

Kết quả trên cho thấy lựa chọn của giáo viên về nội dung trải nghiệm chữ viết cho trẻ chưa thật sự đầy đủ, có những nội dung lựa chọn chưa chính xác như: 12,0% ý kiến lựa chọn nội dung “Viết chính xác chữ cái trên dòng kẻ ô ly”, khi được hỏi lí do lựa chọn giáo viên chia sẻ do suy nghĩ của bản thân hay do nội dung này trước đây giáo viên đã từng thực hiện. Trong khi đó, nội dung này chỉ được thực hiện khi trẻ bước vào bậc tiểu học. Đây là nội dung trải nghiệm chữ viết được đưa vào nhằm gây nhiễu trong việc lựa chọn của giáo viên.

Có những nội dung trải nghiệm chữ viết được nhiều giáo viên ưu tiên lựa chọn, do hiện tại giáo viên biết rõ và thường xuyên thực hiện như: “Nhận biết và phát âm chính xác 29 chữ cái, 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng)” (90,0%); “Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ” (60%), “Hứng thú với chữ viết” (40%)

Trong trải nghiệm chữ viết của trẻ thì nội dung “Hiểu ý nghĩa sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin”; “Thực hiện đúng hành vi của người viết” là vô cùng cần thiết, tuy nhiên tỉ lệ lựa chọn gần như là rất thấp chỉ (22%), và (30%), giáo viên chưa chú ý và quan tâm đến nội dung này. Khi được hỏi lí do, giáo viên cho rằng đây là nội dung giáo viên chưa nắm rõ và khó với trẻ. Đặc biệt, để quá trình trải nghiệm chữ viết đạt được kết quả cao, cùng với những nội dung khác thì “hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin” là một trong những nội dung rất quan trọng. Trẻ phải biết sử dụng chữ viết vào các hoạt động, các tình huống khác nhau khi tham gia vào các vai chơi. Hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin còn có ý nghĩa trong việc trẻ tự tạo ra các kí hiệu riêng để mong muốn mọi người hiểu ý tưởng của trẻ trong đó.

2.6.1.5. Nhận định về sự cần thiết của TCĐVCCĐ trong việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi.

Bảng 2.5: Sự cần thiết của TCĐVCCĐ trong việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi.

TT	Mức độ	Ý kiến của giáo viên	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Rất cần thiết	19	38,0
2	Cần thiết	30	60,0
3	Không cần thiết	1	2,0

Kết quả điều tra cho thấy: có 38,0% ý kiến cho rằng TCĐVCCĐ rất cần thiết trong việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi. Có 60,0% ý kiến cho rằng TCĐVCCĐ cần thiết trong việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi và 2,0% ý kiến cho rằng TCĐVCCĐ không cần thiết trong việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi. Như vậy, đa số giáo viên đều nhận thức đúng sự cần thiết của TCĐVCCĐ trong việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ. Giải thích cho sự lựa chọn đó, giáo viên cho rằng TCĐVCCĐ là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo, nên trẻ dễ dàng trải nghiệm cùng chữ viết. Có 2,0% cho rằng không cần thiết do còn phân vân, chưa rõ về mối liên hệ giữa TCĐVCCĐ với trải nghiệm chữ viết. Giáo viên hiểu đúng sự cần thiết sẽ là cơ sở quan trọng góp phần làm cho kết quả trải nghiệm chữ viết của trẻ đạt kết

quả cao. Tuy nhiên, thực tế quan sát hoạt động giáo viên tổ chức cho trẻ thì chưa liên quan nhiều cho trẻ trải nghiệm cùng chữ viết.

2.6.1.6. Nhận định về vai trò của giáo viên trong việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCDVCCĐ.

Bảng 2.6: Vai trò của giáo viên trong việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCDVCCĐ

TT	Vai trò	Ý kiến của giáo viên	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Giáo viên là người giữ vai trò trung tâm, là người quyết định việc chơi của trẻ khi cho trẻ trải nghiệm chữ viết	3	6,0
2	Giáo viên giữ vai trò là người tổ chức, điều khiển, tạo cơ hội, giúp đỡ trẻ khi cần thiết	47	94,0

Kết quả điều tra cho thấy: 6,0% ý kiến cho rằng “giáo viên là người giữ vai trò trung tâm, quyết định việc chơi của trẻ khi cho trẻ trải nghiệm chữ viết”. Đây là nhận định chưa chính xác. Lí do giáo viên lựa chọn vì nghĩ rằng nội dung trải chữ viết khó, nên giáo viên là người giữ vai trò trung tâm, là người quyết định việc chơi của trẻ khi cho trẻ trải nghiệm chữ viết. 94% ý kiến cho rằng: “giáo viên là người tổ chức, điều khiển, tạo cơ hội, giúp đỡ trẻ khi cần thiết”. Đa số nhận định này là chính xác vì giáo viên chia sẻ rằng phù hợp với các quan điểm của các nhà giáo dục đã nghiên cứu, hơn nữa hoạt động trải nghiệm thì giáo viên chỉ đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn, giúp đỡ, còn trẻ mới là trung tâm của hoạt động.

2.6.1.7. Nhận định về suy nghĩ của giáo viên khi tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ từ giai đoạn mầm non.

Bảng 2.7: Suy nghĩ của giáo viên khi tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ từ giai đoạn mầm non.

TT	Suy nghĩ của giáo viên	Ý kiến của giáo viên	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Trải nghiệm chữ viết nên bắt đầu ở bậc tiểu học, giai	5	10,0

	đoạn mầm non trẻ chưa cần phải trải nghiệm chữ viết		
2	Cho trẻ trải nghiệm chữ viết ở bậc học mầm non là cần thiết	45	90,0
3	Không rõ	0	0

Qua bảng kết quả 2.7 trên: có tới 90% ý kiến đồng ý “cho trẻ trải nghiệm chữ viết ở bậc học mầm non là cần thiết. Đa số những lựa chọn này là hoàn toàn chính xác bởi vì giáo viên nghĩ cần tạo điều kiện và tiền đề tốt nhất về chữ viết để trẻ học tập thuận lợi ở bậc tiểu học, 10% ý kiến cho rằng “Trải nghiệm chữ viết nên bắt đầu ở bậc tiểu học, giai đoạn mầm non trẻ chưa cần phải trải nghiệm chữ viết”. Đây là những nhận định chưa hợp lý, bởi vì giáo viên chưa hiểu rõ nội dung trải nghiệm chữ viết cho trẻ và cho rằng nội dung trải nghiệm chữ viết khó với trẻ mầm non nên chủ yếu là thực hiện ở bậc tiểu học; không có ý kiến nào không đưa ra được suy nghĩ của bản thân.

Như vậy, đa số giáo viên đều cho rằng trẻ trải nghiệm chữ viết ở bậc học mầm non là cần thiết

2.6.2. Việc sử dụng biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề

2.6.2.1. Nhận định về sự thuận lợi khi tổ chức TCDVCCĐ trong việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi.

Bảng 2.8: Sự thuận lợi khi tổ chức TCDVCCĐ trong việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi.

TT	Mức độ	Ý kiến của giáo viên	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Rất thuận lợi	14	28,0
2	Thuận lợi	35	70,0
3	Không thuận lợi	1	2,0

Đa số các giáo viên đều cho rằng việc tổ chức TCDVCCĐ thuận lợi chiếm 70,0% và 28,0% nhận định rất thuận lợi cho việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ. Có nhiều những lý giải cho sự thuận lợi đó, tuy nhiên điểm chung là giáo viên đã xác định được nội dung trải nghiệm chữ viết là nhiệm vụ khó, trẻ không phải dễ dàng nắm bắt và sử dụng thành thạo chữ viết một cách tự

nhiên trong cuộc sống, vì thế TCĐVCCĐ sẽ giúp trẻ được thực hành, tiếp xúc trực tiếp với chữ viết trong những tình huống gần gũi với cuộc sống. Bởi vậy thông qua TCĐVCCĐ đáp ứng nhu cầu vui chơi và trải nghiệm chữ viết của trẻ. 2,0% ý kiến cho rằng không thuận lợi bởi vì mục đích khi tổ chức TCĐVCCĐ thường hướng đến các kỹ năng nhập vai chơi, khả năng chơi của trẻ, nội dung chủ đề chơi, ít hướng đến trải nghiệm chữ viết, vì vậy tổ chức TCĐVCCĐ để trải nghiệm chữ viết là không thuận lợi, nên tổ chức các hoạt động như làm quen với chữ cái, làm quen với tác phẩm văn học,... Đây cũng còn là hạn chế trong suy nghĩ của giáo viên.

2.6.2.2. Đánh giá về những khó khăn của giáo viên khi tổ chức tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ.

Bảng 2.9: Những khó khăn của giáo viên khi tổ chức tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ

TT	Khó khăn	Ý kiến của giáo viên	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Số lượng trẻ đông, không gian góc chơi hẹp	43	86,0
2	Chưa nắm được các biện pháp dạy trẻ tăng cường trải nghiệm chữ viết trong TCĐVCCĐ	7	14,0
3	Khó xác định nội dung trải nghiệm chữ viết	7	14,0
4	Khả năng trải nghiệm chữ viết của trẻ còn yếu	19	38,0
5	Thiếu phương tiện để dạy trẻ trải nghiệm chữ viết	22	44,0

Dựa trên kết quả phiếu điều tra kết hợp trao đổi trực tiếp với giáo viên, đã thống kê một số khó khăn của giáo viên trong quá trình tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5 - 6 tuổi trong TCĐVCCĐ như sau:

14,0% ý kiến đã xác định được khó khăn cơ bản khi tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ là do họ khó xác định rõ nội dung trải nghiệm chữ viết qua TCĐVCCĐ, chưa khai thác được các nội dung trải nghiệm chữ viết, do vậy khi tổ chức cho trẻ chơi, giáo viên chưa khai thác được những nội dung này trong TCĐVCCĐ. Tuy nhiên, nội dung này chỉ có 14,0% ý kiến lựa chọn là quá ít, thực

tế khi được hỏi, số lượng giáo viên còn phân vân, chưa rõ là nhiều hơn, đây chỉ là kết quả nhận được trên phiếu.

38,0% ý kiến cho rằng khả năng trải nghiệm chữ viết của trẻ còn yếu, trong khi trẻ rất ham học hỏi, có hứng thú cao với chữ viết, trẻ luôn muốn hỏi, muốn biết và mong trở thành người lớn, thực hành các kỹ năng trong cuộc sống. Mặt khác, các nội dung về trải nghiệm chữ viết đều là những yếu tố ban đầu, nền tảng, phù hợp với đặc điểm nhận thức, ngôn ngữ của trẻ nên không thể nhận định khả năng trải nghiệm của trẻ còn yếu, mà vấn đề là giáo viên đã quan tâm hướng dẫn trẻ trải nghiệm chữ viết chưa.

14,0% ý kiến cho rằng họ chưa nắm được các biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ qua TCDVCCĐ. Trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non thì một trong những kiến thức nền tảng là phương pháp sử dụng trò chơi, vì vậy tất cả giáo viên đều biết cách tổ chức các trò chơi, ở đây, điều giáo viên cần chỉ có thể là những biện pháp, những kỹ năng để giúp trẻ trải nghiệm chữ viết qua trò chơi. Do vậy, để giáo dục trẻ hiệu quả hơn thì cần tập huấn, trau dồi thêm những biện pháp này. Lựa chọn này cũng rất ít, khi được hỏi có khá nhiều giáo viên chưa đưa ra và đề xuất đầy đủ, chính xác các biện pháp nhằm trải nghiệm. Tuy vậy, cũng đã có một vài những ý tưởng riêng của thân cho hoạt động.

86,0 % ý kiến cho rằng số lượng trẻ đông, góc chơi hẹp; 44,0% ý kiến cho rằng thiếu phương tiện để dạy trẻ trải nghiệm chữ viết. Trao đổi với giáo viên được biết: Là trường có nhiều điểm trường nhỏ khác nhau, số đồ dùng đồ chơi đã tương đối đủ, tuy nhiên những điểm trường nhỏ thì những đồ chơi mua sẵn và đồ chơi tự tạo còn kém phong phú, đa dạng. Giữa các chủ đề, đồ chơi ít được thay đổi nên chưa thực sự lôi cuốn được hứng thú trải nghiệm chữ viết của trẻ khi tham gia vào trò chơi. Ngoài ra còn các khó khăn khác như: số lượng trẻ trong lớp quá đông gây khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ, đặc biệt là đối với việc tổ chức TCDVCCĐ nhằm trải nghiệm chữ viết. Trong khi trẻ chơi giáo viên chưa bao quát được hết trẻ, chưa chú ý được đến từng cá nhân, mức độ trải nghiệm chữ viết của trẻ chưa được đánh giá chính xác.

Tất cả những khó khăn dù khách quan hay chủ quan cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát triển ngôn ngữ, khả năng trải nghiệm chữ viết của trẻ. Việc xác định được những khó khăn của giáo viên là một trong những cơ sở

thực tiễn để tìm hiểu và đề xuất các biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCDVCCĐ.

2.6.2.3. Đánh giá về những hoạt động ưu thế được giáo viên lựa chọn khi tổ chức tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi

Bảng 2.10: Những hoạt động ưu thế được giáo viên lựa chọn khi tổ chức tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi

TT	Khó khăn	Ý kiến của giáo viên	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Hoạt động học (giờ làm quen với chữ cái)	25	69,4
2	Tích hợp vào các hoạt động học khác	23	63,9
3	Hoạt động ngoài trời	16	44,4
4	Hoạt động vui chơi	19	52,8
5	Hoạt động lao động	8	22,2
6	Tham gia lễ hội	12	33,3
7	Sinh hoạt hàng ngày	22	61,1

Bảng số liệu trên cho thấy: Trải nghiệm chữ viết được tiến hành nhiều nhất trong các hoạt động như: Hoạt động học (giờ làm quen với chữ cái) chiếm 69,4% lựa chọn; Tích hợp vào các hoạt động học khác chiếm 63,9%, Sinh hoạt hàng ngày chiếm 61,1%; Hoạt động vui chơi chiếm 52,8%, Hoạt động ngoài trời chiếm 44,4%.

Những hoạt động ít được tiến hành tổ chức để trải nghiệm chữ viết như: Hoạt động lao động (22,2%); Tham gia lễ hội (33,3%).

Kết quả trên là sự lựa chọn trên phiếu, giáo viên đã có những lựa chọn cho riêng mình, chủ yếu trải nghiệm chữ viết được thực hiện ở các hoạt động học, tích hợp trong các hoạt động học và chế độ sinh hoạt. Khi quan sát thực tế, trẻ ít được trải nghiệm thực tế, chỉ những tiết làm quen với chữ viết có trong chương trình thì ngoài ra trẻ ít được lồng ghép chữ viết trong các hoạt động khác.

2.6.2.4. Đánh giá về những lý do giáo viên lựa chọn những hoạt động ưu thế khi tổ chức tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi

Khi được hỏi về những lí do giáo viên lựa chọn những hoạt động ưu thế trong việc trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi, giáo viên đã có những chia sẻ khác nhau, tuy nhiên giáo viên đều cho rằng những hoạt động ưu thế sẽ giúp cho việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục dễ dàng hơn. Những giáo viên lựa chọn hoạt động học làm quen với chữ cái vì nội dung liên quan nhiều đến chữ viết, dễ thực hiện nhất do đã có kế hoạch nhất định, còn lựa chọn tích hợp trong hoạt động học khác nghĩ rằng trải nghiệm chữ viết cho trẻ cần nhiều đến sự tập trung chú ý của trẻ, sự định hướng của giáo viên nên các giờ học sẽ thực hiện được điều này. Đối với những lựa chọn sinh hoạt hàng ngày, hoạt động ngoài trời, lao động,... cho rằng vì có thể linh hoạt thực hiện khi có thể. Các đánh giá trên đều đúng, nhưng thực tế việc trải nghiệm chữ viết của trẻ nếu chỉ tiến hành trên các hoạt động học là chưa đủ, chữ viết rất cần được ứng dụng vào thực tế cuộc sống, những tình huống diễn ra thường xuyên, hàng ngày xung quanh trẻ. Từ đó trẻ sẽ có cơ hội tìm tòi, thực hành, tiếp xúc nhiều hơn với chữ viết, thay vì chỉ tìm hiểu những chữ cái riêng lẻ, sẽ cảm thấy vui hơn, thoải mái hơn. Điều này là vô cùng cần thiết, phù với đặc điểm phát triển trẻ, TCĐVCCĐ là trò chơi có thể phần nào đáp ứng được yêu cầu này.

2.6.2.5. Đánh giá về những biện pháp giáo viên đã sử dụng khi tổ chức tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ

Có rất nhiều những ý kiến được giáo viên chia sẻ, mặc dù cách diễn đạt chưa thật rõ ràng, cũng có những giáo viên chưa đưa ra được những biện pháp của riêng mình. Giáo viên chưa cụ thể, đề xuất những biện pháp trải nghiệm chữ viết ngay trong chính TCĐVCCĐ, chưa nêu được một cách tổng quan về những biện pháp thực hiện. Tuy nhiên, tổng hợp chung các ý kiến thấy có những giáo viên đề cập rất nhiều đến các trò chơi, và sự phối hợp các trò chơi cho trẻ, cũng có một ý kiến về việc gắn thẻ chữ vào đồ dùng đồ chơi, tranh ảnh; ý kiến về việc tổ chức thực hành, đánh giá, làm mẫu,... Như vậy, số lượng giáo viên đưa ra được chính xác những biện pháp trải nghiệm chữ viết cho trẻ trong TCĐVCCĐ là chưa nhiều, điều này sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả trải nghiệm chữ viết của trẻ, rất cần có những biện pháp cụ thể để giáo viên cập nhật, điều chỉnh trong quá trình tổ chức hoạt động cho trẻ một cách hệ thống.

2.6.2.6. Đánh giá về những góc chơi được giáo viên lựa chọn khi tổ chức tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ

Bảng 2.11: Những góc chơi được giáo viên lựa chọn khi tổ chức tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ

TT	Góc chơi	Ý kiến của giáo viên	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Góc xây dựng	1	2,0
2	Góc đóng vai (gia đình, bác sĩ, bán hàng,...)	11	22,0
3	Góc nghệ thuật (tạo hình, âm nhạc)	8	16,0
4	Góc khám phá khoa học	1	2,0
5	Góc Thư viện	27	54,0

Qua bảng 1.11 cho thấy: lựa chọn tổ chức góc thư viện để trải nghiệm chữ viết cho trẻ chiếm tỉ lệ nhiều nhất 54,0%. Lí giải cho điều này vì góc chơi này dễ thực hiện nội dung trải nghiệm chữ viết, giáo viên vẫn thường xuyên thực hiện. chiếm 22,0% là lựa chọn cho góc đóng vai (gia đình, bác sĩ, bán hàng,...). Tỉ lệ lựa chọn thấp hơn là góc nghệ thuật (16,0%), Tỉ lệ lựa chọn thấp nhất là góc xây dựng và góc khám phá khoa học (2,0%). Tuy nhiên, qua quan sát thực tế, giáo viên chưa đưa nội dung trải nghiệm chữ viết vào góc chơi này hợp lý và đầy đủ.

2.6.3. Mức độ nhận biết về chữ viết qua hoạt động trải nghiệm của trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ

2.6.3.1. Đánh giá biểu hiện hứng thú trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi khi tham gia TCĐVCCĐ.

Sau khi sử dụng hệ thống trò chơi nhằm khảo sát thực trạng mức độ trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ ở trường MN Ninh Giang và trường MN Ninh An – Huyện Hoa Lư thu được kết quả như sau:

Bảng 2.12. Hứng thú trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi khi tham gia TCĐVCCĐ.

TT	Trò chơi	(TCĐVCCĐ) Chủ đề Nghề nghiệp	(TCĐVCCĐ) Chủ đề Động vật	Tổng điểm TBC Tiêu chí 1
	Trường MN			
1	MN Ninh Giang	4,2	4,4	8,6
2	MN Ninh An	4,5	4,7	9,2

Kết quả trên cho thấy, mức độ biểu hiện hứng thú trải nghiệm chữ viết của trẻ ở 2 trường mầm non là tương đương nhau, đa số trẻ đều đạt ở MĐT và MĐTB và điểm TBC tiêu chí 1 ở cả 2 trường chênh nhau không đáng kể là 0,6. Trường MN Ninh Giang đạt 8,6 điểm; trường MN Ninh An đạt 9,2 điểm. Điểm TBC trong TCĐVCCĐ (chủ đề nghề nghiệp) ở trường MN Ninh Giang là 4,2 điểm thấp hơn điểm TBC của trường Ninh An là 4,5 điểm, cho thấy hứng thú trải nghiệm chữ viết của trẻ trong TCĐVCCĐ (chủ đề nghề nghiệp) ở trường mầm non Ninh Giang thấp hơn trường mầm non Ninh An. Trong TCĐVCCĐ (chủ đề động vật), điểm TBC của 2 trường như sau: MN Ninh Giang là 4,4 điểm; MN Ninh An là 4,7 điểm; điểm chênh nhau không đáng kể là 0,3 điểm, hứng thú trải nghiệm chữ viết ở trường MN Ninh An vẫn cao hơn MN Ninh Giang. Thống kê kết quả thực trạng ở tiêu chí 1 như sau: Trẻ đạt MĐC ít nhất, cụ thể: có 1/30 trẻ trường MN Ninh An đạt MĐC như: Đỗ Đức Duy (14 điểm), 1 trẻ gần đạt điểm điểm MĐC là cháu Đào Nhật Minh (13,5 điểm). Trường MN Ninh Giang có 2/30 trẻ đạt MĐC như: Nguyễn Vân Anh (14 điểm), Nguyễn Thành Long (14,5 điểm). Những trẻ này biểu hiện niềm vui, sự hào hứng, phấn khởi khi tham gia cùng chữ viết, 10 -15 phút trẻ hoạt động tích cực, không phân tán sang nội dung khác. Ví dụ: Cháu Nguyễn Thành Long trong vai chơi bác sĩ, khi bệnh nhân lâu không được cấp thuốc sau khám và nhắc lấy thuốc cho bệnh nhân thì cháu nói: “Từ từ, chờ bác sĩ viết đơn thuốc cho bệnh nhân đã” và trẻ cố gắng viết đơn thuốc. Trong vai bán hàng, cháu Đào Nhật Minh tập trung cho việc viết hóa đơn bán hàng,... Tuy nhiên nhiều trẻ chưa tập trung đến chữ viết và các hoạt động viết, thời gian dành chơi cùng chữ viết quá ít, thậm chí là không có, trẻ chỉ mãi chơi cùng các đồ chơi trong góc chơi vì sức hấp dẫn của đồ dùng, đồ chơi trong các vai chơi nên trẻ đạt MĐT như: Trường MN Ninh An,

cháu Bùi Khánh Chi, Lê Khánh Linh, Đào Tiến Thành,... chỉ đạt 5 điểm qua tổng số 2 trò chơi. Trường MN Ninh Giang, cháu Nguyễn Minh Tuệ, Lê Ngọc Minh,... chỉ đạt 4 điểm qua tổng số 2 trò chơi.

2.6.3.2. Đánh giá khả năng nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 dấu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng)

Bảng 2.13. Khả năng nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng)

<i>TT</i>	<i>Trò chơi</i> <i>Trường MN</i>	<i>(TCĐVCCĐ)</i>	<i>(TCĐVCCĐ)</i>	<i>Tổng điểm TBC</i> <i>Tiêu chí 2</i>
		<i>Chủ đề</i> <i>Nghề nghiệp</i>	<i>Chủ đề</i> <i>Động vật</i>	
1	MN Ninh Giang	6,7	7,0	13,7
2	MN Ninh An	6,6	6,9	13,5

Kết quả khảo sát cho thấy có sự chênh lệch nhưng không đáng kể về khả năng nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng) của trẻ ở 2 trường MN: Trong TCĐVCCĐ (chủ đề nghề nghiệp), điểm TBC của trường MN Ninh Giang là 6,7 điểm; trường MN Ninh An là 6,6 điểm. Trong TCĐVCCĐ (chủ đề động vật), 2 trường MN đạt điểm TBC như sau: MN Ninh Giang đạt 7,0 ; MN Ninh An đạt 6,9 điểm. Tổng điểm TBC qua 2 trò chơi ở 2 trường là MN Ninh Giang là 13,7 ; MN Ninh An là 13,5. Như vậy chênh nhau không đáng kể 0,2 điểm. Trẻ cả 2 trường cũng vẫn chỉ đạt chủ yếu ở MTB và MĐT. Lý giải cho điều này, trường MN Ninh An hiện tại thời điểm khảo sát thì nội dung về nhận biết và phân biệt thanh điệu chưa dạy trẻ, thường tổ chức thực hiện vào cuối năm, còn trẻ trường MN Ninh Giang thỉnh thoảng dạy nhưng chưa thường xuyên nên trẻ chưa nắm vững. Về nội dung nhận biết và phát âm chữ cái thì trẻ so sánh cấu tạo các chữ cái u, ư và i,t còn chậm, nhầm lẫn về cách gọi tên các nét như: nét móc ngược bên phải thì thành nét móc ngược bên trái hoặc là nét móc xuôi, dấu móc thì nhầm dấu mũ; nét ngang thì thành nét nằm ngang,... Trường MN Ninh An, một số trẻ như: Đào Hoài An chỉ đạt 9 điểm qua 2 trò chơi, Đào Tiến Thành, Lê Khánh Linh, ... chỉ đạt 10 điểm ở MĐT qua 2 trò chơi; tuy nhiên chỉ có 2 trẻ đạt MĐC như: Hoàng Xuân Thành, Đỗ Đức Duy đạt 18 điểm. Trường MN Ninh Giang cũng nhiều trẻ đạt MĐT như: Bùi Đức Thăng

chỉ đạt 9 điểm qua 2 trò chơi, Nguyễn Bảo Châm, Nguyễn Ngọc Bảo Hưng, ... chỉ đạt 11 điểm qua 2 trò chơi. 3/30 trẻ đạt MĐC từ 18 đến 19 điểm như: Nguyễn Văn Anh, Nguyễn Chí Cường đạt 18 điểm, Nguyễn Thành Long (19 điểm). Những trẻ này nắm vững và trả lời tương đối nhanh các câu hỏi khảo sát.

2.6.3.3. Đánh giá khả năng hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin

Bảng 2.14. Khả năng hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin.

TT	Trò chơi		TỔNG ĐIỂM TBC	
	Trường	(TCĐVCCĐ) Chủ đề Nghề nghiệp	(TCĐVCCĐ) Chủ đề Động vật	Tiêu chí 3
1	MN Ninh Giang	3,6	3,6	7,2
2	MN Ninh An	3,4	3,8	7,2

Đây là tiêu chí ít được thực hiện trong cả 2 trường mầm non, thực tế trẻ rất ít được thực hành, trải nghiệm. Vì vậy khi khảo sát đa số trẻ cũng đạt ở MĐT và MĐTB. Qua 2 trò chơi, trẻ ở 2 trường MN có sự chênh lệch không đáng kể. Trong trò chơi 1, trẻ trường MN Ninh Giang có điểm TB cao hơn chút, chênh nhau là 0.2 điểm; trong trò chơi 2, trẻ trường MN Ninh An lại có điểm chênh lệch cao hơn cũng là 0,2 điểm; nhưng tổng điểm TBC của 2 trường đều là 7,2 điểm. Cụ thể biểu hiện của trẻ như sau: Trường MN Ninh An có 1/30 trẻ đạt MĐC là: Đào Thanh Lâm đạt 10 điểm, nhiều trẻ đạt MĐT như: Bùi Khánh Chi, Lê Khánh Linh,... Trường MN Ninh Giang cũng tương tự với kết quả như vậy: có 2/30 trẻ đạt MĐC qua 2 trò chơi như: Nguyễn Văn Anh (12đ), Nguyễn Thành Long (10đ), nhiều trẻ đạt MĐT như: Lê Đức Long (4điểm); Nguyễn Thu Ngân (6 điểm Lê Khôi Nguyên (6 điểm).

Những trẻ đạt MĐC biểu hiện: Trẻ mong muốn biết nội dung được thể hiện qua chữ viết trong các văn bản, trẻ gửi thư nhiều hơn, trẻ sử dụng các kí hiệu, chữ viết để viết hóa đơn bán hàng, đơn thuốc, ...trong các tình huống nhiều và đa dạng hơn.

Lý giải cho điều này, vì cả 2 trường MN thường ít khi tạo cơ hội cho trẻ hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin trong TCĐVCCĐ, trẻ chỉ tập trung chơi cùng các đồ dùng, đồ chơi, và nhập vai chơi trong mỗi trò chơi nhằm hướng đến việc thao tác và sử dụng đồ dùng, đồ chơi hoặc giáo dục kỹ năng sống.

2.6.3.4. Đánh giá khả năng thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ

Bảng 2.15. Khả năng thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ

<i>TT</i>	<i>Trò chơi</i> <i>Trường</i>	<i>(TCĐVCCĐ)</i> <i>Chủ đề</i> <i>Nghề nghiệp</i>	<i>(TCĐVCCĐ)Ch</i> <i>ủ đề</i> <i>Động vật</i>	<i>Tổng điểm TBC</i> <i>Tiêu chí 4</i>
1	MN Ninh Giang	7,3	6,0	13,3
2	MN Ninh An	7,3	5,6	12,9

Có sự chênh lệch nhưng không đáng kể về khả năng thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ của trẻ ở 2 trường MN: Trong trò chơi ĐVCCĐ (chủ đề nghề nghiệp), điểm TBC của cả 2 trường MN Ninh Giang và Ninh An đều đạt 7,3 điểm. Trong trò chơi ĐVCCĐ (chủ đề động vật), trường MN Ninh Giang đạt 6,0 điểm; MN Ninh An đạt 5,6 điểm; điểm TB chênh lệch qua trò chơi 2 là 0,4 điểm. Điểm TBC qua 2 trò chơi ở 2 trường như sau: MN Ninh Giang là 13,3 điểm; MN Ninh An là 12,9 điểm. Tổng điểm TBC chênh nhau 0,4 điểm. Trẻ cả 2 trường cũng vẫn chỉ đạt chủ yếu ở MĐT và MĐT_B.

Trường MN Ninh An, một số trẻ chỉ đạt điểm ở MĐT qua 2 trò chơi như: Lê Khánh Linh (10 điểm), Hoàng Anh Huy (10 điểm),...; tuy nhiên có 01 trẻ đạt MĐC như: Đào Thanh Lâm (18 điểm). Trường MN Ninh Giang cũng nhiều trẻ đạt MĐT như: Nguyễn Khải Hiệp (11 điểm), Lê Ngọc Minh (11 điểm), ... 2/30 trẻ đạt MĐC từ 18 đến 24 điểm như: Nguyễn Vân Anh (24 điểm), Nguyễn Thành Long (20 điểm). Những trẻ này nắm vững và trả lời rất nhanh các câu hỏi khảo sát.

2.6.3.5. Đánh giá khả năng thực hiện đúng hành vi của người viết

Bảng 2.16. Khả năng thực hiện đúng hành vi của người viết

<i>TT</i>	<i>Trò chơi</i> <i>Trường</i>	<i>(TCĐVCCĐ)</i> <i>Chủ đề</i> <i>Nghề nghiệp</i>	<i>(TCĐVCCĐ)C</i> <i>ủ đề</i> <i>Động vật</i>	<i>Tổng điểm TBC</i> <i>Tiêu chí 5</i>
1	MN Ninh Giang	8,0	7,8	15,9
2	MN Ninh An	8,0	7,7	15,7

Về thực hiện đúng hành vi của người viết của trẻ ở 2 trường MN: Trong TC ĐVCCĐ (chủ đề nghề nghiệp), điểm TBC của cả 2 trường MN Ninh Giang và MN Ninh An đều đạt 8,0 điểm. Trong trò chơi ĐVCCĐ (chủ đề động vật), trường MN Ninh Giang đạt TBC là 7,8 điểm; MN Ninh An đạt 7,7 điểm; chênh lệch là 0,1 điểm. Điểm TBC qua 2 trò chơi ở 2 trường như sau: MN Ninh Giang là 15,9 điểm; MN Ninh An là 15,7 điểm. Tổng điểm TBC chênh nhau 0,2 điểm. Sự chênh lệch này là không đáng kể. Trong tiêu chí này, trẻ cả 2 trường đều đạt kết quả tốt, vì tiêu chí này trẻ đã được rèn luyện nhiều trong các hoạt động khác, chủ yếu trẻ đạt MĐTB và MĐC, đặc biệt, không có trẻ nào đạt MĐT. Trường MN Ninh An, qua 2 trò chơi; 1 số ít trẻ đạt MĐC như: Đào Nhật Minh (19 điểm), Hoàng Nam Thái (20 điểm), Phạm Ngọc Tú (20 điểm),... Trường MN Ninh Giang, trẻ đạt MĐC từ 18 đến 24 điểm như: Nguyễn Văn Anh (24 điểm), Nguyễn Chí Cường (20 điểm), Tống Trường Thành (21 điểm). Những trẻ này biết ngồi đúng tư thế, biết cầm bút đúng cách, đặt vở đúng chiều. Biết gỡ vở, sách từ trang này sang trang khác một cách độc lập, biết giữ gìn sách vở không cần sự giúp đỡ của giáo viên. Qua quan sát thấy, đây là tiêu chí khảo sát thực trạng cho kết quả tích cực nhất về hoạt động liên quan đến trải nghiệm chữ viết của trẻ.

Kết quả trên vẫn nằm trong nhóm nguyên nhân chính là do hoạt động đọc viết chỉ nằm trong hoạt động làm quen với chữ cái, còn các hoạt động khác trẻ rất ít được thực hiện. Nếu chỉ nằm trong một hoạt động chính thì trẻ rất khó thành thạo cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ.

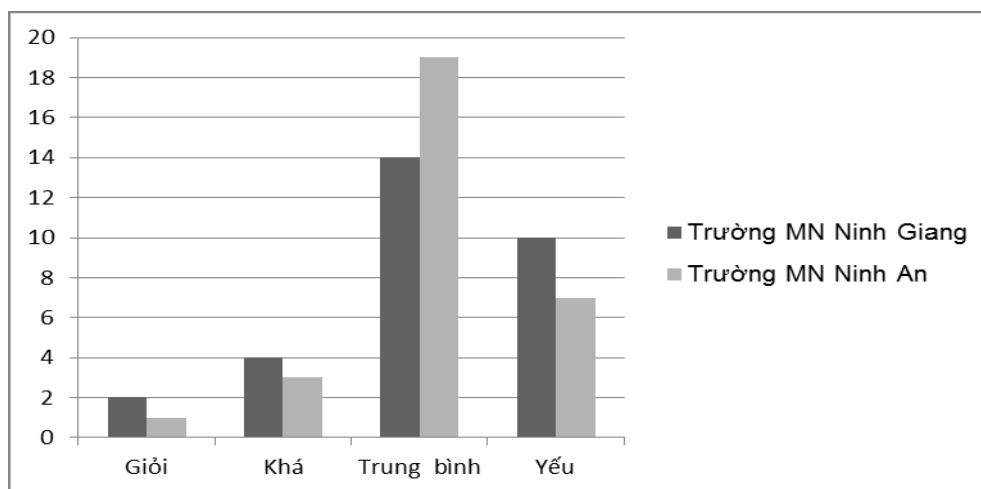
2.6.3.6. So sánh mức độ trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi khi tham gia TCĐVCCĐ tại 2 trường MN

Bảng 2.17. Xếp loại trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi tại 2 trường MN.

Trường MN	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		\bar{x}	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Ninh Giang	2	6,7	4	13,3	14	46,7	10	33,3	58,7	12,1
Ninh An	1	3,3	3	10,0	19	63,3	7	23,3	58,4	8,9

Sau khi đánh giá 5 tiêu chí, điểm trung bình của trẻ ở trường MN Ninh An và MN Ninh Giang theo thang đánh giá thì điểm đạt mức trung bình cao nhất từ 46,7% - 63,3%, tỉ lệ trẻ xếp loại khá từ 10,0% - 13,3%, Có trẻ xếp loại giỏi,

nhưng tỉ lệ thấp, cả 2 trường chỉ đạt 3,3% - 6,7% . Đặc biệt trẻ xếp loại yếu còn cao, 2 trường đều chiếm từ 23,3% - 33,3%



Biểu đồ 2.1: Xếp loại mức độ trải nghiệm chữ viết của 2 trường (Tính theo số lượng trẻ).

Sau khi đánh giá tất cả 5 tiêu chí kết quả như sau: Điểm TBC của trẻ ở trường MN Ninh Giang đạt 58,7; trường MN Ninh An đạt 58,4. Như vậy, trường MN Ninh Giang có điểm TBC cao hơn trường MN Ninh An là 0,3 điểm. Cả 2 trường MN đều đạt mức trung bình theo thang đánh giá.

Áp dụng công thức tính kiểm định T. Gọi điểm TBC của trẻ Trường MN Ninh An là $\bar{x}_1 = 58.4$ và $\delta_1 = 8,9$; Gọi điểm TBC của trẻ Trường MN Ninh Giang là $\bar{x}_2 = 58.7$ và $\delta_2 = 12,1$; $n_1 = n_2 = 30$, ta có $T = 0,091$. Dùng bảng phân phối T student ứng với $\alpha = 0,05$ ta có: $T\alpha = 1,697$. Ta được $T < T\alpha$. Như vậy, mức độ trải nghiệm chữ viết chữ viết trong TCĐVCCĐ của trẻ ở 2 trường là tương đương nhau, sự chênh lệch của trẻ ở 2 trường là không đáng kể.

2.7. Nguyên nhân của thực trạng

Qua kết quả điều tra mức độ trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ cho thấy sự hạn chế của trẻ do những nguyên nhân cơ bản sau:

- Thực tế cho thấy giáo viên vẫn chưa nắm thật đầy đủ về nội dung cho trẻ trải nghiệm chữ viết.

Giáo viên chưa ưu tiên tổ chức TCĐVCCĐ nhằm trải nghiệm chữ viết cho trẻ, chủ yếu tổ chức TCĐVCCĐ để giúp trẻ phát triển kỹ năng hoạt động nhóm hay các nhiệm vụ giáo dục khác.

Giáo viên chưa đưa ra các biện pháp hợp lý vào sử dụng một cách linh hoạt trong khi tổ chức hoạt động cho trẻ, trẻ chưa có nhiều cơ hội để tham gia hoạt động trải nghiệm với chữ viết.

Ngoài ra, còn có những yếu tố khác quan như điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường chưa được đầy đủ tại tất cả các điểm trường để phục vụ cho hoạt động của trẻ, diện tích góc chơi còn chật hẹp mà số trẻ lại đông cũng ảnh hưởng rất lớn tới quá trình tổ chức hoạt động nên việc tổ chức trải nghiệm với chữ viết cho trẻ 5 – 6 tuổi chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

Kết luận chương 2

Đề tài đã xây dựng kế hoạch khảo sát thực trạng, phiếu trưng cầu ý kiến GVMN; 5 tiêu chí, thang đánh giá, bài tập đánh giá, cách đánh giá mức độ trải nghiệm chữ viết của trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ phù hợp với biểu hiện về trải nghiệm chữ viết của trẻ.

Phần lớn giáo viên bước đầu đã có những nhận thức đúng về vai trò của việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi nhưng nhận thức về việc tổ chức TCĐVCCĐ nhằm tăng cường trải nghiệm chữ viết của giáo viên còn nhiều hạn chế. Giáo viên chưa khai thác chữ viết và các hoạt động liên quan đến chữ viết khi cho trẻ chơi TCĐVCCĐ.

Trẻ 5-6 tuổi rất thích thú chơi TCĐVCCĐ, nhưng khả năng trải nghiệm chữ viết của trẻ trong trò chơi chưa cao và đồng đều. Trẻ hứng thú với chữ viết, nhưng thời gian hứng thú còn ngắn, chưa thật sự tập trung, nhận biết và phát âm chữ cái, thanh điệu còn nhầm lẫn, đặc biệt nội dung nhận biết 5 thanh điệu do trường mầm non thường chỉ cho trẻ trải nghiệm vào cuối năm học. Khả năng hiểu và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin của trẻ cũng chưa đạt kết quả cao, trẻ cần sự gợi ý và giúp đỡ nhiều của giáo viên trong các hoạt động cùng chữ viết. Việc trải nghiệm nội dung thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ cũng chưa thật cao, biểu hiện trẻ vẫn tô chưa đúng trình tự các nét, cần nhiều sự hướng dẫn của giáo viên. Nội dung thực hiện đúng hành vi của người viết được trẻ thực hiện tốt hơn, tuy nhiên cũng vẫn còn những trẻ đôi lúc sai tư thế ngồi, cầm bút viết.

Như vậy, để giúp trẻ trải nghiệm chữ viết có hiệu quả thì rất cần thiết phải xác định cụ thể và rõ ràng biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết trong TCĐVCCĐ, tạo điều kiện cho giáo viên mầm non sử dụng TCĐVCCĐ một cách toàn diện và hiệu quả.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT CHO TRẺ 5-6 TUỔI TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ

3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp

Những biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ phải đảm bảo một số nguyên tắc sau:

- Đảm bảo các nguyên tắc của việc thực hiện các biện pháp, phương pháp giáo dục mầm non như: xã hội hóa, cá thể hóa, tính vừa sức,...

- Phù hợp với đặc điểm nhận thức, đặc điểm tâm sinh lý trẻ, với khả năng của trẻ để trẻ dễ dàng thích nghi với hoạt động

- Tạo điều kiện cho trẻ tích cực tham gia vào hoạt động để có được những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết

- Mỗi nhóm biện pháp có một mặt tác động chính nhưng vẫn đảm bảo tính hỗ trợ, thống nhất, chặt chẽ trên cả ba mặt: kiến thức, kỹ năng, thái độ.

3.2. Một số biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ

3.2.1. Biện pháp 1: Xây dựng môi trường chữ viết thuận tiện, đa dạng, hấp dẫn.

** Mục tiêu và ý nghĩa*

Môi trường nói chung và môi trường chữ viết cho trẻ nói riêng với sự đa dạng, phong phú của các đồ dùng, đồ chơi cùng với chữ viết được bố trí thuận tiện, đa dạng, hấp dẫn sẽ kích thích tính tò mò và thái độ quan tâm đến chữ viết thông qua sự đa dạng của các ấn phẩm, các tài liệu viết, của các cách cung cấp và trang trí chữ viết và đồ dùng đồ chơi trong các khu vực chơi của trẻ. Trẻ biết tài liệu, ấn phẩm, đồ dùng, đồ chơi có liên quan đến chữ viết là nơi chứa đựng những nội dung, những câu chuyện, những thông điệp, những kí hiệu và tên gọi... cần truyền tải thông qua chữ viết. Trẻ được trải nghiệm với chữ viết một cách trực tiếp, tự nhiên, thoải mái, không bị gò bó, áp đặt.

Với đặc điểm phát triển tư duy riêng ở trẻ 5-6 tuổi. Môi trường chi phối đến hoạt động của trẻ từ đó chỉ đạo hoạt động, định hướng nhận thức, hành vi cá nhân của trẻ. Chính vì vậy, quan tâm đến việc xây dựng môi trường nói chung

và môi trường chữ viết sẽ giúp trẻ hoạt động tích cực trong môi trường đó để đạt kết quả giáo dục.

** Nội dung:*

Môi trường chơi nói chung và môi trường chữ viết gồm không gian khu vực trẻ chơi, các điều kiện, các trang thiết bị, các dụng cụ và các đồ dùng, chữ viết với màu sắc, kích thước, công dụng và tính chất khác nhau, có liên quan với nhau. Trong quá trình trẻ khám phá, tìm hiểu môi trường xung quanh thì môi trường chính là người thầy giáo thứ hai của trẻ.

Việc bố trí khu vực chơi đóng vai theo chủ đề cho trẻ hoạt động thực sự cần thiết và rất quan trọng, thuận lợi để trẻ được thoả mãn nhu cầu chơi, sự phong phú đa dạng đồ dùng, đồ chơi, chữ viết được bố trí thuận lợi sẽ kích thích hứng thú ở trẻ mong muốn được tìm hiểu khám phá, thoả mãn nhu cầu nhận thức, mở rộng vốn hiểu biết, góp phần thúc đẩy tính tích cực trong hoạt động của trẻ. Ở đó, bên cạnh việc trẻ sẽ được khám phá, nắm cách sử dụng các đồ dùng: đồ dùng để nấu ăn, đồ dùng cá nhân, đồ dùng bác sĩ,... thì trẻ còn hiểu thêm các kí hiệu, chữ viết, cách thức sử dụng chữ viết trong các tình huống của cuộc sống.

** Cách tiến hành*

Để tạo môi trường chơi nói chung hay môi trường chữ viết cho trẻ trong TCĐVCCĐ sao cho thuận tiện và hấp dẫn nhằm kích thích hứng thú, nhận thức, hiểu và sử dụng các đồ dùng, chữ viết đó thì các giáo viên cần tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Lựa chọn các đồ dùng có gắn chữ viết trong TCĐVCCĐ

- Để lựa chọn các đồ dùng có gắn chữ viết cho trẻ chơi cần đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Chữ viết phải đảm bảo chuẩn, đẹp, phù hợp và đúng kiểu chữ in thường, viết thường, in hoa.

+ Các đồ dùng gắn chữ viết lựa chọn phù hợp với TCĐVCCĐ, chủ đề, nội dung chơi, phù hợp với hiểu biết của trẻ, trẻ có khả năng sử dụng chúng.

+ Các đồ dùng gắn chữ viết phải có sự phong phú, đa dạng, đảm bảo tính thẩm mỹ.

+ Số lượng các đồ dùng gắn chữ viết phải đủ để các trẻ trong nhóm chơi có thể tham gia vào chơi, giảm bớt thời gian chờ đợi, làm tăng hiệu quả hoạt động.

+ Các đồ dùng, đồ chơi gắn chữ viết có nhiều công dụng: giúp trẻ có thể sử dụng các phương thức để thao tác và kích thích được các hoạt động của trẻ.

+ Có tính phức hợp: nó có tác dụng làm cho môi trường nói chung hay môi trường chữ viết có sức hấp dẫn đối với trẻ làm tăng sự tập trung chú ý.

+ Đồ dùng gắn chữ viết phải phong phú về chủng loại, chất liệu, công dụng để trẻ có cơ hội được trải nghiệm.

+ Ưu tiên việc sử dụng thêm các ấn phẩm, các đồ dùng giáo viên tự làm bằng chất liệu giấy, bìa, vải dạ có gắn chữ viết trong TCDVCCĐ của trẻ

Bước 2: Bố trí các đồ dùng gắn chữ viết vào khu vực chơi trò chơi ĐVCCĐ

- Khi bố trí và tạo không gian cho khu vực chơi TCDVCCĐ cần đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Bố trí và sắp xếp các khu vực và dụng cụ gắn chữ viết cho trẻ hoạt động cần đảm bảo sự hài hoà, đơn giản, ngăn nắp và thuận tiện trong tổng thể chung, đảm bảo yêu cầu về ánh sáng, thẩm mỹ, tránh sự phân tán.

+ Bố trí và sắp xếp các khu vực dựa trên nguyên tắc động và tĩnh để tránh cho hoạt động của trẻ ở khu vực này ảnh hưởng đến khu vực khác.

+ Các khu vực chơi có mối liên hệ với nhau tạo ra và duy trì hứng thú của trẻ với các hoạt động cụ thể và khai thác nó ở mức độ cao nhất.

+ Sắp xếp và trang trí các khu vực hoạt động của trẻ: tạo không gian cho trẻ hoạt động, làm biểu tượng cho các khu vực chơi.

+ Tạo niềm tin cho trẻ vào môi trường, cần cung cấp những đồ chơi quen thuộc với trẻ để tạo sự thoải mái trong môi trường mới.

- Các khu vực bố trí các đồ dùng như sau:

Bố trí đồ dùng, đồ chơi có gắn chữ viết trên các giá ở góc gia đình. Đối với góc chơi “gia đình”.

+ Khu vực chơi với “giường”, tủ, chăn, gối, bàn học, đèn học, sách vở, bút, bàn chải đánh răng, khăn mặt, cốc và các con búp bê khác nhau.

Bố trí đồ dùng, đồ chơi, ấn phẩm có gắn chữ viết trên các giá ở góc bán hàng – siêu thị. Đối với góc chơi “bán hàng – siêu thị” có thể chia làm 3 khu vực nhỏ như sau:

+ Khu vực chơi nấu ăn có các đồ dùng thích hợp như: các kệ, giá thấp bày các đồ dùng nấu ăn, khu vực bếp có bàn ăn, tủ lạnh, bếp, dụng cụ nấu ăn,..., khu vực bày sản phẩm nấu ăn

+ Khu vực chơi bán hàng có các đồ dùng thích hợp như: gian hàng hoa quả, bánh kẹo, cây trồng, dụng cụ chăm sóc cây,...

+ Khu vui chơi ở siêu thị có thể bố trí tranh, giấy, vở, bút, bàn ghế... để trẻ đi siêu thị cùng người thân có thể tham gia vào các trò chơi.

Bố trí đồ dùng, đồ chơi, ấn phẩm có gắn chữ viết trên các giá ở góc bác sĩ

+ Khu vực chơi bác sĩ có các đồ dùng thích hợp như: các kệ, giá thấp bày các đồ dùng khám chữa bệnh như: tủ đựng thuốc, các hộp vỏ thuốc, ống nghe, kim tiêm nhựa, quần áo bác sĩ, bút viết, sổ khám chữa bệnh, bàn khám bệnh,...

Bước 3: Làm mới môi trường nói chung và môi trường chữ viết để kích thích trẻ hứng thú chơi và trải nghiệm cùng chữ viết

Có thể làm mới môi trường nói chung và môi trường chữ viết tăng các hoạt động trải nghiệm cùng chữ viết của trẻ trong môi trường bằng cách sau:

- Đưa các đồ dùng đồ chơi có gắn chữ viết, ấn phẩm vào góc chơi của trẻ, có thể là đưa đồ dùng, đồ chơi, ấn phẩm mới ngay ở lúc đầu để kích thích trẻ muốn tham gia vào chơi. Nhưng cũng có thể cùng một nội dung chơi ở buổi chơi sau đưa thêm đồ dùng.

- Mặt khác giáo viên nên bổ sung đồ dùng đồ chơi, ấn phẩm theo các tình huống chơi của trẻ. Việc bố trí các đồ dùng đồ chơi, ấn phẩm theo nội dung chơi, bổ sung phù hợp theo các tình huống để trẻ dễ dàng lựa chọn các đồ dùng để chơi.

- Các kiểu chữ trong môi trường cho trẻ trải nghiệm chữ viết cần chuẩn, chính xác và cần được thay mới theo từng chủ đề, sử dụng bằng chất liệu đa dạng, phong phú, có màu sắc tươi sáng để thu hút trẻ.

- Bổ sung những đồ dùng, đồ chơi, ấn phẩm liên quan đến chủ đề để tăng sự đa dạng về trải nghiệm chữ viết cho trẻ trong chủ đề.

- Trẻ chơi là mô phỏng lại cuộc sống sinh hoạt xung quanh theo hiểu biết, vốn kinh nghiệm mà trẻ có được. Trong quá trình chơi trẻ sử dụng các đồ dùng đồ chơi, các sản phẩm luôn có gắn cùng chữ viết sẽ giúp trẻ hiểu ra mối liên hệ của chữ viết trong cuộc sống.

** Điều kiện vận dụng*

- Giáo viên chủ động tìm kiếm, làm các đồ dùng đồ chơi, ưu tiên sử dụng các nguyên vật liệu có sẵn, các loại chất liệu bền, an toàn.

- Ưu tiên sử dụng và trang trí trong khu vực chơi các loại chữ cái in thường mà trẻ được học qua hoạt động làm quen với chữ cái ở trường mầm non.

- Số lượng ấn phẩm, đồ dùng, đồ chơi liên quan đến chữ viết phải phong phú, đa dạng, đảm bảo nội dung khoa học, tính thẩm mỹ, phù hợp với chủ đề, mục đích giáo dục.

- Cần phối kết hợp với phụ huynh để bổ sung đồ dùng, sách báo, tranh truyện trong các góc của trẻ ở trường mầm non.

- Tạo hứng thú, động viên, khuyến khích trẻ tham gia hoạt động, đồng thời hiểu nhu cầu, nguyện vọng, khả năng của trẻ, tránh tình trạng áp đặt trẻ.

3.2.2. Biện pháp 2: Tăng cường sử dụng các tình huống cụ thể nhằm kích thích trải nghiệm chữ viết cho trẻ

** Mục tiêu và ý nghĩa*

Biện pháp nhằm bổ sung nhận thức về chữ viết cho trẻ qua hoạt động như nhận biết, tên gọi, cách sử dụng, cách tạo chữ viết và ý nghĩa của chữ viết tạo điều kiện để trẻ chủ động tích cực lựa chọn các hoạt động có liên quan đến chữ viết, không lúng túng khi vận dụng chúng. Tạo sự mong muốn, khám phá chữ viết ở trẻ. Hướng dẫn trẻ nhận biết, phân biệt, phát âm chữ cái, dấu thanh, cách tạo ra và sử dụng chữ viết đúng chức năng, đúng cách nhằm hình thành khả năng nhận thức chữ viết cho trẻ. Khi trẻ có kỹ năng nhận biết, phân biệt, tạo ra và sử dụng chữ viết trẻ sẽ biết lựa chọn chữ viết để thao tác và sử dụng chúng trong các tình huống chơi cụ thể. Khi trẻ có hiểu biết về chữ viết, có kỹ năng tạo ra và sử dụng chúng thì trẻ sẽ hứng thú tham gia vào hoạt động, giúp duy trì hứng thú hơn so với những hiểu biết về chữ viết chưa hề có trong kinh nghiệm của trẻ. Chữ viết là những kí hiệu gần gũi, gắn bó, đáp ứng nhu cầu trong cuộc sống hàng ngày của trẻ nên việc đưa trẻ vào các tình huống cụ thể, gần gũi với

cuộc sống giúp trẻ có hứng thú hơn với việc nhận biết và sử dụng chữ viết. Việc hình thành các kỹ năng nhận thức và sử dụng chữ viết trong các tình huống cụ thể sẽ thỏa mãn nhu cầu chơi của trẻ, phản ánh được những kinh nghiệm nhận thức và sử dụng chữ viết của trẻ vào trò chơi. Khi trẻ đã có kỹ năng nhận thức và sử dụng chữ viết trẻ sẽ mở rộng nội dung chơi khiến cho trò chơi hấp dẫn hơn.

** Nội dung*

Khi trẻ có kỹ năng nhận thức và sử dụng chữ viết trẻ sẽ biết lựa chọn các đồ dùng, đồ chơi có gắn chữ viết, ấn phẩm phù hợp để sử dụng chúng trong các tình huống cụ thể.

Khi trẻ có hiểu biết nhất định về chữ viết, có kỹ năng sử dụng chữ viết thì trẻ sẽ hứng thú tham gia vào hoạt động, giúp duy trì hứng thú hơn so với việc trẻ chưa hề có kinh nghiệm.

Mặt khác, TCVCCĐ là những vai chơi gần gũi, gần bó, đáp ứng nhu cầu trong cuộc sống hàng ngày của trẻ nên việc đưa trẻ vào các tình huống cụ thể, gần gũi với cuộc sống giúp trẻ có hứng thú hơn với việc nhận thức và sử dụng chữ viết.

Việc hình thành nhận thức và kỹ năng và thái độ với chữ viết trong các tình huống cụ thể sẽ thỏa mãn nhu cầu chơi của trẻ, phản ánh được những kinh nghiệm nhận thức, kỹ năng, thái độ về chữ viết của trẻ vào trò chơi.

Khi trẻ đã có nhận thức, kỹ năng, thái độ sử dụng chữ viết trẻ sẽ mở rộng nội dung chơi khiến cho trò chơi hấp dẫn hơn

** Cách tiến hành*

Nhằm hình thành nhận thức, kỹ năng, thái độ về chữ viết ở trẻ thông qua các tình huống cụ thể thì giáo viên cần tiến hành như sau:

- *Xây dựng các tình huống cụ thể để trẻ chơi*

+ *Cơ sở để xây dựng các tình huống cho trẻ chơi:*

Dựa vào chủ đề, nội dung chơi của trẻ 5-6 tuổi. Các tình huống giáo viên tạo ra phải gắn với chủ đề và nội dung chơi của trẻ để lựa chọn các đồ dùng, đồ chơi có gắn chữ viết phù hợp.

Đặc điểm nhận thức của trẻ về chữ viết trong khi chơi. Giáo viên quan sát biểu hiện nhận thức, kỹ năng, thái độ của trẻ với chữ viết nhằm tìm ra những

kiến thức nào trẻ gặp khó khăn hoặc những kiến thức tốt về chữ viết để tạo ra những tình huống phù hợp.

Thời gian hứng thú của trẻ trong hoạt động chơi cũng như thời gian hứng thú trải nghiệm chữ viết của trẻ như thế nào.

+ Yêu cầu khi xây dựng các tình huống:

Có mục đích cụ thể trong đó cần hướng tới việc hình thành nhận thức, kỹ năng thái độ trải nghiệm cùng chữ viết.

Các tình huống xây dựng phải phù hợp với đặc điểm tâm lý, khả năng nhận thức của trẻ, là những tình huống cụ thể gắn với kinh nghiệm của bản thân trẻ.

Các tình huống đưa ra phải gắn liền với diễn biến trò chơi của trẻ.

Giáo viên đóng 1 vai chơi bên cạnh trẻ để hướng tới việc hình thành nhận thức, kỹ năng, thái độ cho trẻ về chữ viết, không làm hộ, làm thay trẻ.

+ Các tình huống cụ thể được lựa chọn dựa vào nội dung chơi cho trẻ theo 3 góc như sau:

Góc	Các tình huống cụ thể
Góc siêu thị, bán hàng, nấu ăn	<ul style="list-style-type: none">- Tình huống trong khu vực vui chơi, giải trí trong siêu thị:<ul style="list-style-type: none">+ Các bạn nhỏ thông thái đến siêu thị sẽ thử tài cùng những trải nghiệm chữ viết như: phát âm chuẩn, chính xác các thẻ chữ, tô màu các chữ cái thật đẹp, tạo các chữ viết kỳ diệu,... sẽ nhận được phần thưởng của khu vui chơi.- Tình huống trong khu vực bán hàng<ul style="list-style-type: none">+ Khách hàng đến mua hàng muốn có hóa đơn đỏ sau khi mua hàng. Khách hàng yêu cầu nhân viên tự tay viết hóa đơn.+ Khách hàng đến bàn và gọi đồ ăn, đồ uống, nhưng không có bảng thực đơn, khách hàng yêu cầu mang bảng thực đơn để khách hàng tham khảo và gọi đồ theo thực đơn+ Nhân viên bán hàng quên đeo thẻ tên mình khi làm việc. Người quản lý khu vực bán hàng yêu cầu nhân viên tìm thẻ tên nhân viên để đeo trước ngực.

	<p>+ Nhân viên bán hàng chưa mang biển hiệu và đơn giá cho từng khu vực gian hàng sản phẩm bán. Người quản lý yêu cầu nhân viên lấy biển và đơn giá đặt vào đúng từng gian hàng.</p> <p>- Tình huống trong khu vực nấu ăn</p> <p>+ Có rất nhiều đồ dùng, dụng cụ, nguyên vật liệu để chế biến món ăn, cần phải viết chữ và dán nhãn cho từng sản phẩm, đồ dùng, nguyên vật liệu nấu ăn trong khu bếp để tránh lấy nhầm lẫn khi chế biến</p> <p>+ Các món ăn đã chế biến xong cần viết tên món ăn và các nguyên vật liệu đã tạo ra món ăn đó</p>
Góc gia đình	<p>- Tình huống trong quá trình bố mẹ dạy con học:</p> <p>+ Hôm nay ở lớp con được cô giáo dạy chữ cái...., bố (mẹ) sẽ cùng con ôn lại chữ cái đó nhé</p>
Góc bác sĩ	<p>-Tình huống bệnh nhân đến khám bệnh nhưng không nhớ cần uống thuốc vào những thời gian nào, liều lượng thế nào? khi nào thì bệnh khỏi?</p> <p>Bác sĩ sẽ dùng bút để kê vào sổ khám bệnh các loại thuốc, liều dùng, hẹn ngày khám lại bệnh và dặn dò bệnh nhân</p>

- Cách thức sử dụng các tình huống cụ thể trong quá trình tổ chức TC ĐVCCĐ:

+ Với góc chơi siêu thị, bán hàng, nấu ăn

Phần lớn trẻ đều biết cách sử dụng, trẻ rất hứng thú với việc sử dụng các đồ dùng đồ chơi trong góc, trẻ biết có sự xuất hiện của chữ viết, chỉ có điều quan trọng hình thành nhận thức, kỹ năng sử dụng, thái độ quan tâm đến chữ viết cho trẻ. Qua quan sát thực tiễn cho thấy trẻ rất ít chú ý và sử dụng chữ viết trong khi chơi, trẻ chỉ tập trung chơi cùng các đồ dùng, đồ chơi.

Các tình huống đưa ra chủ yếu nhằm vào việc giúp trẻ quan tâm đến chữ viết, nhận biết và sử dụng chữ viết hoặc kích thích trẻ chủ động trong việc nhận thức, thực hành và quan tâm đến chữ viết trong tình huống xung quanh. Vì thế, giáo viên hướng dẫn trẻ bằng cách chơi cạnh trẻ hoặc đưa thêm những nguyên vật liệu, đồ dùng đồ chơi mới có liên quan đến chữ viết để trẻ sử dụng chữ viết

trong các TCĐVCCĐ, kích thích hứng thú, thái độ quan tâm và nhận thức đối với chữ viết, góp phần rèn kỹ năng tạo ra và sử dụng kí hiệu, chữ viết trong cuộc sống cho trẻ. Sử dụng trong các tình huống nấu bột, cơm, cho búp bê, hoặc nấu ăn mừng sinh nhật mẹ, hoặc đầu bếp nấu món ăn phục vụ thực khách

+ Với đồ dùng ăn uống:

Thực tiễn cho thấy đồ dùng này trẻ đã biết cách sử dụng nhưng những nhận thức, kỹ năng, thái độ trải nghiệm cùng chữ viết chưa có

Giáo viên hướng dẫn trẻ bằng cách đóng 1 vai chơi, chơi cạnh trẻ để trẻ quan sát thao tác sử dụng chữ viết cùng các đồ dùng này trong các tình huống chơi. Có thể sử dụng trong các tình huống như người đầu bếp dạy học viên nấu các món ăn ngon phục vụ khách hàng, tổ chức bữa ăn mừng sinh nhật của bé.

+ Với đồ dùng cá nhân:

Với nhóm đồ dùng này trẻ thường hứng thú lúc đầu do bị hấp dẫn bởi các đồ dùng sau đó thì thiếu tập trung, hoặc không chủ động trong việc lựa chọn các đồ dùng. Trẻ không quan tâm nhiều đến những trải nghiệm cùng chữ viết nên có thể chơi cạnh trẻ trong các tình huống: cùng dọn dẹp gian hàng sạch sẽ, dùng bút ghi vào từng mẫu giấy các loại đồ dùng, sau đó dán và sắp xếp chúng vào cùng một ngăn tủ.

- Việc tạo ra các tình huống cụ thể để trẻ trải nghiệm chữ viết trong quá trình trẻ chơi có thể xảy ra bất cứ lúc nào và vào bất cứ thời điểm nào của trò chơi trong các mối quan hệ thực và các mối quan hệ chơi của trẻ. Vì vậy trước tiên, giáo viên phải theo dõi, quan sát để phát hiện những tình huống nảy sinh theo diễn biến của cuộc chơi trong các mối quan hệ của trẻ.

Một số tình huống nảy sinh cần hình thành kỹ năng cho trẻ như sau:

Tình huống 1: Khi trẻ bán hàng nhưng chỉ đưa hàng cho khách mà không biết giao tiếp, và lưu giữ các sản phẩm đã bán vào sổ bán hàng, hay viết hóa đơn cho khách, hay không lấy tiền hàng. Lúc này, giáo viên cần tạo tình huống để rèn kỹ năng cho trẻ.

Trường hợp trẻ vào vai nhân viên bán hàng làm việc quên không đeo thẻ. Giáo viên có thể tạo tình huống: Chào bạn! Tôi là người quản lý nhân viên làm việc bán hàng ở gian hàng này, bạn quên không đeo thẻ tên nhân viên bán hàng,

yêu cầu bạn đeo thẻ khi làm việc nhé. Điều này để nhắc nhở trẻ và hướng sự chú ý của trẻ đến chiếc thẻ và những nội dung thẻ hiện bằng chữ viết trên thẻ.

Trường hợp trẻ bán hàng nhưng để sản phẩm không đúng với ngăn đã gắn chữ viết tên sản phẩm trên các kệ, giá. Giáo viên cũng có thể tạo tình huống: Chào bác! Tôi làm nhiệm vụ quản lý gian hàng bán, bác đang để sản phẩm không đúng vị trí, bác hãy đặt đúng vị trí các sản phẩm trên các giá, kệ nhé.

Tình huống 2: Nấu ăn phục vụ thực khách: Trên các bàn ăn không có bảng thực đơn để khách gọi món ăn. Trong trường hợp này giáo viên có thể tạo tình huống để trẻ chú ý như:

+ Bác ơi! Cho tôi gọi đồ ăn.

+ Bàn ăn của tôi không có bảng thực đơn các món ăn? Tôi không biết gian hàng này có những món ăn gì? Bác có thể cho tôi xin một bảng thực đơn được không?

+ Trong thực đơn này không thấy có món canh rau gì?

Tình huống 3: Khách muốn thanh toán tiền và viết hóa đơn đỏ. Trường hợp có thể tạo tình huống: Bác cho tôi thanh toán tiền ăn? Tôi muốn lấy hóa đơn, có dấu đỏ, bác làm nhanh giúp tôi nhé.

Tình huống 4: Bác sĩ khám bệnh cho bệnh nhân, nhưng sau khi khám bệnh xong, không biết lưu tình trạng bệnh vào sổ khám bệnh để theo dõi. Trong trường hợp đó, giáo viên có thể tạo tình huống như: “Bác sĩ ơi! Tôi bị bệnh gì ạ? Bác sĩ có thể ghi vào sổ khám bệnh và nói cho tôi tình trạng bệnh để tôi biết và tiện đi thăm khám và theo dõi lần sau không ạ?”

Tình huống 5: Nhân viên bán thuốc cho bệnh nhân nhưng không xem đơn thuốc và không ghi hóa đơn bán thuốc cho bệnh nhân. Trong trường hợp này cần tạo tình huống như sau: “Bác ơi! Bác xem và đọc lại giúp tôi các loại thuốc tôi phải uống, nhiều thuốc quá! Tôi không biết uống thế nào? Bác ghi hóa đơn bán thuốc giúp tôi, để tôi thanh toán tiền ạ”.

** Điều kiện vận dụng*

- Giáo viên phải có kỹ năng quan sát tốt để phát hiện và tận dụng các tình huống sẵn có theo diễn biến trò chơi của trẻ để có những tác động kịp thời.

- Giáo viên phải nắm được đặc điểm của trẻ 5-6 tuổi và bản chất trò chơi ĐVCCĐ để có thể tạo ra nhiều tình huống phù hợp với trẻ.

- Giáo viên phải có khả năng giao tiếp, sự phạm phù hợp với đặc điểm của trẻ 5-6 tuổi và xử lý các tình huống sự phạm hợp lý, kịp thời.

3.2.3. Biện pháp 3: Kích thích trẻ tích cực sử dụng chữ viết theo các đề tài hấp dẫn trong trò chơi.

** Mục tiêu và ý nghĩa*

Kích thích trẻ tích cực sử dụng chữ viết theo các đề tài hấp dẫn trong trò chơi. Nhằm duy trì hứng thú trải nghiệm chữ viết ở trẻ lâu hơn, giúp trẻ nhận biết, phân biệt các dấu thanh và các chữ cái khác nhau cùng nhóm. Kích thích trẻ tự trải nghiệm chữ viết trong quá trình chơi, vì để chơi được các nội dung chơi đó thì chúng phải có kinh nghiệm và tìm phương tiện để chơi. khơi gợi những xúc cảm của trẻ trong quá trình trải nghiệm chữ viết với đồ dùng liên quan đến chữ viết, với những kinh nghiệm của trẻ về chữ viết, mong muốn, thích thú với việc trải nghiệm chữ viết đó.

** Nội dung*

Trò chơi đóng vai theo chủ đề là xã hội thu nhỏ của người, phản ánh các mối quan hệ của người lớn nên các chữ viết được sử dụng một cách tối đa, đòi hỏi trẻ phải phối hợp, hợp tác với nhau.

Việc tổ chức cho trẻ chơi, trải nghiệm chữ viết theo các đề tài hấp dẫn, gần gũi với cuộc sống thực của trẻ sẽ thỏa mãn nhu cầu chơi, được chơi. Chúng sẽ thích thú trải nghiệm chữ viết trong trò chơi để thỏa mãn nhu cầu sống, được mô phỏng lại hoạt động của người lớn mà trẻ thu nhận trong thực tế.

** Cách tiến hành*

Để kích thích trẻ tích cực trải nghiệm chữ viết theo các đề tài hấp dẫn thì giáo viên cần tiến hành như sau:

Bước 1: Giáo viên gợi mở các trò chơi theo đề tài hấp dẫn để kích thích trẻ tích cực sử dụng chữ viết.

- Yêu cầu của việc lựa chọn trò chơi và nội dung chơi cho trẻ:

+ Lựa chọn đề tài phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, chủ đề gần gũi, đặc điểm trò chơi đóng vai theo chủ đề của trẻ 5-6 tuổi là mô phỏng lại cuộc sống xung quanh theo kinh nghiệm của trẻ.

+ Các đề tài lựa chọn phải có trọng tâm hướng vào việc kích thích trẻ tích cực trải nghiệm chữ viết như: thái độ, cách cư xử, cách làm việc khoa học của nhân viên siêu thị, bán hàng, nấu ăn, bác sĩ, bố, mẹ,...

+ Lựa chọn các trò chơi, nội dung chơi phải dựa vào nhận thức và kinh nghiệm trải nghiệm chữ viết của trẻ.

+ Lựa chọn các đề tài sao cho trẻ có cơ hội được trải nghiệm chữ viết nhiều nhất.

- Xây dựng các đề tài hấp dẫn cho trẻ chơi như sau:

Đề tài	Nội dung chơi
Tình cảm của bố mẹ và con cái.	<ul style="list-style-type: none"> - Bố mẹ chăm sóc, dạy con cái học hành - Bố mẹ chơi và học cùng con - Bố mẹ cùng con chuẩn bị đồ dùng học tập, góc học tập cho con.
Cách làm việc khoa học, ngăn nắp của nhân viên bán hàng, nấu ăn.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên sắp xếp sản phẩm gọn gàng, đúng nơi quy định, có ghi tên cho từng nhóm sản phẩm - Nhân viên đeo thẻ khi làm việc. - Nhân viên viết và lưu giữ sổ sách, hóa đơn bán hàng, bảng thực đơn,...
Cách làm việc khoa học, ngăn nắp của bác sĩ, nhân viên y tế	<ul style="list-style-type: none"> - Bác sĩ khám bệnh, viết và lưu sổ bệnh cho bệnh nhân. - Bác sĩ viết đơn thuốc cho bệnh nhân - Bác sĩ cùng nhân viên y tế sắp xếp lại đồ dùng phòng khám bệnh có ghi rõ tên từng loại đồ dùng, tên thuốc - Nhân viên bán thuốc ghi và xuất hóa đơn thuốc cho bệnh nhân.

Bước 2: Tạo môi trường chơi hấp dẫn cho từng trò chơi.

- Giáo viên lựa chọn các đồ dùng phù hợp với nội dung chơi của trẻ.

Với đề tài “Tình cảm của bố mẹ và con cái” trẻ sẽ chơi nội dung là: bố mẹ chăm sóc, dạy con cái học hành; bố mẹ chơi và học cùng con, bố mẹ cùng con chuẩn bị đồ dùng học tập, góc học tập cho con.” thì giáo viên lựa chọn các đồ dùng như:

bàn ghế, giường tủ búp bê, tranh ảnh gia đình, bàn học của con, sách, vở, bút, các thẻ chữ cái, một số bát đĩa, xoong, nồi, cốc nước,... Các đồ dùng này nên lựa chọn đảm bảo về kích cỡ, số lượng, màu sắc, chất liệu. Ngoài ra, giáo viên lựa chọn 1 số loại bút viết, sách vở bằng các chất liệu khác nhau để tăng tính hấp dẫn, khơi gợi hứng thú trẻ trải nghiệm chữ viết như: bút chì, bút bi, bút màu, bút mực, sách vở bằng bìa cứng, vải dạ,... phong phú về kiểu dáng, màu sắc.

Với đề tài “Cách làm việc khoa học, ngăn nắp của nhân viên bán hàng, nấu ăn” sẽ có nhiều ưu thế để trẻ trải nghiệm chữ viết nên giáo viên lựa chọn các đồ dùng liên quan đến chữ viết cho trẻ để trẻ được thao tác nhiều, rèn kỹ năng sử dụng chúng cho trẻ: chuẩn bị 1 số nguyên liệu để trẻ chế biến các món ăn như: các loại rau, cá, thịt, giò, nem, bánh chưng, các loại rau củ, các loại hoa quả..., các loại nồi với kích thước, màu sắc; các loại chảo; đĩa; thìa, muôi; bát; đĩa, cốc; quần áo cho búp bê, chậu, khăn mặt, bàn chải đánh răng, thuốc đánh răng... Đặc biệt là các đồ dùng liên quan đến trải nghiệm chữ viết như: thẻ nhân viên bán hàng, bút viết, sổ bán hàng, hóa đơn bán hàng, tiền, bảng thực đơn, các băng giấy để trẻ sắp xếp và ghi tên các sản phẩm theo từng khu vực.

- Giáo viên bày biện, bố trí đồ dùng, đồ chơi, trang trí mảng tường sao cho hấp dẫn, thuận tiện.

Việc bày biện, bố trí các đồ dùng thuận tiện, ở trạng thái mở sẽ giúp cho trẻ dễ dàng khi tìm kiếm các đồ dùng để chơi.

Việc bố trí các đồ dùng, trang trí mảng tường hấp dẫn sẽ khơi gợi xúc cảm của trẻ, hứng thú chơi, nảy sinh ý tưởng chơi cùng chữ viết của trẻ.

Với đề tài “Cách làm việc khoa học, ngăn nắp của bác sĩ, nhân viên y tế” giáo viên có thể bố trí bàn khám chữa bệnh có thể bác sĩ, sổ khám bệnh, đơn thuốc, ghế bệnh nhân, tủ để đồ khám chữa bệnh: kim tiêm nhựa, ống nghe, cặp nhiệt độ, đèn soi,...; tủ thuốc để các loại thuốc, giá để treo trang phục bác sĩ; khu vực chơi đủ rộng để trẻ hoạt động

Bước 3: Tổ chức cho trẻ chơi theo các đề tài đã chọn

- Trước khi chơi: Đàm thoại với trẻ về chủ đề định tiến hành.

Việc tiến hành đàm thoại nhằm khơi gợi ý tưởng chơi cho trẻ, trẻ nói lên dự định chơi của mình để từ đó giáo viên có thể khuyến khích trẻ chơi theo nội dung đó hoặc gợi mở nội dung chơi cho trẻ khi nội dung chơi của trẻ nghèo nàn.

Giáo viên có thể sử dụng bài hát, tạo tình huống... để khơi gợi hứng thú của trẻ về chủ đề định tiến hành.

- Trong khi chơi: Cho trẻ chơi, giáo viên quan sát giúp đỡ khi cần thiết.

Giáo viên cho trẻ tự lựa chọn góc chơi, nội dung chơi, đồ dùng để chơi. Giáo viên quan sát và hỗ trợ trẻ khi cần thiết. Nếu nội dung chơi nghèo nàn cần mở rộng cho trẻ, khơi gợi trẻ phối hợp với bạn cùng chơi. Hoặc thời gian trải nghiệm chữ viết chưa lâu, kỹ năng sử dụng chữ viết chưa tốt thì cần tác động kịp thời.

- Sau khi chơi: Kết thúc. Cho trẻ tự nhận xét đánh giá, giáo viên khen ngợi, động viên khuyến khích trẻ, khơi gợi hứng thú cho trẻ ở những buổi chơi sau.

** Điều kiện vận dụng*

- Giáo viên nắm được đặc điểm tâm, sinh lí lứa tuổi và bản chất của TCDVCCĐ để xây dựng những đề tài cho trẻ chơi.

- Trẻ có kỹ năng chơi, phối hợp với các bạn khi chơi.

3.2.4. Biện pháp 4: Linh hoạt sử dụng hệ thống bài tập nhận biết, phân biệt chữ cái và dấu thanh dưới dạng trò chơi.

** Mục tiêu và ý nghĩa*

Đây có thể coi như là một hình thức dạy học, hay một thủ thuật, hoặc biện pháp trong khi tổ chức hoạt động cho trẻ. Đề tài chỉ nghiên cứu bài tập với vai trò là một biện pháp dạy học được sử dụng dưới dạng trò chơi trong TCDVCCĐ của trẻ. Các thao tác trí tuệ và thao tác thực hành về các nội dung trải nghiệm chữ viết được trẻ lặp lại nhiều. Thông qua việc luyện tập, các kiến thức, kỹ năng, thái độ của trẻ được hình thành một cách vững chắc và có ý thức. Từ đó, nhận thức của trẻ về chữ viết được hoàn thiện và củng cố. Rèn luyện khả năng phát âm, nhận biết, phân biệt đúng chữ cái, dấu thanh, nói đúng các chữ cái có trong các từ. Việc sử dụng hệ thống bài tập không những giúp trẻ củng cố được kiến thức cũng như những chữ viết trẻ đã học mà còn có tác dụng rất lớn trong việc mở rộng kiến thức mới về chữ viết.

** Nội dung*

Bài tập chính là một dạng rèn luyện cho trẻ, trẻ thực hiện bài tập theo những yêu cầu, lời dẫn và hướng dẫn nhẹ nhàng. Bài tập về nhận thức chữ viết rất đa dạng và phong phú được xây dựng trên nhiều hình thức khác nhau, trẻ có thể lựa chọn các dạng bài tập và thực hiện, qua đó trẻ sẽ được củng cố và rèn luyện

nhận thức về chữ viết. Kết quả thực hiện các bài tập được thể hiện ra bên ngoài qua lời nói, hành động và sản phẩm của trẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên kiểm tra quá trình lĩnh hội kiến thức, kỹ năng, thái độ của trẻ. Bản chất của bài tập đưa ra bao giờ cũng có dữ kiện đã biết và chưa biết, từ những dữ kiện đó yêu cầu trẻ phải tìm cách giải quyết để tìm ra được kết quả. Thông qua bài tập chúng ta có thể đánh giá được mức độ và khả năng độc lập trong hoạt động nhận thức chữ viết của từng trẻ.

** Cách tiến hành*

Bài tập rèn luyện thường có các mức độ khó, dễ khác nhau, giáo viên cần tiến hành lựa chọn các bài tập phù hợp với khả năng của trẻ. Giáo viên có thể sử dụng các bài tập đòi hỏi ở trẻ các mức độ tích cực, độc lập khác nhau. Với việc tăng cường cho trẻ trải nghiệm chữ viết trong TCĐVCCĐ thì sau khi trẻ đã có một chút kiến thức và kỹ năng mới về chữ viết nào đó thì giáo viên thường tổ chức cho trẻ thực hành những kỹ năng qua hệ thống bài tập. Đối với trẻ 5 – 6 tuổi nên sử dụng hệ thống bài tập tái tạo và sáng tạo như sau:

- Bài tập tái tạo:

Đây là những bài tập dựa trên những cái đã biết, những thao tác mẫu mà trẻ có thể tự giải quyết được nhiệm vụ nhận thức. Trong quá trình giải quyết thì trật tự thao tác giống cái đã biết. Giáo viên đặt ra nhiệm vụ và đưa ra biện pháp giải quyết nhiệm vụ đó một cách trực tiếp. Dựa trên những điều đã biết hoặc thao tác mẫu của giáo viên, trẻ có thể giải quyết được bài tập một cách dễ dàng.

Ví dụ: Trên cơ sở cô phát âm mẫu chữ cái, dấu thanh lần đầu tiên, sau đó yêu cầu trẻ phát âm giống như cô đã phát âm bằng cách cho trẻ tự phát âm nhắc lại.

Hoặc cô có một bảng chữ cái đã viết sẵn, cô xếp những hình chữ cái đã cắt lên bên trên những chữ cái đã viết ở bên dưới. Sau đó cô yêu cầu trẻ xếp các chữ cái còn lại cho đến hết.

- Bài tập sáng tạo:

Đặc điểm của loại bài tập này là những dữ kiện chưa biết của bài tập được giảng bằng một phương pháp mới, cách thức mới chứ không lặp lại trình tự giống cái đã biết.

Ví dụ: Nối những chữ cái với những loại hoa có chứa chữ cái đó. Chữ “n” nối với bức tranh có chứa từ “hoa na”, chữ “m” nối với bức tranh có từ hoa mướp, “hoa mận”,... hay nối các dấu thanh tương ứng với các từ chứa dấu đó.

Giáo viên phải chuẩn bị các bài tập, các đồ dùng, dụng cụ cần thiết như: thẻ chữ, từ, tranh ảnh, các bài tập cần có yêu cầu rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu để trẻ dễ dàng thực hiện.

Giáo viên giới thiệu, hướng dẫn với vai trò là người dẫn chương trình, tổ chức trò chơi cho các bé khi đi mua hàng tại các siêu thị, cho trẻ lựa chọn các bài tập, quan sát, giúp đỡ, gợi mở kịp thời khi trẻ gặp khó khăn để động viên trẻ hoàn thành nhiệm vụ của bài tập, đồng thời tạo ra những tình huống mới giúp trẻ thể hiện khả năng bản thân; tạo cảm giác thoải mái, tránh sự dập khuôn, gò ép vào các hoạt động mà giáo viên đã định sẵn.

** Điều kiện vận dụng*

- Với biện pháp này, giáo viên phải nắm được đặc điểm nhận thức, đặc điểm tư duy của trẻ để đưa ra các bài tập cho phù hợp. Các bài tập được nâng dần mức độ khó nhằm kích thích hứng thú nhận thức của trẻ về chữ viết thông qua chủ đề thế giới thực vật.

- Bài tập nhận thức phải cung cấp cho trẻ những kiến thức, những hiểu biết nhất định về chữ viết.

- Giáo viên phải biết thiết kế và có kỹ năng tổ chức các hoạt động có sử dụng những bài tập hấp dẫn. Bởi những bài tập đa dạng, phong phú, hấp dẫn thì sẽ thu hút được sự chú ý, khuyến khích trẻ tham gia tích cực vào các hoạt động nhằm phát triển khả năng nhận thức của trẻ về chữ viết.

- Trẻ phải có một số kỹ năng hoạt động trí tuệ như: so sánh, phân tích, tổng hợp, suy luận, khái quát,...

3.3. Thực nghiệm sư phạm

3.3.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm nhằm kiểm chứng tính khả thi, tính hiệu quả của các biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ mà đề tài đã xây dựng.

3.3.2. Nội dung và thời gian thực nghiệm

Nội dung thực nghiệm gồm các kế hoạch tổ chức TCĐVCCĐ nhằm tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi (Phụ lục 4)

Thời gian:

+ Thực nghiệm hình thành: Tháng 3 năm 2019

+ Thực nghiệm kiểm tra: Tháng 4 năm 2019

3.3.3. Tiêu chí và thang đánh giá: Được thể hiện tại mục 2.5

3.3.4. Mẫu thực nghiệm

Thực nghiệm tiến hành với 50 trẻ ở trường MN Ninh An và trường MN Ninh Giang, trong đó 25 trẻ ở nhóm TN, 25 trẻ ở nhóm ĐC. Hai nhóm này có nhiều điểm tương đồng.

3.3.5. Quy trình tổ chức thực nghiệm

Bước 1: Chọn mẫu thực nghiệm

Bước 2: Chuẩn bị thực nghiệm

Bước 3: Tổ chức các hoạt động đã thiết kế

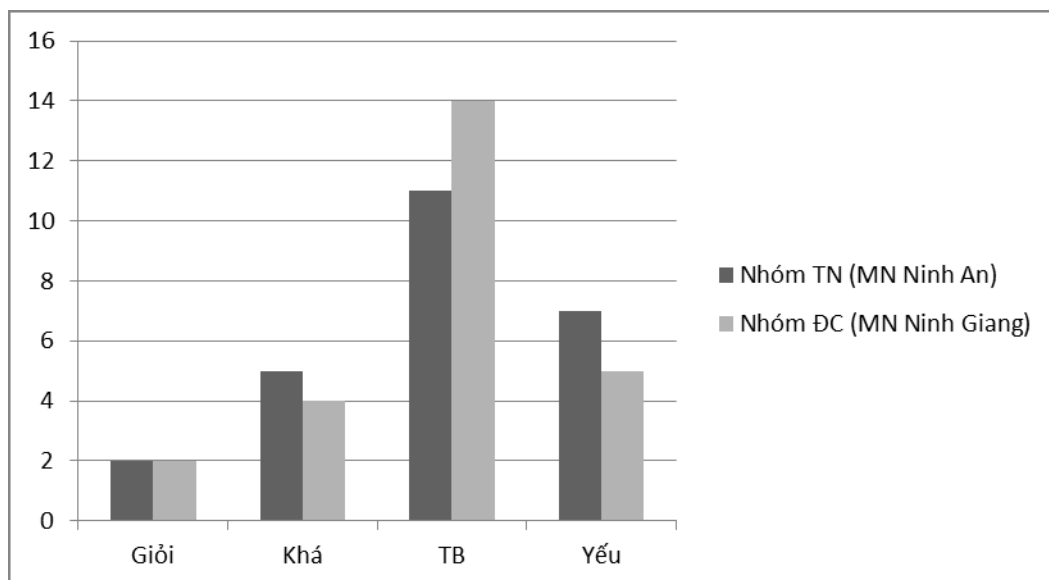
Bước 4: Đánh giá kết quả

3.3.6. Kết quả thực nghiệm

3.3.6.1. So sánh mức độ trải nghiệm chữ viết khi tham gia TCĐVCCĐ của trẻ nhóm thực nghiệm và đối chứng trước thực nghiệm

Bảng 3.1. Xếp loại trải nghiệm chữ viết của 2 nhóm trẻ (Tính theo số trẻ)

T T	Xếp loại Nhóm	Giỏi		Khá		TB		Yếu		\bar{x}	δ
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Nhóm TN (MN Ninh An)	2	8	5	20	11	44	7	28	61,8	10,2
2	Nhóm ĐC (MN Ninh Giang)	2	8	4	16	14	56	5	20	61,6	10,3



Biểu đồ 3.1: Xếp loại trải nghiệm chữ viết của 2 nhóm trẻ (Tính theo số trẻ)

Kết quả trên cho thấy trải nghiệm chữ viết của trẻ còn nhiều hạn chế 28% trẻ nhóm TN xếp mức độ Yếu, cao hơn nhóm ĐC là 8%. Ở mức độ trung bình từ 44% đến 56%. Trẻ xếp loại khá chỉ có từ 16 % đến 20%, đặc biệt tỉ lệ trẻ xếp loại giỏi còn quá ít, chỉ có 2 trẻ xếp loại Giỏi ở mỗi trường chiếm tỉ lệ 8%.

Sau khi đánh giá cả 5 tiêu chí kết quả như sau: Điểm TBC của trẻ nhóm TN là: 61,8 điểm, theo thang đánh giá, đạt mức độ TB, so với nhóm ĐC là 61,6 điểm cao hơn nhóm ĐC là 0,2 điểm.

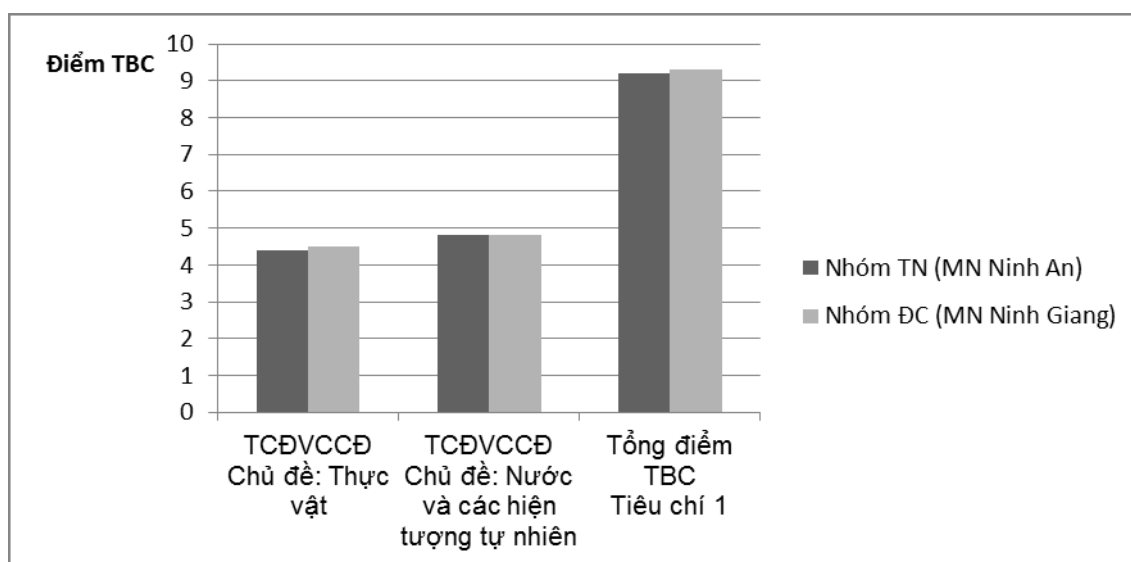
Áp dụng công thức tính T:
$$T = \frac{|\bar{X}_{TN} - \bar{X}_{DC}|}{\sqrt{\frac{\delta^2}{n_{TN}} + \frac{\delta^2}{n_{DC}}}}$$
. Gọi điểm TBC của trẻ

Trường MN Ninh An là $\bar{X}_{TN} = 61,8$ và $\delta_1 = 10,2$; Gọi điểm TBC của trẻ Trường MN Ninh Giang là $\bar{X}_{DC} = 61,6$ và $\delta_2 = 10,3$; $n_1 = n_2 = 25$, ta có $T = 0,242$. Dùng bảng phân phối T student ứng với $\alpha = 0,05$ ta có: $T_\alpha = 1,708$ ta được $T < T_\alpha$. Như vậy, trải nghiệm chữ viết của trẻ trong TCĐVCCĐ của trẻ ở hai nhóm là tương đương nhau, sự chênh lệch của trẻ giữa hai nhóm không đáng kể.

3.3.6.2. Đánh giá hứng thú trải nghiệm chữ viết của trẻ khi tham gia chơi TCĐCCCCĐ

Bảng 3.2: Hứng thú trải nghiệm chữ viết của trẻ khi tham gia chơi TCĐVCCĐ (tính theo điểm TBC)

TT	Trò chơi Nhóm	TCĐVCCĐ		Tổng điểm TBC Tiêu chí 1
		<i>Chủ đề: Thực vật</i>	<i>Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên</i>	
1	Nhóm TN (MN Ninh An)	4,4	4,8	9,2
2	Nhóm ĐC (MN Ninh Giang)	4,5	4,8	9,3



Biểu đồ 3.2: Hứng thú trải nghiệm chữ viết của trẻ khi tham gia chơi TCĐVCCĐ (Tính theo điểm TBC của tiêu chí)

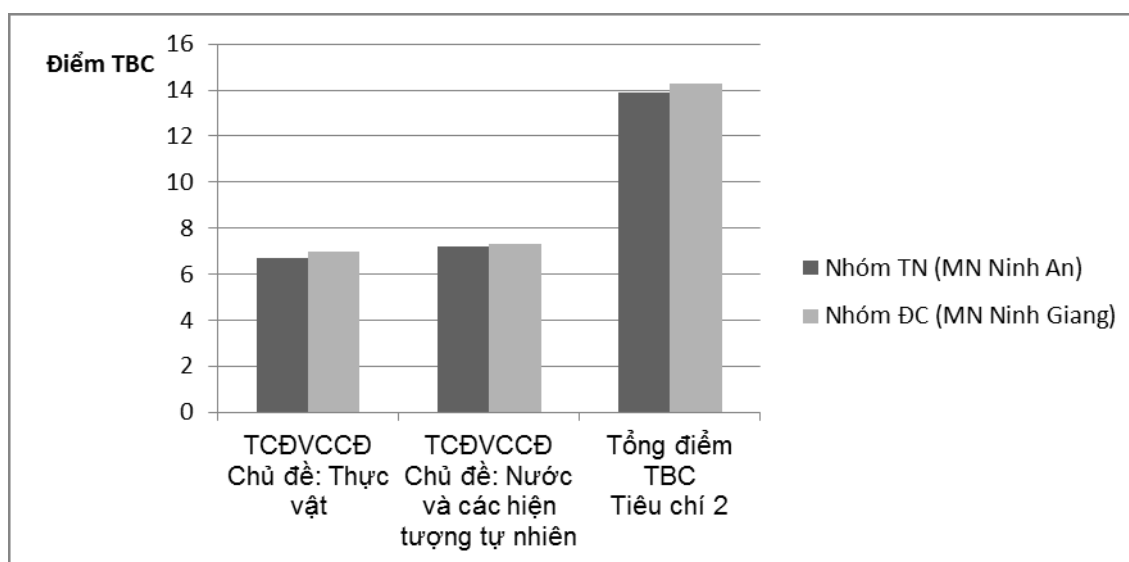
Bảng biểu trên cho thấy trẻ ở cả hai nhóm ĐC và TN đã hứng thú trải nghiệm chữ viết khi tham gia chơi TCĐVCCĐ. Trong tiêu chí 1, đã có trẻ đạt điểm gần tối đa, tuy nhiên số lượng trẻ đạt điểm gần tối đa chưa nhiều. Như vậy, có thể khẳng định rằng, TCĐVCCĐ dễ tạo ra hứng thú để trẻ trải nghiệm cùng chữ viết, giáo viên chỉ cần chuẩn bị không gian, đồ dùng, gợi mở, kinh nghiệm,... là trẻ có thể hào hứng, thích thú tham gia vào trò chơi cùng với nội dung chơi. Hiện nay, TCĐVCCĐ thường được tổ chức chơi hướng đến giáo dục các kỹ năng sống mà chưa khai thác hiệu quả để trẻ trải nghiệm chữ viết. Để giúp trẻ có biểu tượng và hứng thú với chữ viết thì việc cho trẻ được thực hiện hoạt động chơi, giúp trẻ học qua chơi một cách vui vẻ, hào hứng là điều rất cần thiết.

Chẳng hạn như: Khi tổ chức cho trẻ chơi TCĐVCCĐ bán hàng, nấu ăn cô tham gia chơi, tạo tình huống chơi, hoặc cho trẻ tự chơi và yêu cầu trẻ đeo thẻ tên nhân viên, viết vào sổ bán hàng, ghi hóa đơn,... quan sát thấy trẻ rất thích thú khám phá và trải nghiệm về chữ viết. Trẻ còn nhắc nhở bạn cùng chơi khi bạn chưa nắm được cách chơi cùng chữ viết, hay trẻ cẩn thận viết từng nét, kí hiệu chữ viết trong các sổ, hóa đơn bán hàng,...

3.3.6.3. Đánh giá mức độ nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 dấu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng)

Bảng 3.3: Mức độ nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng) của trẻ khi tham gia chơi TCĐVCCĐ (tính theo điểm TBC)

TT	Trò chơi	TCĐVCCĐ	TCĐVCCĐ	Tổng điểm TBC
Nhóm		<i>Chủ đề: Thực vật</i>	<i>Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên</i>	<i>Tiêu chí 2</i>
1	Nhóm TN (MN Ninh An)	6,7	7,2	13,9
2	Nhóm ĐC (MN Ninh Giang)	7,0	7,3	14,4



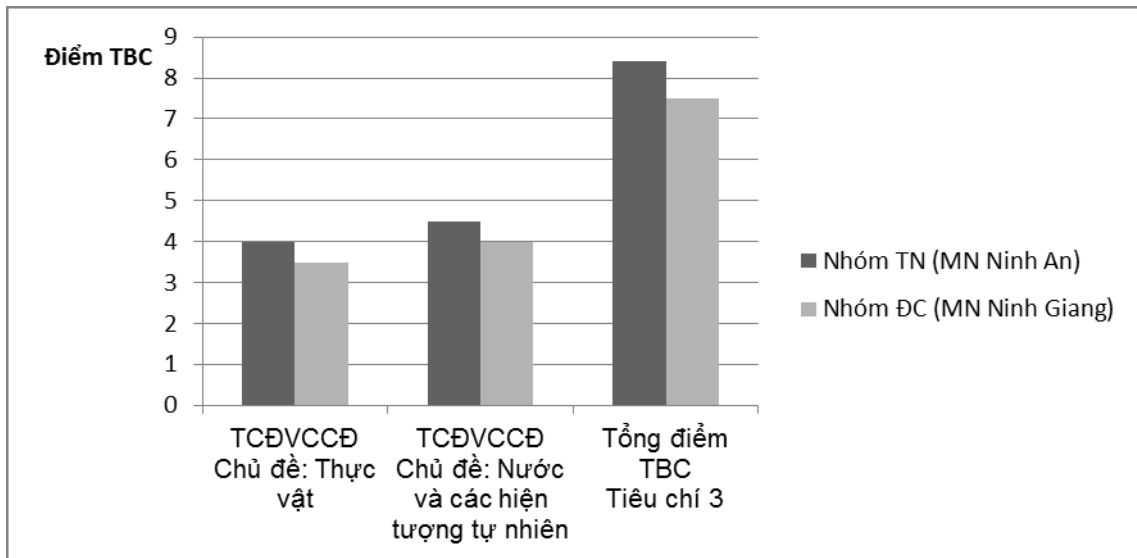
Biểu đồ 3.3: Mức độ nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng) của trẻ khi tham gia chơi TCĐVCCĐ (Tính theo điểm TBC của tiêu chí)

Trẻ ở cả 2 nhóm đều nhận biết, phân biệt các chữ cái tương đối, đạt mức trung bình, vẫn còn nhiều trẻ còn gọi tên các nét cấu tạo chữ cái chưa chính xác khi tham gia TCĐVCCĐ. Tuy nhiên, nhận biết và phân biệt 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng) thì nhiều trẻ ở cả hai nhóm chưa đạt, sự chênh lệch về điểm số của cả hai nhóm là không đáng kể. Kết quả của nhóm TN thấp hơn nhóm ĐC không nhiều, tổng điểm thấp hơn là 0,4 điểm. Quá trình thực nghiệm được tổ chức với các TCĐVCCĐ diễn ra gần gũi với trẻ, trẻ được tiếp cận với chữ viết nhiều hơn, khả năng nhận biết, phân biệt chữ viết cùng các thanh điệu nhanh hơn, chính xác hơn mà không bị nhầm lẫn và cũng không cần sự gợi ý nhắc lại của giáo viên, nhóm TN khả năng nhập vai chơi và chơi cùng chữ viết rất hiệu quả, nên số trẻ đạt điểm MĐC tăng hơn sau thực nghiệm như: Hoàng Xuân Thành (20 điểm), Hoàng Khánh Ly (18 điểm), Đào Thanh Lâm (18 điểm), đối với nhóm ĐC, số lượng trẻ nhận biết, phân biệt chính xác các chữ cái và thanh điệu có tăng lên, nhưng số lượng không nhiều. Kết quả của sự thay đổi tích cực ở cả hai nhóm là do trẻ được tiếp xúc, vui chơi với chữ viết, thanh điệu trong nhiều đồ dùng, đồ chơi, tình huống, vai chơi ở TCĐVCCĐ. Đối với nhóm TN giáo viên đã linh hoạt phối hợp tất cả các biện pháp khi tổ chức TCĐVCCĐ để trẻ trải nghiệm chữ viết.

3.3.6.4. Đánh giá khả năng hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin

Bảng 3.4. Khả năng hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin

TT	Trò chơi Nhóm	TCĐVCCĐ <i>Chủ đề: Thực vật</i>	TCĐVCCĐ <i>Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên</i>	Tổng điểm TBC <i>Tiêu chí 3</i>
1	Nhóm TN (MN Ninh An)	4,0	4,5	8,4
2	Nhóm ĐC (MN Ninh Giang)	3,5	4,0	7,5



Biểu đồ 3.4: Khả năng hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin (Tính theo điểm TBC của tiêu chí)

Để đánh giá rõ sự trải nghiệm chữ viết của trẻ trong TCĐVCCĐ thì đây là tiêu chí có vai trò rất quan trọng, trong tiêu chí này thì trẻ ở nhóm TN đã có sự thay đổi tích cực hơn hẳn so với nhóm ĐC. Kết quả về tổng điểm TBC ở tiêu chí 3 được thể hiện như sau: Đối với nhóm TN, điểm TBC đạt: 8,4 điểm, đối với nhóm ĐC, điểm TBC đạt: 7,5 điểm, như vậy, điểm TBC nhóm TN cao hơn nhóm ĐC là 0,9 điểm. Kết quả trên phần nào cho thấy tính hiệu quả của việc tăng cường trải nghiệm chữ viết trong TCĐVCCĐ khi giáo viên biết sử dụng phối hợp các biện pháp tác động đến quá trình vui chơi để giúp trẻ nhận thức chữ viết, Ví dụ:

Đa số trẻ trong khi chơi đều yêu cầu người lớn đọc truyện, muốn biết nội dung trong truyện, hoặc văn bản chữ viết khi được tiếp xúc. Cụ thể như: khi tình huống có một bức thư của các bác nông dân muốn gửi một nội dung đến siêu thị, thì tất cả trẻ trong vai nhân viên, quản lý siêu thị, bán hàng đều tò mò và muốn biết trong bức thư đó viết gì? Khi được cô giáo hỏi: “trong bức thư viết nội dung gì?” thì trẻ bóc bức thư ra và ngắm nghía các chữ bên trong thư một lát và nhờ cô giáo đọc hộ, thể hiện ở các trẻ nhóm TN như: Hoàng Khánh Ly (12 điểm); Phạm Ngọc Tú (12 điểm); Đào Thanh Lâm (12 điểm); còn nhóm ĐC thì có nhiều trẻ lúng túng, chưa biết làm gì, như: Lê Đức Long (4điểm); Trần Thảo My (6 điểm),....

Về nội dung: tạo được một vài kí hiệu viết hoặc chữ viết thì trẻ nhóm TN đều tạo được các kí hiệu viết với số lượng ít hay nhiều, có những trẻ tạo ra được nhiều kí hiệu viết theo kiểu gần giống các nét chữ và các chữ cái, chẳng hạn như

các cháu: Đào Thanh Lâm, Phạm Ngọc Tú,... Trong khi đó, trẻ nhóm ĐC rất lúng túng và có những trẻ không tạo được kí hiệu viết nào như cháu: Lê Đức Long

Về việc thể hiện được một vài ý tưởng, suy nghĩ của bản thân qua các kí hiệu vừa tạo ra thông qua trò chơi, rất nhiều trẻ nhóm TN thể hiện ý tưởng, suy nghĩ qua kí hiệu vừa viết rất tốt. Chẳng hạn như cháu: Hoàng Nam Thái, Phạm Thảo Nguyên, Hoàng Thu Hà,... khi tham gia chơi bán hàng, cháu viết hóa đơn cho khách mua hàng, khi hỏi: “Cháu đã viết gì trong hóa đơn cho khách hàng?” trẻ rất nhanh nhẹn nhìn vào các kí hiệu viết và đọc các sản phẩm khách hàng mua như: “Khách hàng đã mua các sản phẩm như: nước lọc, sữa, rau xanh, cải tím, xoài,... Tổng tiền hàng thanh toán là 10 nghìn đồng”. Mặc dù, những kí hiệu viết và chữ viết có thể chưa chính xác, nhưng điều đó cho thấy trẻ vận dụng kinh nghiệm sử dụng chữ viết trong cuộc sống tốt. Hay trong vai bác sĩ khám bệnh cho bệnh nhân bị ngộ độc rau xanh, cháu Vũ Nguyễn Việt Anh đã viết sổ khám bệnh và đơn thuốc với rất nhiều kí hiệu viết và chữ viết, thể hiện lại ý tưởng qua các kí hiệu vừa tạo ra. Cũng câu hỏi “Cháu viết gì trong sổ khám bệnh thế?” Cháu cười vui vẻ và nói: “Cháu đang viết tình hình bệnh và kê đơn thuốc cho bác ấy. Bác ấy bị ngộ độc do ăn phải rau xanh không đảm bảo, tình trạng bác ấy bị nôn nhiều, đi ngoài, sốt cao,... bác ấy cần nghỉ ngơi và uống thuốc giải độc,... Trong khi đó, nhiều trẻ nhóm ĐC khó khăn hoặc không thể hiện được ý tưởng, suy nghĩ qua một vài kí hiệu vừa tạo ra

Nội dung sử dụng chữ viết trong một vài hoạt động: Qua quan sát nhận thấy trẻ nhóm TN sử dụng linh hoạt chữ viết, kí hiệu viết trong nhiều hoạt động hơn như: viết sổ khám bệnh, đơn thuốc, sổ bán hàng, hóa đơn bán hàng, thực đơn món ăn, dạy con học viết, viết thư, tham gia thi tài chữ viết tại siêu thị,... Nhiều trẻ nhóm TN đã sử dụng chữ viết tốt trong các hoạt động như: cháu Đỗ Đức Duy, Vũ Phạm Hồng Nhung, Đào Sỹ Hồng Minh,... Trẻ nhóm ĐC đa số chưa biết sử dụng chữ viết trong các hoạt động, hoặc có sử dụng nhưng chưa nhanh nhẹn và linh hoạt, trẻ chỉ chú tâm tham gia chơi cùng các đồ chơi, và các bạn chơi trong nhóm, khi giáo viên gợi ý, có trẻ cũng đã có ý tưởng nhưng chưa nhiều và còn nhiều lúng túng.

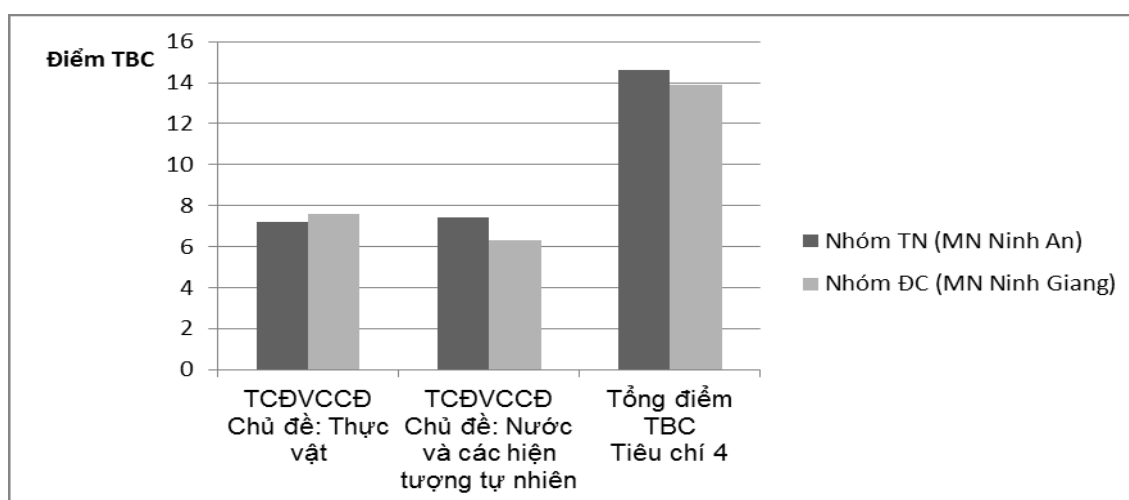
Như vậy, việc hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin trong TCĐVCCĐ không phải là nội dung khó với khả năng nhận thức của trẻ, nhưng điều quan trọng là giáo viên mầm non có cách cho trẻ trải nghiệm chữ

viết trong TCĐVCCĐ nói riêng và các hoạt động giáo dục khác nói chung một cách hợp lý, linh hoạt sẽ giúp trẻ trải nghiệm cùng chữ viết một cách nhẹ nhàng mà vẫn mang lại hiệu quả và mục đích giáo dục như mong muốn.

3.3.6.5. Đánh giá khả năng thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ

Bảng 3.5: Khả năng thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ

TT	Trò chơi Nhóm	TCĐVCCĐ <i>Chủ đề: Thực vật</i>	TCĐVCCĐ <i>Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên</i>	Tổng điểm TBC <i>Tiêu chí 4</i>
1	Nhóm TN (MN Ninh An)	7,2	7,4	14,6
2	Nhóm ĐC (MN Ninh Giang)	7,6	6,3	13,9



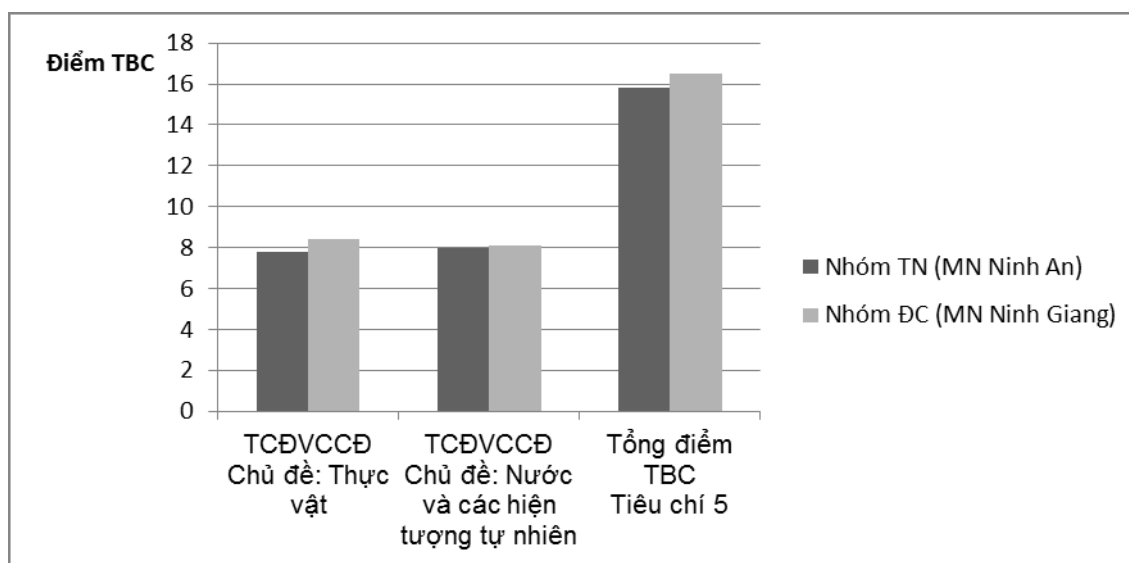
Biểu đồ 3.5: Khả năng thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ (Tính theo điểm TBC của tiêu chí)

Trong tiêu chí này thì điểm TBC của nhóm TN cao hơn nhóm ĐC là 0,7 (TN:14,6; ĐC:13,9). Đối với nhóm TN, một số trẻ không chỉ thực hiện đúng quy tắc khi tô, viết chữ mà trẻ còn tô và viết rất sạch, không chườm ra ngoài, nét chữ tròn, đều cụ thể là những trẻ sau: Vũ Phạm Hồng Nhung (22 điểm), Đào Thanh Lâm (23 điểm), Đào Nhật Minh (20 điểm), Hoàng Khánh Ly (20 điểm),... Trẻ thực hiện quy tắc rất thuần thục và nhanh nhẹn, vì trẻ được hoạt động nhiều trong quá trình chơi cùng trò chơi ĐVCCĐ, tuy nhiên ở nhóm TN cũng vẫn có những trẻ đạt điểm thấp như: Lê Khánh Linh, Hoàng Anh Huy (12 điểm) biểu hiện: Trẻ tô lên các nét

chữ in mờ nhưng không chuẩn; tô, viết chữ chưa theo đúng trình tự các nét, chưa theo đúng hướng: từ trên xuống dưới, từ trái qua phải,... Đối với nhóm ĐC, thì số trẻ đạt mức độ điểm thấp hơn, và nhiều hơn về số lượng như: Bùi Đức Thăng (11 điểm); Lê Đức Long (11 điểm),... bởi vì trẻ không có sự tương tác nhiều cùng chữ viết trong các hoạt động của TCĐVCCĐ.

Bảng 3.6: Khả năng thực hiện đúng hành vi của người viết

TT	Trò chơi Nhóm	TCĐVCCĐ	TCĐVCCĐ	Tổng điểm TBC Tiêu chí 5
		<i>Chủ đề: Thực vật</i>	<i>Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên</i>	
1	Nhóm TN (MN Ninh An)	7,8	8,0	15,8
2	Nhóm ĐC (MN Ninh Giang)	8,4	8,1	16,5



Biểu đồ 3.6: Khả năng thực hiện đúng hành vi của người viết (Tính theo điểm TBC của tiêu chí)

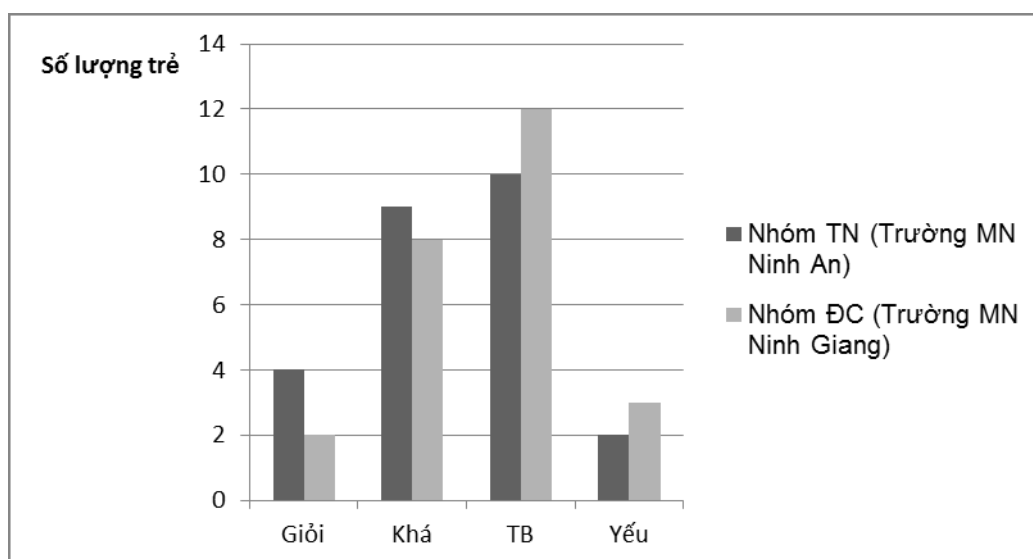
Đây là tiêu chí mà điểm TBC của nhóm TN thấp hơn nhóm ĐC là 0,8 (ĐC:16.5; TN:15,7). Tuy nhiên đây chỉ là kết quả trước thực nghiệm, sau thực nghiệm, nhóm TN đã có sự tiến bộ rõ rệt, cùng với việc chơi các TCĐVCCĐ trẻ được thực hành nhiều với chữ viết, trẻ có cơ hội nhiều hơn trong thực hiện hành vi của người viết vì thế biểu hiện về sự tiến bộ rõ rệt ở nhóm TN là: Nhiều trẻ biết ngồi đúng tư thế, biết cầm bút đúng cách, đặt vở đúng chiều khoảng cách

hợp lý giữa mắt và vở, sách khi trẻ đọc viết. Biết gỡ vở, sách từ trang này sang trang khác một cách độc lập, biết giữ gìn sách vở sạch đẹp trong quá trình tiếp xúc với chữ viết trong TCĐVCCĐ. Cụ thể là những trẻ sau: Đỗ Đức Duy (21 điểm), Đào Thanh Lâm (21 điểm), Hoàng Bảo Trân (20 điểm),... Đối với nhóm ĐC, trẻ đạt điểm thấp hơn và có những trẻ đạt mức độ điểm thấp như: Bùi Đức Thăng, Lê Đức Long (13 điểm) biểu hiện: những trẻ này ngồi sai tư thế, khoảng cách từ mắt đến vở quá gần, trẻ cầm bút chưa chính xác trẻ cầm bút bằng 4 đến 5 đầu ngón tay,...

3.3.6.5. So sánh mức độ trải nghiệm chữ viết khi tham gia chơi TCĐVCCĐ của trẻ ở 2 nhóm TN và ĐC sau thực nghiệm

Bảng 3.7. Xếp loại trải nghiệm chữ viết của trẻ qua TCĐVCCĐ (Tính theo số trẻ)

TT	Xếp loại Nhóm	Giỏi		Khá		TB		Yếu		\bar{x}	δ
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Nhóm TN	4	16	9	36	10	40	2	8	68,8	10,4
2	Nhóm ĐC	2	8	8	32	12	48	3	12	63,3	8,9



Biểu đồ 3.7: Xếp loại trải nghiệm chữ viết của trẻ qua TCĐVCCĐ (Tính theo số trẻ)

Kết quả trên cho thấy: mức độ trải nghiệm chữ viết của trẻ nhóm TN cao hơn so với nhóm ĐC. Nhóm TN có 4 trẻ đạt loại giỏi là các cháu: Hoàng Khánh Ly, Vũ Phạm Hồng Nhung, Đào Thanh Lâm, Đỗ Đức Duy. Còn nhóm ĐC chỉ có 2 trẻ đạt loại giỏi là các cháu: Nguyễn Vân Anh, Nguyễn Thành Long. Số trẻ

đạt loại khá ở nhóm TN cũng cao hơn nhóm ĐC là 1 trẻ, trong đó cháu gần đạt mức điểm giỏi là cháu: Đào Nhật Minh (77 điểm); điểm TBC đạt mức độ khá của nhóm TN từ 71 điểm – 77 điểm, trong khi đó điểm đạt mức độ khá của nhóm ĐC sau thực nghiệm chỉ từ từ 66 điểm – 70 điểm thấp hơn so với nhóm TN. Số trẻ xếp loại trung bình ở nhóm ĐC cao hơn nhóm TN là 2 trẻ. Đối với xếp loại yếu, nhóm ĐC cũng cao hơn nhóm TN là 1 trẻ.

Sau khi đánh giá tổng 5 tiêu chí, điểm TBC của trẻ nhóm TN là 68,8 điểm, đạt mức độ khá theo thang đánh giá, cao hơn điểm nhóm ĐC có điểm TBC là 63,3 điểm, đạt mức độ trung bình, theo thang đánh giá là 5,5 điểm.

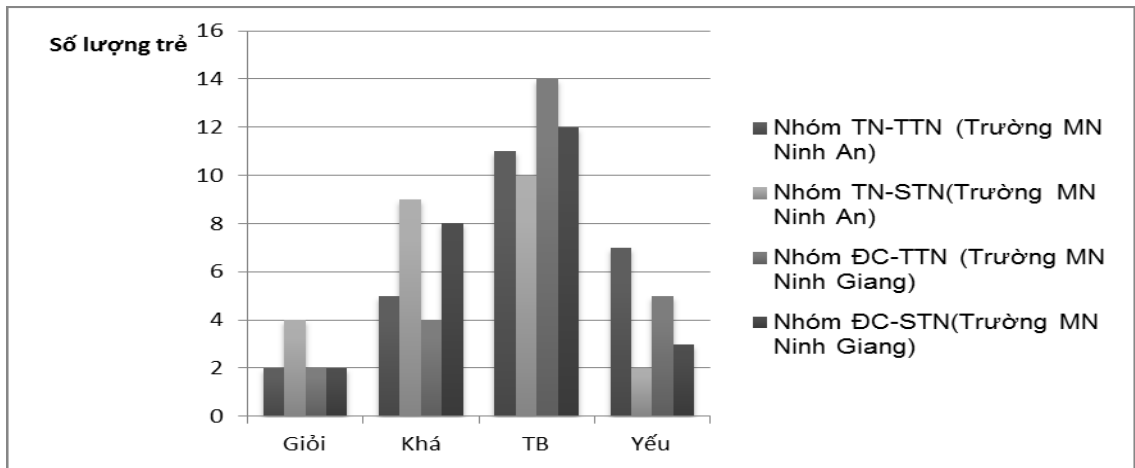
$$\text{Áp dụng công thức tính T: } T = \frac{|\overline{X}_{TN} - \overline{X}_{ĐC}|}{\sqrt{\frac{\delta^2}{n_{TN}} + \frac{\delta^2}{n_{ĐC}}}}. \text{ Gọi điểm TBC của trẻ}$$

Trường MN Ninh An là $\overline{X}_{TN} = 68,8$ và $\delta_1 = 10,4$; Gọi điểm TBC của trẻ Trường MN Ninh Giang là $\overline{X}_{ĐC} = 63,3$ và $\delta_2 = 8,9$; $n_1 = n_2 = 25$, ta có $T = 6,857$. Dùng bảng phân phối student ứng với $\alpha = 0,05$ ta có: $T\alpha = 1.708$ ta được $T > T\alpha$ là 5.149. Như vậy, trải nghiệm chữ viết của trẻ trong TCĐVCCĐ của trẻ ở nhóm TN có ý nghĩa, chứng tỏ các biện pháp giáo dục mà đề tài đề xuất là phù hợp với khả năng nhận thức của trẻ.

3.3.6.7. So sánh mức độ trải nghiệm chữ viết khi tham gia chơi TCĐVCCĐ của trẻ ở 2 nhóm TN và ĐC trước và sau thực nghiệm

Bảng 3.8. Xếp loại trải nghiệm chữ viết của trẻ qua TCĐVCCĐ (Tính theo số trẻ)

T T	Nhóm	Thời gian	Xếp loại								\overline{x}	δ
			Giỏi		Khá		TB		Yếu			
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Nhóm TN	TTN	2	8	5	20	11	44	7	28	61,8	10,2
2	Nhóm TN	STN	4	16	9	36	10	40	2	8	68,8	10,4
3	Nhóm ĐC	TTN	2	8	4	16	14	56	5	20	61,6	10,3
4	Nhóm ĐC	STN	2	8	8	32	12	48	3	12	63,3	8,9



Biểu đồ 3.8: Xếp loại trải nghiệm chữ viết của trẻ qua TCĐVCCĐ (Tính theo số trẻ)

Bảng số liệu trên cho thấy: Sau khi quá trình TN diễn ra thì mức độ trải nghiệm chữ viết của trẻ nhóm ĐC và nhóm TN đều có sự tiến bộ hơn so với thời điểm trước khi thực nghiệm, nhưng sự thay đổi theo hướng tích cực ở nhóm TN được thể hiện rõ nét:

- Loại giỏi: Trước TN cả nhóm ĐC và nhóm TN là 2 trẻ; sau TN, nhóm TN là 4 trẻ, nhóm ĐC số trẻ vẫn là 2 cháu. Như vậy, sau TN số trẻ xếp loại giỏi nhóm TN nhiều hơn nhóm ĐC là 2 trẻ.

- Loại khá: Trước TN nhóm ĐC 4 trẻ và nhóm TN là 5 trẻ; sau TN, nhóm TN là 9 trẻ, nhóm ĐC là 8 trẻ. Như vậy, sau TN số trẻ xếp loại khá nhóm TN nhiều hơn nhóm ĐC là 1 trẻ.

- Loại TB: Trước TN nhóm ĐC 14 trẻ và nhóm TN là 11 trẻ; sau TN, nhóm TN là 10 trẻ, nhóm ĐC là 12 trẻ. Như vậy, sau TN số trẻ xếp loại trung bình nhóm TN ít hơn nhóm ĐC là 1 trẻ.

- Loại Yếu: Trước TN nhóm ĐC 5 trẻ và nhóm TN là 7 trẻ; sau TN, nhóm TN là 2 trẻ, nhóm ĐC là 3 trẻ. Như vậy, sau TN số trẻ xếp loại yếu nhóm TN ít hơn nhóm ĐC là 1 trẻ.

Sau khi tiến hành sử dụng các biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ thì biểu hiện về mức độ nhận thức chữ viết của trẻ nhóm TN sau thực nghiệm cao hơn rõ rệt so với thời điểm trước thực nghiệm và cao hơn so với nhóm ĐC sau thực nghiệm.

Như vậy, qua thực nghiệm rút ra được một số vấn đề sau:

- Khả năng trải nghiệm chữ viết của trẻ nhóm TN sau thực nghiệm có tăng tăng lên và tương đối ổn định, Điều này minh chứng cho việc vận dụng các biện pháp dạy trẻ phù hợp, linh hoạt ở trường mầm non đã mang lại hiệu quả giáo dục, góp phần phát triển nhận thức chữ viết cho trẻ.

- Muốn kết quả trẻ đạt cao hơn nữa thì rất cần có thêm thời gian, sự triển khai tiến hành thường xuyên, đồng bộ các biện pháp trong suốt quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường mầm non.

Kết luận chương 3

Chương 3 đã giải quyết được các nhiệm vụ nghiên cứu:

1. Xác định được các nguyên tắc để xây dựng và đề xuất được một số biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5 - 6 tuổi trong TCĐVCCĐ.

2. Xây dựng được 4 biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi ĐVCCĐ.

- Biện pháp 1: Xây dựng môi trường chữ viết thuận tiện, đa dạng, hấp dẫn

- Biện pháp 2: Tăng cường sử dụng các tình huống cụ thể nhằm kích thích trải nghiệm chữ viết cho trẻ

- Biện pháp 3: Kích thích trẻ tích cực sử dụng chữ viết theo các đề tài hấp dẫn trong trò chơi.

- Biện pháp 4: Linh hoạt sử dụng hệ thống bài tập nhận biết, phân biệt chữ cái và thanh thanh điệu dưới dạng trò chơi.

3. Tiến hành xây dựng chương trình và thực nghiệm một số biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5 - 6 tuổi trong TCĐVCCĐ ở trường MN Ninh An – Huyện Hoa Lư ở 2 chủ đề: thực vật; nước và các hiện tượng tự nhiên gồm các kế hoạch thực nghiệm, các bài tập khảo sát sau thực nghiệm.

4. Kết quả TN khẳng định độ tin cậy, tính khả thi và hiệu quả của biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5 - 6 tuổi trong TCĐVCCĐ mà đề tài nghiên cứu.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

1.1. Đối với trẻ MN, trải nghiệm chữ viết đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc phát triển toàn diện nhân cách trẻ, là tiền đề trong việc chuẩn bị cho trẻ 5 – 6 tuổi bước vào lớp Một. Vì vậy, tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi là một việc làm cần thiết, cần xem đây như là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để giúp trẻ có được nền tảng vững chắc bước vào cuộc sống tương lai. TCĐVCCĐ giữ một vai trò quan trọng, là một trong những con đường thuận lợi để tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5 - 6 tuổi, là phương tiện hiệu quả để đạt mục đích về trải nghiệm đọc, viết đặt ra trong trò chơi.

1.2. Kết quả điều tra thực trạng cho thấy:

- Giáo viên vẫn chưa tận dụng hết được những ưu thế của TCĐVCCĐ để đưa những nội dung trải nghiệm chữ viết cho trẻ tiếp cận, TCĐVCCĐ chỉ chủ yếu hướng đến hình thành kỹ năng, thao tác sử dụng đồ dùng, đồ chơi, giáo dục các kỹ năng sống

- Trẻ 5-6 tuổi rất thích chơi TCĐVCCĐ vì đây là hoạt động chủ đạo, tuy nhiên trong trò chơi thì trẻ chưa nhận biết, phân biệt các chữ cái, hiểu ý nghĩa chữ viết để truyền tải thông tin, hay thực hiện các quy tắc đọc, viết,... còn rất nhiều lúng túng và chưa chính xác. Do đó, kết quả khảo sát mức độ trải nghiệm chữ viết của trẻ trong TCĐVCCĐ chủ yếu chỉ đạt MĐTB và MĐT.

1.3. Đề tài đã xây dựng các nguyên tắc và đề xuất một số biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5 – 6 tuổi trong TCĐVCCĐ như sau:

- Biện pháp 1: Xây dựng môi trường chữ viết thuận tiện, đa dạng, hấp dẫn

- Biện pháp 2: Tăng cường sử dụng các tình huống cụ thể nhằm kích thích trải nghiệm chữ viết cho trẻ

- Biện pháp 3: Kích thích trẻ tích cực sử dụng chữ viết theo các đề tài hấp dẫn trong trò chơi.

- Biện pháp 4: Linh hoạt sử dụng hệ thống bài tập nhận biết, phân biệt chữ cái và thanh điệu dưới dạng trò chơi.

1.4. Đề tài đã xây dựng chương trình thực nghiệm cách tổ chức TCĐVCCĐ trong các góc chơi.

1.5. Kết quả thực nghiệm sư phạm đã chứng minh những lựa chọn và ứng dụng các biện pháp mà đề tài đề xuất là khả thi, phù hợp với nhận thức của trẻ, chứng minh được giả thuyết của đề tài, làm tăng hiệu quả trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ tại trường MN.

2. KIẾN NGHỊ

- Lãnh đạo các cấp ban ngành giáo dục mầm non cần quan tâm, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá việc tăng cường trải nghiệm chữ viết trong TCĐVCCĐ trong hoạt động thực tiễn, đồng thời tạo điều kiện và khuyến khích giáo viên khai thác hợp lý những thế mạnh mà TCĐVCCĐ mang lại nhằm mục đích vừa giáo dục kỹ năng sống, phát triển nhận thức, ngôn ngữ cho trẻ.

- GVMN cần có nhận thức sâu sắc hơn nữa tầm quan trọng của việc tổ chức tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ, khắc phục tình trạng dạy gò bó, rập khuôn máy móc trong cách tổ chức của bản thân. Chú ý khai thác nội dung trải nghiệm chữ viết trong TCĐVCCĐ một cách phù hợp với chủ đề, vai chơi, tình huống chơi, cách chơi, đồ chơi, phương tiện chơi, không gian chơi,...

- Sử dụng các biện pháp đảm bảo tính linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa các biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong TCĐVCCĐ.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ (NHÓM TÁC GIẢ) ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG ĐỀ TÀI

1. Nguyễn Thị Hương Lan (2016), *Biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong hoạt động vui chơi*. Luận văn thạc sĩ khoa học giáo dục, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Hương Lan, Phạm Thị Trúc, Nguyễn Thị Thúy Huyền (2019), “Nhận thức của giáo viên về tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề”, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, (78).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/Tiếng Việt

1. Lê A (2007), *Chữ viết và dạy chữ viết ở tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Phan Thị Lan Anh (2010), *Sử dụng trò chơi nhằm phát triển khả năng tiền đọc viết ở trẻ mẫu giáo lớn (5 – 6 tuổi) trong trường mầm non*. Luận án tiến sĩ khoa học, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
3. Phạm Mai Chi (2004), “Trẻ em học như thế nào”, *Tạp chí GDMN*, (4).
4. Nguyễn Thị Hòa (2009), *Giáo trình giáo dục học mầm non*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Nông Thị Thu Hoài (2010), *Chuẩn bị khả năng tiền đọc viết cho trẻ 5 – 6 tuổi*. Luận văn thạc sĩ khoa học giáo dục.
6. Ngô Công Hoàn (1994), *Tâm lý học trẻ em* (Tài liệu lưu hành nội bộ), trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
7. Trần Mạnh Hưởng (2003), *Góp phần chuẩn bị cho trẻ mẫu giáo học tốt môn tiếng Việt ở lớp 1 – Hội thảo trường Đại học Sư phạm Hà Nội về Nâng cao chất lượng cho trẻ mầm non làm quen với chữ viết*.
8. Nguyễn Hiền Dung Hương (2006). *Những kinh nghiệm của trẻ mầm non trong nghệ thuật ngôn ngữ*, Tài liệu dịch lưu hành nội bộ của Trường CĐSPTU.
9. Nguyễn Thị Hương Lan (2016), *Biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong hoạt động vui chơi*. Luận văn thạc sĩ khoa học giáo dục, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
10. Tạ Thúy Lan (2007), *Sinh lý học thần kinh tập I-II*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
11. Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn (2009), *Từ điển tâm lý học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
12. Hồ Quang Minh, Trịnh Thị Thanh Hoa (2009), *Giáo án mầm non, Hoạt động làm quen với chữ viết*, Nxb Hà Nội.
13. Trần Thị Nga (2003), “Hoạt động vui chơi và sự phát triển nhận thức, ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo”, *Tạp chí Giáo dục mầm non* (3).
14. Thúy Quỳnh – Hương Thảo (2010), *Tuyển tập thơ ca, truyện kể, câu đố cho trẻ mầm non theo chủ đề*, Nxb Giáo dục.
15. Đinh Hồng Thái, Lê Thị Hòa (07.2013), “Sử dụng môi trường chữ viết hình thành khả năng tiền đọc viết cho trẻ 5 – 6 tuổi”, *Tạp chí Giáo dục (số đặc biệt)*(9).
16. Đinh Hồng Thái (2014), *Giáo trình phát triển khả năng tiền đọc viết tuổi mầm non theo hướng tích hợp*, Nxb Giáo dục.
17. Đinh Hồng Thái (2015), *Hình thành khả năng đọc viết ban đầu cho trẻ em tuổi mầm non*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
18. Phùng Đức Toàn (2012), *Phương án 0 tuổi phát triển ngôn ngữ từ trong nôi dành cho trẻ từ 0 – 6 tuổi*, Nxb Lao động xã hội.
19. Nguyễn Ánh Tuyết, Phạm Hoàng Gia (1988), *Tâm lý học trẻ em trước tuổi đi học*, Nxb Giáo dục.
20. Nguyễn Ánh Tuyết (1998), *Chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào trường phổ thông*, Nxb Giáo dục.

21. Lê Thị Ánh Tuyết (2003), “Cho trẻ làm quen với chữ viết: Các quan niệm và thực tiễn”, *Tạp chí Giáo dục mầm non* (1)
22. Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai, Đinh Thị Kim Thoa (2008), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non (từ lọt lòng đến 6 tuổi)*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
23. Trần Thị Ngọc Trâm – Lê Thu Hương – Lê Thị Ánh Tuyết-Đồng chủ biên (2014), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non (các độ tuổi mẫu giáo)*, Nxb Giáo dục.
24. Đinh Văn Vang (2001), “Kỹ năng dạy học bằng trò chơi của giáo viên mẫu giáo”, *Tạp chí GDMN* (12).
25. Đinh Văn Vang (2006), *Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
26. Đinh Ngọc Văn (2011), *Tâm lý trẻ em và niềm vui đi học*, Nxb Thanh Hóa.
27. Lê Thanh Vân (2008), *Giáo trình sinh lý học trẻ em*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2/Tiếng Anh

28. Irene Yates, (1998), “Language and literacy”, *Scholastic*, 1, 76 – 85.
29. Lea M.McGee and Donal J. Richgels(2000), “Literacy’s Beginning”, *Allyn and Bacon*, 2, 256 – 308.
30. Melbourne Graduate School of Education (2009), “Language and Literacy in Early Childhood”, *Teachers College Press*, 4, 198- 201

3/ Website

31. <http://en.wikipedia.org/wiki/Acinetobacter> ngày truy cập: ngày 24/6/2012.
32. <http://getreadytoread.org> ngày truy cập: ngày 26/10/2018

PHỤ LỤC 1
PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN
(Dành cho giáo viên mầm non)

Để giúp chúng tôi có thể tiến hành tốt việc nghiên cứu đề tài: “Biện pháp tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề”, xin anh (chị) vui lòng đóng góp một số ý kiến cá nhân về những nội dung sau bằng cách đánh dấu (x) vào ô trống có câu trả lời tương ứng, hoặc ghi bổ sung vào chỗ có dấu chấm.

Câu 1: Theo anh (chị) có cần thiết cho trẻ 5-6 tuổi trải nghiệm chữ viết không? (Đánh dấu vào một lựa chọn)

- Rất cần thiết
- Cần thiết
- Không cần thiết

Câu 2: Theo anh (chị) cho trẻ 5-6 tuổi trải nghiệm chữ viết có vai trò như thế nào? (Đánh dấu vào một lựa chọn)

- Có ảnh hưởng tới quá trình học sau này của trẻ
- Quyết định hoàn toàn đến quá trình học sau này của trẻ
- Không ảnh hưởng gì tới quá trình học sau này của trẻ

Câu 3: Theo anh (chị) trẻ 5-6 tuổi có hứng thú như thế nào đối với chữ viết? (Đánh dấu vào một lựa chọn)

- Hứng thú cao
- Hứng thú
- Hứng thú thấp

Câu 4: Theo anh (chị) cho trẻ 5-6 tuổi trải nghiệm chữ viết bao gồm những nội dung nào trong những nội dung dưới đây?(có thể đánh dấu vào nhiều lựa chọn)

- Hứng thú với chữ viết
- Nhận biết và phát âm chính xác 29 chữ cái và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng); so sánh sự giống và khác nhau giữa những chữ cái cùng nhóm
- Nói được một số từ có chứa chữ cái với chữ cái tách rời.
- Viết chính xác các chữ cái trên dòng kẻ có ô ly chuẩn.
- Hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin, cố gắng tạo ra một số kí hiệu viết, chữ viết.
- Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ
- Thực hiện đúng hành động của người viết

Câu 5: Anh (chị) nghĩ rằng trò chơi đóng vai có chủ đề ở trường mầm non có thực sự cần thiết trong việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi không? Vì sao? (Đánh dấu vào một lựa chọn)

- Rất cần thiết
- Cần thiết
- Không cần thiết

Lí do:.....

.....

Câu 6. Việc tổ chức trò chơi đóng vai có chủ đề có thuận lợi cho việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi không? Vì sao? (Đánh dấu vào một lựa chọn)

- Rất thuận lợi
- Thuận lợi
- Không thuận lợi

Lí do:

.....

Câu 7. Anh (Chị) thường gặp khó khăn gì khi tổ chức trò chơi đóng vai có chủ đề nhằm tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi? (Đánh dấu vào nhiều lựa chọn)

- Số lượng trẻ đông, không gian góc chơi hẹp.
- Chưa nắm được phương pháp dạy trẻ tăng cường trải nghiệm chữ viết.
- Khó xác định nội dung trải nghiệm chữ viết khi cho trẻ chơi trò chơi đóng vai có chủ đề.
- Khả năng trải nghiệm chữ viết của trẻ còn yếu.
- Thiếu phương tiện để dạy trẻ trải nghiệm chữ viết.

Các nguyên nhân khác

Câu 8. Việc tăng cường trải nghiệm chữ viết thường được anh (chị) thực hiện trong những hoạt động nào của trẻ? (Có thể đánh dấu vào nhiều lựa chọn)

- Hoạt động học (Giờ làm quen với chữ cái)
- Tích hợp vào các hoạt động học khác (Thể dục, KPKH, Tạo hình, Văn...)
- Hoạt động ngoài trời
- Hoạt động vui chơi
- Hoạt động lao động
- Tham gia lễ hội
- Sinh hoạt hàng ngày

Câu 9. Theo anh (chị), những hoạt động nào có nhiều lợi thế để tổ chức dạy trẻ 5-6 tuổi tăng cường trải nghiệm chữ viết? Vì sao?

Hoạt động:.....

.....
Lí do:

Câu 10: Để tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề, anh (chị) đã sử dụng những biện pháp nào?

.....
.....

Câu 11: Để tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề, anh (chị) sẽ lựa chọn góc nào trong số các góc sau? Tại sao? (Đánh dấu vào 1 lựa chọn)

- Góc xây dựng
- Góc Đóng vai (gia đình, bác sĩ, bán hàng,...)
- Góc Nghệ thuật (tạo hình, âm nhạc)
- Góc Khám phá khoa học
- Góc thư viện

Lí do:

.....
Câu 12: Theo anh (chị), giáo viên giữ vai trò gì trong việc tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề? (Đánh dấu vào một lựa chọn)

- Giáo viên là người giữ vai trò trung tâm, là người quyết định việc chơi của trẻ khi cho trẻ trải nghiệm chữ viết.
- Giáo viên giữ vai trò là người tổ chức, điều khiển, tạo cơ hội, giúp đỡ trẻ khi cần thiết.

Câu 13: Anh (chị) có suy nghĩ gì khi tăng cường trải nghiệm chữ viết cho trẻ từ giai đoạn mầm non? (Đánh dấu vào một lựa chọn)

- Trải nghiệm chữ viết nên bắt đầu từ bậc tiểu học, giai đoạn mầm non trẻ chưa cần phải trải nghiệm chữ viết.
- Cho trẻ trải nghiệm chữ viết ở bậc học mầm non là cần thiết
- Không rõ.

Xin anh (chị) vui lòng cho biết những thông tin dưới đây:

Họ và tên:

Trình độ đào tạo:.....

Số năm dạy lớp 5-6 tuổi:.....

Xin chân thành cảm ơn!

PHỤ LỤC 2
BÀI KHẢO SÁT THỰC TRẠNG
MỨC ĐỘ TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT CỦA TRẺ 5 - 6 TUỔI TRONG
TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ

1. ĐÓNG VAI GIA ĐÌNH, BÁC SĨ, BÁN HÀNG

Chủ đề: Nghề nghiệp

Mục đích:

Củng cố một số nội dung sau:

- Hứng thú trải nghiệm chữ viết
- Nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng) so sánh sự giống và khác nhau giữa những chữ cái cùng nhóm.
- Hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin, cố gắng tạo ra một số kí hiệu viết, chữ viết.
- Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ
- Thực hiện đúng hành vi của người viết

Cách khảo sát

- Quan sát trẻ chơi, giáo viên có thể tham gia vào các vai chơi cùng trẻ. Ví dụ: “đóng vai gia đình” có thể tham gia vào vai bố, mẹ, ông, bà, anh chị hoặc con; “đóng vai bác sĩ” tham gia vào bác sĩ, y tá, bệnh nhân; “đóng vai bán hàng, nấu ăn” có thể tham gia vào vai nhân viên bán hàng, người mua hàng, hoặc đầu bếp,... để lấy thông tin và điền thông tin vào phiếu đánh giá

- Đàm thoại với trẻ, điền thông tin vào phiếu đánh giá

Nhận biết, phân biệt các chữ cái trong chủ đề và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng) trong các tình huống của trò chơi:

+ Nhớ được tên và phát âm các chữ cái, các thanh điệu.

• Đây là chữ cái gì?/ thanh điệu gì? Con hãy phát âm chữ cái/ thanh điệu này? (đưa cho trẻ thẻ chữ hoặc sách vở có chứa chữ “u”, “ư” và các thanh điệu)

+ Nói được cấu tạo của các chữ cái

• Theo con, Chữ “u” có cấu tạo như thế nào?/ chữ “ư” có cấu tạo như thế nào? (chữ “u” gồm 2 nét: một nét móc ngược bên trái và một nét sổ thẳng bên phải; chữ “ư” gồm 3 nét: một nét móc ngược bên trái, một nét sổ thẳng bên phải, và một dấu móc phía trên)

+ Chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa các chữ cái trong nhóm.

• Con hãy cho cô biết, chữ “u” và chữ “ư” giống và khác nhau ở điểm nào? (giống nhau là đều có một nét móc ngược bên trái và một nét sổ thẳng bên phải, khác nhau là chữ “u” không có dấu, chữ “ư” có dấu móc phía trên)

+ Biết nói một số từ trong chủ đề nghề nghiệp có chứa chữ cái cần tìm hiểu.

• Con hãy nói chữ cái “u” với một số từ chỉ nghề nghiệp có chứa chữ cái “u”? (chú thợ nề, chú công nhân, chú bộ đội,...)

• Con hãy nói chữ cái “u” với một số từ chỉ nghề nghiệp có chứa chữ cái “u”? (bác đưa thư, chú kỹ sư, cô cấp dưỡng, ngư dân kéo lưới,...)

+ Tìm đúng thanh điệu trong cụm từ, đoạn văn bản.

• Trong đoạn truyện/ văn bản, con hãy chỉ cho cô biết: thanh huyền/ thanh sắc/ thanh hỏi/ thanh ngã/ thanh nặng?

Hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin

+ Yêu cầu người lớn đọc truyện, văn bản, tài liệu thể hiện bằng chữ viết để biết nội dung, hoặc hỏi về nội dung được thể hiện bằng chữ viết.

• Có một bức thư (một chú bộ đội gửi về cho gia đình bé/ của một bệnh nhân gửi đến cho bác sĩ/ của một khách hàng gửi đến cho siêu thị), nhưng không biết là ai gửi bức thư đến đây và trong đó có gì? Bây giờ con hãy mở thư ra xem trong đó có gì? (trẻ có thể không biết nội dung, nhưng có thể đưa cô giáo và nhờ cô đọc nội dung)

+ Biết tạo ra các kí hiệu viết hoặc chữ viết về một nội dung muốn thể hiện

• Bây giờ con hãy lấy giấy ra và viết thư trả lời rồi gửi lại cho nhân vật đó nhé. (Trẻ sẽ cố gắng tạo ra các kí hiệu viết như các nét thẳng, uốn lượn, các chữ cái,...) (Trò chơi gia đình)

• Con hãy ghi tên các đồ dùng, các loại thực phẩm mà các chú công nhân đã mua hôm nay vào sổ hoặc hóa đơn nào? (Trò chơi bán hàng, nấu ăn)

• Con hãy ghi tên các công nhân đến khám bệnh hôm nay, tình trạng bệnh và đơn thuốc đã cấp nào? (Trò chơi bác sĩ)

+ Biết thể hiện ý tưởng, suy nghĩ của bản thân qua các kí hiệu vừa tạo ra.

• Con đã viết gì trong thư để trả lời nhân vật? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào? (Trò chơi gia đình)

• Con đã viết tên những đồ dùng, các loại thực phẩm nào mà các cô chú công nhân đã mua hôm nay nào? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào? (Trò chơi bán hàng, nấu ăn)

• Con đã ghi lại tên những cô chú công nhân nào đến khám, tình trạng bệnh của họ và đơn thuốc con đã kê như thế nào? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào? (Trò chơi bác sĩ)

+ Biết dùng chữ viết trong hoạt động nào đó.

• Theo con, với sổ khám bệnh và cây bút con sẽ làm gì? (ghi tên bệnh nhân, tình hình bệnh, tên thuốc,...)? Con hãy viết nào? trong trò chơi “đóng vai bác sĩ”

• Theo con, với sổ nhật kí bán hàng và cây bút, con sẽ làm gì? Con hãy viết nào? (ghi tên hàng hóa bán, số lượng, tiền,...)

• Với quyển vở và cây bút trên bàn học con sẽ làm gì? Con hãy viết nào?(tập viết chữ,...)

(Hỏi trẻ hoặc quan sát trẻ chơi cùng chữ viết trong hoạt động)

Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ

+ Tô các chữ cái, tô theo các nét chữ in mờ.

+ Tô, viết chữ theo đúng trật tự: nét nào trước, nét nào sau.

+ Tô, viết chữ theo đúng hướng: từ trên xuống dưới, trái sang phải.

+ Sao chép một số các chữ cái theo mẫu.

(Phát vở cho trẻ tập tô được thực hiện trong trò chơi “đóng vai gia đình” hoặc thiết kế dưới dạng khu vực chơi dành cho trẻ em ở siêu thị bán hàng trong trò chơi “đóng vai bán hàng”

Thực hiện đúng hành vi của người viết

+ Biết ngồi đúng tư thế.

+ Cầm bút đúng cách, đặt vở đúng chiều.

+ Biết cách giở vở, sách từ trang này sang trang khác.

+ Biết giữ gìn sách vở (không vò, xé, ném vở).

(Quan sát trong các hoạt động chơi của trẻ)

BÀI KHẢO SÁT THỰC TRẠNG
MỨC ĐỘ TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT CỦA TRẺ 5 - 6 TUỔI TRONG
TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ

2. ĐÓNG VAI GIA ĐÌNH, BÁC SĨ, BÁN HÀNG
Chủ đề: ĐỘNG VẬT

Mục đích:

Củng cố một số nội dung sau:

- Hứng thú trải nghiệm chữ viết
- Nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng) so sánh sự giống và khác nhau giữa những chữ cái cùng nhóm.
- Hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin, cố gắng tạo ra một số kí hiệu viết, chữ viết.
- Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ
- Thực hiện đúng hành vi của người viết

Cách khảo sát

- Quan sát trẻ chơi, giáo viên có thể tham gia vào các vai chơi cùng trẻ. Ví dụ: “đóng vai gia đình” có thể tham gia vào vai bố, mẹ, ông, bà, anh chị hoặc con cùng chăm sóc động vật nuôi; “đóng vai bác sĩ” tham gia vào bác sĩ thú y; người đưa thú cưng đi khám bệnh “đóng vai bán hàng, nấu ăn” có thể tham gia vào vai nhân viên bán hàng, người mua hàng, hoặc đầu bếp,... để lấy thông tin và điền thông tin vào phiếu đánh giá

- Đàm thoại với trẻ, điền thông tin vào phiếu đánh giá

Nhận biết, phân biệt các chữ cái trong chủ đề và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng) trong các tình huống của trò chơi:

+ Nhớ được tên và phát âm các chữ cái, các thanh điệu.

• Đây là chữ cái gì?/ thanh điệu gì? Con hãy phát âm chữ cái/ thanh điệu này? (đưa cho trẻ thẻ chữ hoặc sách vở có chứa chữ “i”, “t”, “c” và các thanh điệu)

+ Nói được cấu tạo của các chữ cái

• Theo con chữ “i” có cấu tạo như thế nào?/ chữ “t” có cấu tạo như thế nào?/ chữ “c” có cấu tạo như thế nào? (chữ “i” gồm có 2 nét: một nét sổ thẳng và một dấu chấm phía trên; chữ “t” gồm có 2 nét: một nét sổ thẳng và một nét ngang ngắn, chữ “c” gồm một nét cong hở phải)

+ Chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa các chữ cái trong nhóm.

• Con hãy cho cô biết chữ “i” và chữ “t” giống và khác nhau ở điểm nào? (giống nhau là đều có một nét sổ thẳng, khác nhau là chữ “i” có một dấu chấm phía trên, chữ “t” có một nét ngang ngắn)

- + Biết nối một số từ trong chủ đề động vật có chứa chữ cái học.
- Con hãy nối chữ cái “i” với một số từ chỉ các con vật có chứa chữ cái “i”? (chim sâu, con vịt, ...)
- Con hãy nối chữ cái “t” với một số từ chỉ các con vật có chứa chữ cái “t”? (con bạch tuộc, con tôm,...)
- Con hãy nối chữ cái “c” với một số từ chỉ các con vật có chứa chữ cái “c”? (con chuồn chuồn, con cá vàng,...)
- + Tìm đúng thanh điệu trong cụm từ, đoạn văn bản.
- Trong đoạn truyện/ văn bản, con hãy chỉ cho cô biết: thanh huyền/ thanh sắc/ thanh hỏi/ thanh ngã/ thanh nặng?
- Hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin
- + Yêu cầu người lớn đọc truyện, văn bản, tài liệu thể hiện bằng chữ viết để biết nội dung, hoặc hỏi về nội dung được thể hiện bằng chữ viết.
- Có bức thư (một người bạn thân gửi về cho gia đình bé/ của một người chăm sóc động vật gửi đến cho bác sĩ thú y/ của một khách hàng gửi đến cho siêu thị), nhưng không biết là ai gửi bức thư đến đây và trong đó có gì? Bây giờ con hãy mở thư ra xem trong đó có gì? (trẻ có thể không biết nội dung, nhưng có thể đưa cô giáo và nhờ cô đọc nội dung)
- + Biết tạo ra các kí hiệu viết hoặc chữ viết về một nội dung muốn thể hiện
- Bây giờ con hãy lấy giấy ra và viết thư trả lời rồi gửi lại cho nhân vật đó nhé. (Trẻ sẽ cố gắng tạo ra các kí hiệu viết như các nét thẳng, uốn lượn, các chữ cái,...)
- Con hãy ghi tên các đồ dùng, các loại thực phẩm mà các cô chú chăm sóc động vật đã mua hôm nay vào sổ hoặc hóa đơn nào? (Trò chơi bán hàng, nấu ăn)
- Con hãy ghi tên các con thú cưng đến khám bệnh hôm nay, tình trạng bệnh và đơn thuốc đã cấp nào? (Trò chơi bác sĩ thú y)
- + Biết thể hiện ý tưởng, suy nghĩ của bản thân qua các kí hiệu vừa tạo ra.
- Con đã viết gì trong thư để trả lời nhân vật? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào?
- Con đã viết tên những đồ dùng, các loại thực phẩm nào mà các cô chú chăm sóc động vật đã mua hôm nay nào? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào? (Trò chơi bán hàng, nấu ăn)
- Con đã ghi lại tên những con thú cưng nào đã đến khám, tình trạng bệnh của chúng và đơn thuốc con đã kê như thế nào? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào? (Trò chơi bác sĩ thú y)
- + Biết dùng chữ viết trong hoạt động nào đó.
- Theo con, với sổ khám bệnh và cây bút con sẽ làm gì? (ghi tên thú cưng, tình hình bệnh, tên thuốc,...)? Con hãy viết nào? trong trò chơi “đóng vai bác sĩ thú y”

• Theo con, với sổ nhật kí bán hàng và cây bút, con sẽ làm gì? Con hãy viết nào? (ghi tên hàng hóa bán, số lượng, tiền,...)

• Với quyển vở và cây bút trên bàn học con sẽ làm gì? Con hãy viết nào?(tập viết chữ,...)

Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ

+ Tô các chữ cái theo các nét chữ in mờ.

+ Tô, viết chữ theo đúng trật tự: nét nào trước, nét nào sau.

+ Tô, viết chữ theo đúng hướng: từ trên xuống dưới, trái sang phải.

+ Sao chép 1 số các chữ cái theo mẫu.

(Phát vở cho cho trẻ tập tô được thực hiện trong trò chơi “đóng vai gia đình” hoặc thiết kế dưới dạng khu vực chơi dành cho trẻ em ở siêu thị bán hàng trong trò chơi “đóng vai bán hàng”

Thực hiện đúng hành vi của người viết

+ Biết ngồi đúng tư thế.

+ Cầm bút đúng cách, đặt vở đúng chiều.

+ Biết cách giở vở, sách từ trang này sang trang khác.

+ Biết giữ gìn sách vở (không vò, xé, ném vở).

(Quan sát trong các hoạt động chơi của trẻ)

PHỤ LỤC 3
BÀI KHẢO SÁT SAU THỰC NGHIỆM
MỨC ĐỘ TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT CỦA TRẺ 5 - 6 TUỔI TRONG
TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ

1. ĐÓNG VAI GIA ĐÌNH, BÁC SĨ, BÁN HÀNG

Chủ đề: THỰC VẬT

Mục đích:

Củng cố một số nội dung sau:

- Hứng thú trải nghiệm chữ viết
- Nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng) so sánh sự giống và khác nhau giữa những chữ cái cùng nhóm.
- Hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin, cố gắng tạo ra một số kí hiệu viết, chữ viết.
- Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ
- Thực hiện đúng hành vi của người viết

Cách khảo sát:

- Quan sát trẻ chơi, giáo viên có thể tham gia vào các vai chơi cùng trẻ. Ví dụ: “đóng vai gia đình” có thể tham gia vào vai bố, mẹ, ông, bà, anh chị hoặc con cùng tìm hiểu về các loại cây, rau, hoa,...; “đóng vai bác sĩ” tham gia vào vai bác sĩ khám bệnh cho người nông dân tham gia trồng cây “đóng vai bán hàng, nấu ăn” có thể tham gia vào vai nhân viên bán hàng, người mua hàng, hoặc đầu bếp,... để lấy thông tin và điền thông tin vào phiếu đánh giá

- Đàm thoại với trẻ, điền thông tin vào phiếu đánh giá

+ Nhận biết, phân biệt các chữ cái trong chủ đề và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng) trong các tình huống của trò chơi:

+ Nhớ được tên và phát âm các chữ cái, các thanh điệu.

• Đây là chữ cái gì? thanh điệu gì? Con hãy phát âm chữ cái/ thanh điệu này? (đưa cho trẻ thẻ chữ hoặc sách vở có chứa chữ “n”, “m”, và các thanh điệu)

+ Nói được cấu tạo của các chữ cái

• Theo con chữ “n” có cấu tạo như thế nào?/ chữ “m” có cấu tạo như thế nào? (chữ “n” gồm có 2 nét: một nét sổ thẳng và một nét móc xuôi bên phải; chữ “m” gồm có 3 nét: một nét sổ thẳng và hai nét móc xuôi bên phải,)

+ Chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa các chữ cái trong nhóm.

• Con hãy cho cô biết chữ “n” và chữ “m” giống và khác nhau ở điểm nào? (giống nhau là đều có một nét sổ thẳng, khác nhau là chữ “n” có một nét móc xuôi bên phải, chữ “m” có 2 nét móc xuôi bên phải)

- + Biết nói một số từ trong chủ thực vật có chứa chữ cái học.
- Con hãy nói chữ cái “n” với một số từ chỉ các loại quả, hoa, rau có chứa chữ cái “n”? (quả na, hoa trinh nữ, ...)
- Con hãy nói chữ cái “m” với một số từ chỉ các loại quả có chứa chữ cái “m”? (quả me, quả măng cầu, quả mít, quả mơ, ...)
- + Tìm đúng thanh điệu trong cụm từ, đoạn văn bản.
- Trong đoạn truyện/ văn bản, con hãy chỉ cho cô biết: thanh huyền/ thanh sắc/ thanh hỏi/ thanh ngã/ thanh nặng?
- Hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin
- + Yêu cầu người lớn đọc truyện, văn bản, tài liệu thể hiện bằng chữ viết để biết nội dung, hoặc hỏi về nội dung được thể hiện bằng chữ viết.
- Có bức thư (một người bạn thân gửi về cho gia đình bé/ của một người nông dân gửi đến cho bác sĩ / của một khách hàng gửi đến cho siêu thị), nhưng không biết là ai gửi bức thư đến đây và trong đó có gì? Bây giờ con hãy mở thư ra xem trong đó có gì? (trẻ có thể không biết nội dung, nhưng có thể đưa cô giáo và nhờ cô đọc nội dung)
- + Biết tạo ra các kí hiệu viết hoặc chữ viết về một nội dung muốn thể hiện
- Bây giờ con hãy lấy giấy ra và viết thư trả lời rồi gửi lại cho nhân vật đó nhé. (Trẻ sẽ cố gắng tạo ra các kí hiệu viết như các nét thẳng, uốn lượn, các chữ cái, ...)
- Con hãy ghi tên các loại rau, củ, quả mà các nhân viên bán hàng đã nhập về ngày hôm nay vào sổ hoặc hóa đơn nào? (Trò chơi bán hàng, nấu ăn)
- Con hãy ghi tên những bệnh nhân đến khám bệnh hôm nay do bị ngộ độc khi ăn phải rau, củ, quả không đảm bảo vệ sinh, tình trạng bệnh và đơn thuốc đã cấp nào? (Trò chơi bác sĩ)
- + Biết thể hiện ý tưởng, suy nghĩ của bản thân qua các kí hiệu vừa tạo ra.
- Con đã viết gì trong thư để trả lời nhân vật? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào?
- Con đã viết tên những loại rau, hoa, củ, quả nào mà khách hàng đã mua hôm nay nào? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào? (Trò chơi bán hàng, nấu ăn)
- Con đã ghi lại tên những bệnh nhân nào đã đến khám, tình trạng bệnh và đơn thuốc con đã kê như thế nào? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào? (Trò chơi bác sĩ)
- + Biết dùng chữ viết trong hoạt động nào đó.
- Theo con, với sổ khám bệnh và cây bút con sẽ làm gì? (ghi tên bệnh nhân, tình hình bệnh, tên thuốc, ...)? Con hãy viết nào? trong trò chơi “đóng vai bác sĩ”

• Theo con, với sổ nhật kí bán hàng và cây bút, con sẽ làm gì? Con hãy viết nào? (ghi tên hàng hóa bán, số lượng, tiền,...)

• Với quyển vở và cây bút trên bàn học con sẽ làm gì? Con hãy viết nào?(tập viết chữ,...)

Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ

+ Tô các chữ cái theo các nét chữ in mờ.

+ Tô, viết chữ theo đúng trật tự: nét nào trước, nét nào sau.

+ Tô, viết chữ theo đúng hướng: từ trên xuống dưới, trái sang phải.

+ Sao chép 1 số các chữ cái theo mẫu.

(Phát vở cho trẻ tập tô được thực hiện trong trò chơi “đóng vai gia đình” hoặc thiết kế dưới dạng khu vực chơi dành cho trẻ em ở siêu thị bán hàng trong trò chơi “đóng vai bán hàng”

Thực hiện đúng hành vi của người viết

+ Biết ngồi đúng tư thế.

+ Cầm bút đúng cách, đặt vở đúng chiều.

+ Biết cách gỡ vở, sách từ trang này sang trang khác.

+ Biết giữ gìn sách vở (không vò, xé, ném vở).

(Quan sát trong các hoạt động chơi của trẻ)

BÀI KHẢO SÁT SAU THỰC NGHIỆM
MỨC ĐỘ TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT CỦA TRẺ 5 - 6 TUỔI TRONG
TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ

1. ĐÓNG VAI GIA ĐÌNH, BÁC SĨ, BÁN HÀNG

Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên

Mục đích:

Củng cố một số nội dung sau:

- Hứng thú trải nghiệm chữ viết
- Nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng) so sánh sự giống và khác nhau giữa những chữ cái cùng nhóm.
- Hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin, cố gắng tạo ra một số kí hiệu viết, chữ viết.
- Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ
- Thực hiện đúng hành vi của người viết

Cách khảo sát:

- Quan sát trẻ chơi, giáo viên có thể tham gia vào các vai chơi cùng trẻ. Ví dụ: “đóng vai gia đình” có thể tham gia vào vai bố, mẹ, ông, bà, anh chị hoặc con cùng tìm hiểu về nước và các hiện tượng tự nhiên; “đóng vai bác sĩ” tham gia vào vai bác sĩ khám bệnh cho người bị cảm do gặp trời mưa “đóng vai bán hàng, nấu ăn” có thể tham gia vào vai nhân viên bán hàng, người mua hàng, hoặc đầu bếp,... để lấy thông tin và điền thông tin vào phiếu đánh giá

- Đàm thoại với trẻ, điền thông tin vào phiếu đánh giá

+ Nhận biết, phân biệt các chữ cái trong chủ đề và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng) trong các tình huống của trò chơi:

+ Nhớ được tên và phát âm các chữ cái, các thanh điệu.

• Đây là chữ cái gì?/ thanh điệu gì? Con hãy phát âm chữ cái/ thanh điệu này? (đưa cho trẻ thẻ chữ hoặc sách vở có chứa chữ “p”, “q”, và các thanh điệu)

+ Nói được cấu tạo của các chữ cái

• Theo con chữ “p” có cấu tạo như thế nào?/ chữ “q” có cấu tạo như thế nào? (chữ “p” gồm có 2 nét: một nét sổ thẳng và một nét cong tròn khép kín, phía trên, bên phải; chữ “q” gồm có 2 nét: một nét cong tròn khép kín, phía trên và một nét sổ thẳng bên phải)

+ Chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa các chữ cái trong nhóm.

• Con hãy cho cô biết chữ “p” và chữ “q” giống và khác nhau ở điểm nào? (giống nhau là đều có một nét sổ thẳng và một nét cong tròn khép kín; khác nhau là chữ “p” một nét sổ thẳng và một nét cong tròn khép kín, phía trên, bên

phải, chữ “q” một nét cong tròn khép kín, phía trên và một nét sổ thẳng bên phải
+ Biết nối một số từ trong nước và các hiện tượng tự nhiên có chứa chữ cái học.

- Con hãy nối chữ cái “p” với một số từ chỉ các hiện tượng tự nhiên có chứa chữ cái “p”? (mưa phùn, mưa lộp độp, gió phấp phới, nắng lấp ló ...)

- Con hãy nối chữ cái “q” với một số từ chỉ các hiện tượng tự nhiên có chứa chữ cái “q”? (sông quê, ...)

+ Tìm đúng thanh điệu trong cụm từ, đoạn văn bản.

- Trong đoạn truyện/ văn bản, con hãy chỉ cho cô biết: thanh huyền/ thanh sắc/thanh hỏi/ thanh ngã/ thanh nặng?

Hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin

+ Yêu cầu người lớn đọc truyện, văn bản, tài liệu thể hiện bằng chữ viết để biết nội dung, hoặc hỏi về nội dung được thể hiện bằng chữ viết.

- Có bức thư (một người bạn thân gửi về cho gia đình bé/ của một người nông dân gửi đến cho bác sĩ / của một khách hàng gửi đến cho siêu thị), nhưng không biết là ai gửi bức thư đến đây và trong đó có gì? Bây giờ con hãy mở thư ra xem trong đó có gì? (trẻ có thể không biết nội dung, nhưng có thể đưa cô giáo và nhờ cô đọc nội dung)

+ Biết tạo ra các kí hiệu viết hoặc chữ viết về một nội dung muốn thể hiện

- Bây giờ con hãy lấy giấy ra và viết thư trả lời rồi gửi lại cho nhân vật đó nhé. (Trẻ sẽ cố gắng tạo ra các kí hiệu viết như các nét thẳng, uốn lượn, các chữ cái,...)

- Con hãy ghi tên các loại nước uống và số lượng mà các nhân viên bán hàng đã nhập về ngày hôm nay vào sổ hoặc hóa đơn nào? (Trò chơi bán hàng, nấu ăn)

- Con hãy ghi tên những bệnh nhân đến khám bệnh hôm nay do uống nguồn nước không đảm bảo vệ sinh, hay bị cảm do thời tiết thay đổi, tình trạng bệnh và đơn thuốc đã cấp nào? (Trò chơi bác sĩ)

+ Biết thể hiện ý tưởng, suy nghĩ của bản thân qua các kí hiệu vừa tạo ra.

- Con đã viết gì trong thư để trả lời nhân vật? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào?

- Con hãy viết tên những loại nước mà khách hàng đã mua hôm nay nào? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào? (Trò chơi bán hàng, nấu ăn)

- Con đã ghi lại tên những bệnh nhân nào đã đến khám, tình trạng bệnh và đơn thuốc con đã kê như thế nào? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào? (Trò chơi bác sĩ)

+ Biết dùng chữ viết trong hoạt động nào đó.

- Theo con, với sổ khám bệnh và cây bút con sẽ làm gì? (ghi tên bệnh nhân, tình hình bệnh, tên thuốc,...)? Con hãy viết nào? trong trò chơi “đóng vai bác sĩ”

- Theo con, với sổ nhật kí bán hàng và cây bút, con sẽ làm gì? Con hãy viết nào? (ghi tên hàng hóa bán, số lượng, tiền,...)

• Với quyển vở và cây bút trên bàn học con sẽ làm gì? Con hãy viết nào?(tập viết chữ,...)

Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ

+ Tô các chữ cái theo các nét chữ in mờ.

+ Tô, viết chữ theo đúng trật tự: nét nào trước, nét nào sau.

+ Tô, viết chữ theo đúng hướng: từ trên xuống dưới, trái sang phải.

+ Sao chép 1 số các chữ cái theo mẫu.

(Phát vở cho trẻ tập tô được thực hiện trong trò chơi “đóng vai gia đình” hoặc thiết kế dưới dạng khu vực chơi dành cho trẻ em ở siêu thị bán hàng trong trò chơi “đóng vai bán hàng”

Thực hiện đúng hành vi của người viết

+ Biết ngồi đúng tư thế.

+ Cầm bút đúng cách, đặt vở đúng chiều.

+ Biết cách giở vở, sách từ trang này sang trang khác.

+ Biết giữ gìn sách vở (không vò, xé, ném vở).

(Quan sát trong các hoạt động chơi của trẻ)

PHỤ LỤC 4

KẾ HOẠCH THỰC NGHIỆM

TỔ CHỨC CHO TRẺ TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT TRONG TRÒ CHƠI ĐVCCĐ TẠI CÁC GÓC CHƠI.

1. ĐÓNG VAI GIA ĐÌNH, BÁC SĨ, BÁN HÀNG

Chủ đề: THỰC VẬT, NƯỚC VÀ CÁC HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN.

Mục đích:

Củng cố một số nội dung sau:

- Hứng thú trải nghiệm chữ viết
- Nhận biết, phân biệt các chữ cái m,n; p,q và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng) so sánh sự giống và khác nhau giữa những chữ cái cùng nhóm.
- Hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin, cố gắng tạo ra một số kí hiệu viết, chữ viết.
- Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ
- Thực hiện đúng hành vi của người viết

*** Trò chơi Gia đình: Chơi bố mẹ dạy con học**

Vai chơi: Bố, mẹ, con.

Chuẩn bị: Trước khi cho trẻ chơi, giáo viên gợi mở để trẻ chia sẻ và kể lại những kinh nghiệm qua những lần trẻ được bố, mẹ dạy học, hay nhìn thấy bố, mẹ dạy anh chị học. Tiếp theo cho trẻ trao đổi về những việc cần chuẩn bị cho trò chơi này. Giáo viên nên đặt những câu hỏi nhằm giúp trẻ tư duy và nhớ lại những gì trẻ đã được quan sát, trẻ biết khu vực, thời gian, đồ dùng để chơi dạy học... Đặc biệt nhấn mạnh vào những dụng cụ, nội dung phục vụ cho việc đọc viết như bàn, ghế, bút viết, sách vở, bảng, phấn, bóng đèn học,... VD: Bố, mẹ dạy học cần có những gì? (sách, vở, bảng, phấn, thẻ chữ cái,...); con khi được bố mẹ dạy cần những gì? (sách, vở, bảng, phấn, thẻ chữ cái,...); để theo dõi và hướng dẫn con học bố, mẹ cần hỏi con nội dung con đang học ở trường, cô giáo dạy đến chủ đề nào? (chủ đề thực vật), con đang học nhóm chữ nào? (chữ m,n), con giờ sách vở ra bố, mẹ xem nào.... Giáo viên gợi mở để cùng trẻ chuẩn bị góc chơi như: Để mọi người biết đây là góc chơi gia đình thì cần phải làm gì? (cần có bảng, biển ghi tên góc chơi, trong góc chơi ghi tên sách vở, đồ dùng, dụng cụ học tập...); Để có bảng, biển tên góc và sách vở, đồ dùng, dụng cụ thì làm thế nào? (viết chữ vào băng giấy, vào tờ giấy và dán vào bìa cứng, sau đó treo lên); Để bố, mẹ có thể dạy con học thì cần có gì? (bàn ghế, sách vở, bảng, phấn, bút,...) giáo viên cho trẻ trao đổi để đặt tên góc chơi, cùng chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho trò chơi, khi thảo luận cùng trẻ giáo viên ghi lại những ý kiến của trẻ, cô vừa nói vừa viết cho trẻ quan sát, sau đó giáo viên chỉ vào từng chữ và đọc cho trẻ về nội dung trẻ vừa thảo luận.

Dụng cụ chơi: Bàn ghế, bút, bảng, phấn, sách vở giáo viên tự làm bằng chất liệu vải dạ, bìa cứng, các tranh trang trí có liên quan,...

Bày trí không gian góc chơi: giáo viên và trẻ cùng bày trí không gian góc chơi: “Góc gia đình”. Khu vực chơi được bố trí vào một góc lớp sạch sẽ, yên tĩnh, phía trên tường dán biển “Gia đình thân yêu của bé”, trong góc có bàn, ghế, giường, tủ, khu bàn học của bé và các đồ dùng học, treo các bức ảnh của các gia đình các bé,...

Yêu cầu về nhiệm vụ nhận thức:

- Phản ánh được cách cư xử của bố, mẹ với con cái trong quá trình chăm sóc, dạy con học

- Trẻ nhận biết, phân biệt được chữ cái m,n và các dấu trong chủ đề; quan tâm đến chữ viết, thực hiện hành động và quy ước trong hoạt động với chữ viết: viết bài, làm bài tập, học viết chữ cái,...

- Nhận ra vai trò của chữ viết trong quá trình chơi

Tiến hành chơi:

- Thỏa thuận trước khi chơi: giáo viên cho thảo luận về chủ đề thực vật và xác định chủ đề chơi đã chuẩn bị. Sau đó cho trẻ tự phân vai chơi

- Trong quá trình chơi, giáo viên quan sát và hỗ trợ trẻ chơi khi cần thiết, có thể tham gia chơi cùng trẻ. Giáo viên có thể nhập vai “bố”, “mẹ”, “con” nhằm tạo cơ hội mở rộng tình huống chơi cho trẻ để khuyến khích trẻ bộc lộ hành vi và lời nói theo vai cùng với việc sử dụng các dụng cụ liên quan đến chữ viết. Cô hướng trẻ vào các hoạt động trải nghiệm với chữ viết như: nhận biết và phát âm chữ viết, sử dụng dụng cụ viết, tài liệu đọc viết, nắm được các quy tắc trong đọc, viết: viết chữ cái, tô, nối các từ có chứa chữ cái học... Ví dụ: “Con hãy viết lại chữ cái m,n cho bố mẹ xem nào? con hãy phát âm các chữ cái này”; hoặc đưa ra tình huống: “Con hãy làm bài tập này cho bố mẹ xem nào?”, “Bố mẹ không hiểu phần này con hãy đọc và ghi ra vở cho bố mẹ xem...”. Cô đóng một trong các vai để tạo ra các tình huống.

- Kết thúc trò chơi: Cho trẻ tự nhận xét trò chơi, và việc thực hiện vai chơi của các bạn. Cô nhận xét và khen trẻ, hướng trẻ vào hoạt động tiếp theo.

*** Trò chơi bác sĩ: Chơi Bác sĩ khám bệnh**

Vai chơi: Bác sĩ, y tá, bệnh nhân

Chuẩn bị: Trước khi cho trẻ chơi, giáo viên gợi mở để trẻ chia sẻ và kể lại những kinh nghiệm qua những lần trẻ đi khám bệnh, hay nhìn thấy mọi người đi khám bệnh. Tiếp theo cho trẻ trao đổi về những việc cần chuẩn bị cho trò chơi này. Giáo viên nên đặt những câu hỏi nhằm giúp trẻ tư duy và nhớ lại những gì trẻ đã được quan sát, trẻ biết đồ dùng, dụng cụ để chơi khám bệnh... Đặc biệt nhấn mạnh vào những dụng cụ, nội dung phục vụ cho việc đọc viết như bàn, ghế, bút viết, sổ khám bệnh, đơn thuốc, hóa đơn mua thuốc, thẻ tên...VD: bác sĩ khám bệnh cần có những gì? (ống nghe, máy đo huyết áp,...), để khám họng, mắt, tai

thì cần thêm những dụng cụ gì?; khi bệnh nhân đi khám bệnh cần mang theo những gì? (sổ khám bệnh, tiền...); Đặc biệt nhấn mạnh vào những đồ dùng phục vụ cho việc trải nghiệm chữ viết như: bút viết, sổ khám bệnh, đơn thuốc, sổ ghi tên bệnh nhân,... Ví dụ: Để theo dõi tình trạng bệnh và lưu lại bệnh của bệnh nhân cần làm gì? (bác sĩ viết vào sổ khám bệnh), để cho bệnh nhân biết tên thuốc và mua thuốc điều trị bệnh cần làm gì? (kê tên thuốc và ghi vào hóa đơn thuốc),... Giáo viên gợi mở để cùng trẻ chuẩn bị góc chơi như: Để mọi người biết đây là góc chơi bác sĩ thì cần phải làm gì? (cần có bảng, biển ghi tên góc chơi, trong góc chơi ghi tên đồ dùng, dụng cụ khám chữa bệnh,...); Để có bảng, biển tên góc thì làm thế nào? (viết chữ vào băng giấy, vào tờ giấy và dán vào bìa cứng, sau đó treo lên); Để bệnh nhân có thể mua thuốc thì cần có gì?(quầy thuốc,tủ thuốc, các loại thuốc, bông, băng,...) giáo viên cho trẻ trao đổi để đặt tên góc chơi, cùng chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho trò chơi, khi thảo luận cùng trẻ giáo viên ghi lại những ý kiến của trẻ, cô vừa nói vừa viết cho trẻ quan sát, sau đó giáo viên chỉ vào từng chữ và đọc cho trẻ về nội dung trẻ vừa thảo luận.

Dụng cụ chơi: bộ đồ chơi bác sĩ (ống nghe, bông băng,bơm tiêm, cặp nhiệt độ), áo blu, mũ, sổ khám bệnh, đơn thuốc, bút viết, các lọ thuốc, búp bê, các tranh trang trí có liên quan,...

Bày trí không gian góc chơi: giáo viên và trẻ cùng bày trí không gian góc chơi: “Góc bác sĩ”. Khu vực chơi được dùng tủ quây các mặt, phía trên tường dán biển “Phòng khám bệnh”, trong góc có bàn, ghế, phía ngoài để ghế cho bệnh nhân ngồi, treo các bức ảnh có liên quan,...

Yêu cầu về nhiệm vụ nhận thức:

- Phản ánh được cách cư xử của bác sĩ, nhân viên y tế với người bệnh trong quá trình thăm khám bệnh

- Trẻ nhận biết, phân biệt được chữ cái m,n và các dấu trong chủ đề; quan tâm đến chữ viết, thực hiện hành động và quy ước trong hoạt động với chữ viết: viết sổ khám bệnh, viết đơn thuốc, hóa đơn thuốc,...

- Nhận ra vai trò của chữ viết trong quá trình chơi

Tiến hành chơi:

- Thỏa thuận trước khi chơi: giáo viên cho thảo luận về chủ đề thực vật và xác định chủ đề chơi đã chuẩn bị. Sau đó cho trẻ tự phân vai chơi

- Trong quá trình chơi, giáo viên quan sát và hỗ trợ trẻ chơi khi cần thiết, có thể tham gia chơi cùng trẻ. Giáo viên có thể nhập vai “bác sĩ”, “y tá”, “người bán thuốc”, “bệnh nhân” nhằm tạo cơ hội mở rộng tình huống chơi cho trẻ để khuyến khích trẻ bộc lộ hành vi và lời nói theo vai cùng với việc sử dụng các dụng cụ liên quan đến chữ viết. Cô hướng trẻ vào các hoạt động trải nghiệm với chữ viết như: sử dụng dụng cụ viết, tài liệu đọc viết. Ví dụ: “Bác sĩ đọc giúp tôi bệnh án và tên các loại thuốc trong sổ khám bệnh và hóa đơn này được không?”. Cô đóng một trong các vai để tạo ra các tình huống.

- Kết thúc trò chơi: Cho trẻ tự nhận xét trò chơi, và việc thực hiện vai chơi của các bạn. Cô nhận xét và khen trẻ, hướng trẻ vào hoạt động tiếp theo.

*** Trò chơi bán hàng: Cửa hàng bán rau, quả. Nấu ăn.**

Vai chơi: Nhân viên siêu thị, người mua hàng, thực khách

Chuẩn bị: Trước khi cho trẻ chơi, giáo viên gợi mở để trẻ chia sẻ và kể lại những kinh nghiệm qua những lần trẻ đi mua hàng hóa trong siêu thị, hay vào các nhà hàng, gian hàng ăn uống, hay nhìn thấy nhân viên bán hàng trong các siêu thị. Tiếp theo cho trẻ trao đổi về những việc cần chuẩn bị cho trò chơi này. Giáo viên nên đặt những câu hỏi nhằm giúp trẻ tư duy và nhớ lại những gì trẻ đã được quan sát, trẻ biết từng gian hàng, sản phẩm của nhân viên siêu thị... Đặc biệt nhấn mạnh vào những dụng cụ phục vụ cho việc đọc viết như bút viết, sổ bán hàng, bảng thực đơn, hóa đơn,...VD: Người đi mua hàng cần mang theo những gì? (làn, tiền); thực khách khi đi mua hàng mang theo gì? (tiền); để theo dõi và biết mua những sản phẩm, ăn uống những loại đồ ăn nào? giá tiền bao nhiêu? thì nhân viên bán hàng, và thực khách, người mua hàng cần phải làm gì? (viết vào hóa đơn bán hàng)... Giáo viên gợi mở để cùng trẻ chuẩn bị góc chơi như: Để mọi người biết đây là gian bán hàng rau, củ, quả, đồ ăn uống thì cần phải làm gì? (cần có bảng, biển ghi tên gian hàng, trong gian hàng ghi tên từng sản phẩm, và có danh sách món ăn, giá tiền...); Để có bảng, biển tên gian hàng và danh sách các món ăn, sản phẩm bán thì làm thế nào? (viết chữ vào băng giấy, vào tờ giấy và dán vào bìa cứng, sau đó treo lên); Để khách hàng có thể mua sản phẩm rau, củ quả, và đồ ăn uống thì cần có gì? (quầy bán hàng, các loại rau, củ quả, các loại đồ ăn uống, hóa đơn, bảng thực đơn, thẻ nhân viên, tiền...); giáo viên cho trẻ trao đổi để đặt tên cho gian hàng, cùng chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho trò chơi, khi thảo luận cùng trẻ giáo viên ghi lại những ý kiến của trẻ, cô vừa nói vừa viết cho trẻ quan sát, sau đó giáo viên chỉ vào từng chữ và đọc cho trẻ về nội dung trẻ vừa thảo luận.

Dụng cụ chơi: Bộ đồ chơi nấu ăn, các loại rau, củ, quả, các thực phẩm, món ăn bằng nhựa, các loại rau, củ, quả giáo viên tự làm bằng chất liệu vải dạ, làn, tiền, hóa đơn, sổ bán hàng, bút viết, thẻ nhân viên bán hàng, các tranh trang trí có liên quan,...

Bày trí không gian góc chơi: giáo viên và trẻ cùng bày trí không gian góc chơi: “Góc bán hàng”. Khu vực chơi được quây bởi tủ đựng đồ chơi theo 3 mặt, phía trên tường dán biển “Gian hàng rau, củ quả” và “Gian hàng ăn uống”, bên trong có ghế cho nhân viên ngồi, bên ngoài có bàn, ghế để khách ngồi, trên bàn có bảng thực đơn, quầy có tủ bán hàng chia ngăn, trên mặt bàn quầy có sổ bán hàng, hóa đơn, bút, tiền, thẻ nhân viên,...

Yêu cầu về nhiệm vụ nhận thức:

- Phản ánh được công việc, cách cư xử của nhân viên bán hàng, người mua hàng, thực khách.

- Trẻ nhận biết, phân biệt được chữ cái m,n và các dấu trong chủ đề; quan tâm đến chữ viết, thực hiện hành động và quy ước trong hoạt động với chữ viết: viết số bán hàng, đọc viết hóa đơn, bảng thực đơn món ăn,...

- Nhận ra vai trò của chữ viết trong quá trình chơi

Tiến hành chơi:

- Thỏa thuận trước khi chơi: giáo viên cho thảo luận về chủ đề thực vật và xác định chủ đề chơi đã chuẩn bị. Sau đó cho trẻ tự phân vai chơi

- Trong quá trình chơi, giáo viên quan sát và hỗ trợ trẻ chơi khi cần thiết, có thể tham gia chơi cùng trẻ. Giáo viên có thể nhập vai “nhân viên bán hàng”, “người mua hàng”, “thực khách” nhằm tạo cơ hội mở rộng tình huống chơi cho trẻ để khuyến khích trẻ bộc lộ hành vi và lời nói theo vai cùng với việc sử dụng các dụng cụ chơi thay thế. Cô hướng trẻ vào các hoạt động trải nghiệm với chữ viết như: nhận biết và phát âm chữ viết, sử dụng dụng cụ viết, tài liệu đọc viết, nắm được các quy tắc trong đọc, viết: viết hóa đơn bán hàng, đọc, viết thực đơn, sản phẩm hàng hóa, kí tên, đeo thẻ,... Ví dụ: “Cô nhân viên ghi lại và đọc giúp tôi hóa đơn hàng này nhé, tôi không nhìn rõ”; hoặc đưa ra tình huống: “Tôi muốn gọi món ăn, nhưng bảng thực đơn này hơi mờ, cô có thể cho tôi xin bảng thực đơn khác được không?”...Cô đóng vai là một khách hàng đi mua rau và một số củ quả, hoặc trong vai thực khách để tạo ra các tình huống

- Kết thúc trò chơi: Cho trẻ tự nhận xét trò chơi, và việc thực hiện vai chơi của các bạn. Cô nhận xét và khen trẻ, hướng trẻ vào hoạt động tiếp theo.

PHỤ LỤC 5
PHIẾU KHẢO SÁT THỰC TRẠNG
MỨC ĐỘ TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT CỦA TRẺ 5 - 6 TUỔI TRONG
TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ

1. ĐÓNG VAI GIA ĐÌNH, BÁC SĨ, BÁN HÀNG
Chủ đề: Nghề nghiệp

Ngày..... tháng 12 năm 2018

Họ và tên..... Lớp:.....

Trường MN:.....

<i>T</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Điểm</i> <i>tối đa</i>	<i>Điểm</i> <i>đạt</i>	<i>Ghi</i> <i>chú</i>
1	<i>Hứng thú trải nghiệm chữ viết</i>	8,0		
	+ Tập trung chú ý	2,0		
	+ Thời gian chú ý đủ trải nghiệm với chữ viết. <5 phút (1đ); >5phút (2đ)	2,0		
	+ Trạng thái vui vẻ, hồ hởi (3đ), có sự nỗ lực cao độ trong quá trình chơi cùng chữ viết (1đ).	4,0		
2	<i>Nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 dấu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng)</i>	12,0		
	+ Nhớ được tên và phát âm các chữ cái (2đ), các thanh điệu (1đ). (<i>Đây là chữ cái gì?/thanh điệu gì? Con hãy phát âm chữ cái/ thanh điệu này?</i>)	3,0		
	+ Nói được cấu tạo của các chữ cái u (1,5đ), chữ cái ư (1,5đ) (<i>Theo con, Chữ “u” có cấu tạo như thế nào?/ chữ “ư” có cấu tạo như thế nào?</i>)	3,0		
	+ Chỉ ra điểm giống (1đ) và khác nhau (1đ) giữa các chữ cái trong nhóm. (<i>Con hãy cho cô biết, chữ “u” và chữ “ư” giống và khác nhau ở điểm nào? (giống nhau là đều có một nét móc ngược bên trái và một nét sổ thẳng bên phải, khác nhau là chữ “u” không có dấu móc phía trên, chữ “ư” có dấu móc phía trên)</i>)	2,0		
	+ Biết nói một số từ trong chủ đề (nghề nghiệp) có chứa chữ cái “u”, “ư” với chữ cái “u”, “ư” tách rời. Nói được 1 từ (1đ); 2-3 từ (2đ) (<i>Con hãy nói một số từ chỉ nghề nghiệp có chứa chữ cái “u”, “ư”? (chú thợ nề, chú công nhân, chú bộ đội,...)</i>)	2,0		
	+ Tìm đúng thanh điệu trong cụm từ, đoạn văn bản. (<i>Trong đoạn truyện/ văn bản, con hãy chỉ cho cô biết:</i>	2,0		

	<i>thanh huyền/ thanh sắc/ thanh hỏi/ thanh ngã/ thanh nặng?</i>). Tìm được đúng 2 - 3 thanh điệu (1đ), Tìm được đúng 4 - 5 thanh điệu (2đ)			
3	<i>Hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin</i>	6,0		
	+ Yêu cầu người lớn đọc truyện, văn bản, tài liệu thể hiện bằng chữ viết để biết nội dung. Hỏi về nội dung được thể hiện bằng chữ viết. Trẻ tự yêu cầu người lớn đọc truyện, văn bản, tài liệu thể hiện bằng chữ viết để biết nội dung. Hỏi về nội dung được thể hiện bằng chữ viết (2đ); Cần sự gợi ý của giáo viên (1,0) <i>(Có một bức thư (một chú bộ đội gửi về cho gia đình bé/ của một bệnh nhân gửi đến cho bác sĩ/ của một khách hàng gửi đến cho siêu thị), nhưng không biết là ai gửi bức thư đến đây và trong đó có gì? Bây giờ con hãy mở ra xem trong thư có gì? (trẻ có thể không biết nội dung, nhưng có thể đưa cô giáo và nhờ cô đọc nội dung))</i>	2,0		
	+ Biết tạo ra các kí hiệu viết hoặc chữ viết về một nội dung muốn thể hiện. Tạo được nhanh và nhiều những kí hiệu viết, chữ viết không cần sự động viên của giáo viên(1đ); Tạo kí hiệu viết và chữ viết chậm, số lượng kí hiệu, chữ viết tạo ra ít, cần sự giúp đỡ của giáo viên (0,5đ) <i>(Bây giờ con hãy lấy giấy ra và viết thư trả lời rồi gửi lại cho nhân vật đó nhé. (Trẻ sẽ cố gắng tạo ra các kí hiệu viết như các nét thẳng, uốn lượn, các chữ cái,...). (Trò chơi gia đình)</i> <i>Hoặc</i> <i>(Con hãy ghi tên các đồ dùng, các loại thực phẩm mà các chú công nhân đã mua hôm nay vào sổ hoặc hóa đơn nào?) (Trò chơi bán hàng, nấu ăn)</i> <i>Hoặc</i> <i>(Con hãy ghi tên các công nhân đến khám bệnh hôm nay, tình trạng bệnh và đơn thuốc đã cấp nào?) (Trò chơi bác sĩ)</i>	1,0		
	+ Biết thể hiện ý tưởng, suy nghĩ của bản thân qua các kí hiệu, chữ viết vừa tạo ra. Trẻ nhìn vào các kí hiệu, chữ viết vừa tạo ra và thể hiện ý tưởng, suy nghĩ một cách rõ ràng, phong phú (1đ). Trẻ chưa nhìn vào kí hiệu, chữ viết vừa tạo ra, hoặc chưa biết thể hiện, hoặc thể hiện ý tưởng, suy nghĩ chưa rõ ràng (0,5đ) <i>(Con đã viết gì trong thư để trả lời nhân vật? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào?)(Trò chơi gia đình)</i> <i>Hoặc</i> <i>(Con đã viết tên những đồ dùng, các loại thực phẩm nào mà các cô chú công nhân đã mua hôm nay nào? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào?) (Trò chơi bán hàng, nấu ăn)</i> <i>Hoặc</i> <i>(Con đã ghi lại tên những cô chú công nhân</i>	1,0		

	<i>nào đến khám, tình trạng bệnh của họ và đơn thuốc con đã kê như thế nào? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào? (Trò chơi bác sĩ)</i>			
	+ Biết dùng chữ viết trong hoạt động nào đó. Trẻ sử dụng chữ viết đúng, tương ứng với nội dung chơi của từng vai trong hoạt động khám bệnh, bán hàng, gia đình. (2đ), trẻ có sử dụng chữ viết nhưng không tương ứng với nội dung của từng vai chơi trong hoạt động khám bệnh, bán hàng, gia đình (1đ) <i>(Theo con, với sổ khám bệnh và cây bút con sẽ làm gì? (ghi tên bệnh nhân, tình hình bệnh, tên thuốc,...)? Con hãy viết nào? trong trò chơi “đóng vai bác sĩ” Hoặc (Theo con, với sổ nhật kí bán hàng và cây bút, con sẽ làm gì? Con hãy viết nào? (ghi tên hàng hóa bán, số lượng, tiền,...) Hoặc (Với quyển vở và cây bút trên bàn học con sẽ làm gì? Con hãy viết nào?(tập viết chữ,...) Hoặc quan sát trẻ chơi cùng chữ viết</i>	2,0		
4	<i>Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ</i>	12,0		
	+ Tô các chữ cái, tô theo các nét chữ in mờ. Trẻ tô chưa trùng khít lên các chữ in mờ (2đ). Tô đẹp, trùng khít lên các chữ in mờ (4đ)	4,0		
	+ Tô, viết chữ theo đúng trật tự: nét nào trước, nét nào sau. Tô, viết chữ theo trật tự đôi lúc còn bị nhầm lẫn (1đ). Tô chính xác chữ theo đúng trật tự (2đ)	2,0		
	+ Tô, viết chữ theo đúng hướng: từ trên xuống dưới, trái sang phải. Trẻ tô, viết chữ theo hướng đôi lúc còn bị nhầm lẫn (1đ) Tô, viết chính xác chữ theo đúng hướng (2đ)	2,0		
	+ Sao chép 1 số các chữ cái theo mẫu. Trẻ nhìn, sao chép được 1-2 chữ cái (2đ). Sao chép được 3-5 chữ cái (4đ)	4,0		
5	<i>Thực hiện đúng hành vi của người viết</i>	12,0		
	+ Biết ngồi đúng tư thế. Ngồi đúng tư thế trong suốt thời gian hoạt động (4đ), đôi lúc chưa đúng tư thế (2đ)	4,0		
	+ Cầm bút đúng cách (1đ), đặt vở đúng chiều (1đ).	2,0		
	+ Biết cách giở vở, sách từ trang này sang trang khác. Trẻ giở vở, sách từ trang này sang trang khác nhanh, chính xác (2đ). Trẻ giở vở, sách từ trang này sang trang khác còn chậm, lúng túng (1đ)	2,0		

	<p>+ Biết giữ gìn sách vở (không vò, xé, ném vở). Trẻ nhẹ nhàng, yêu quý sách vở, sách vở của trẻ sạch, đẹp, không bị gấp (4đ) Sách vở của trẻ bị rách, cũ, không nhẹ nhàng khi sử dụng sách vở (2đ)</p>	4,0		
Tổng điểm		50		

Người thực hiện

PHIẾU KHẢO SÁT THỰC TRẠNG
MỨC ĐỘ TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT CỦA TRẺ 5 - 6 TUỔI TRONG
TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ

1. ĐÓNG VAI GIA ĐÌNH, BÁC SĨ, BÁN HÀNG

Chủ đề: Động vật

Ngày..... tháng 12 năm 2018

Họ và tên..... Lớp:.....

Trường MN:.....

<i>T</i> <i>T</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Điểm</i> <i>tối đa</i>	<i>Điểm</i> <i>đạt</i>	<i>Ghi</i> <i>chú</i>
1	<i>Hứng thú trải nghiệm chữ viết</i>	8,0		
	+ Tập trung chú ý (2đ)	2,0		
	+ Thời gian chú ý đủ trải nghiệm với chữ viết. <5 phút (1đ); >5phút (2đ)	2,0		
	+ Trạng thái vui vẻ, hồ hởi (3đ), có sự nỗ lực trong quá trình chơi cùng chữ viết (1đ).	4,0		
2	<i>Nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng)</i>	12,0		
	+ Nhớ được tên và phát âm các chữ cái (2đ), các thanh điệu (1đ). (<i>Đây là chữ cái gì?/ thanh điệu gì? Con hãy phát âm chữ cái/ thanh điệu này?</i>)	3,0		
	+ Nói được cấu tạo của các chữ cái i (1,0đ), chữ cái t (1,0đ), chữ cái c (1,0đ) (<i>Theo con, Chữ “i” có cấu tạo như thế nào?/ chữ “t” có cấu tạo như thế nào?/ chữ “c” có cấu tạo như thế nào?</i>)	3,0		
	+ Chỉ ra điểm giống (1đ) và khác nhau (1đ) giữa các chữ cái i,t trong nhóm. (<i>Con hãy cho cô biết, chữ “i” và chữ “t” giống và khác nhau ở điểm nào? (giống nhau là đều có một nét sổ thẳng, khác nhau là chữ “i” có dấu chấm phía trên, chữ “t” có nét ngang ngắn)</i>)	2,0		
	+ Biết nối một số từ trong chủ đề (nghề nghiệp) có chứa chữ cái “i”, “t”. “c” với chữ cái “i”, “t”, “c” tách rời. Nói được 1 từ (1đ); 2-3 từ (2đ) (<i>Con hãy nối một số từ chỉ các con vật có chứa chữ cái “i”, “t”, “c”? (chim sâu, con vịt, con bạch tuộc, con tôm, con chuồn chuồn, con cá vàng ...)</i>)	2,0		
	+ Tìm đúng dấu thanh trong cụm từ, đoạn văn bản. (<i>Trong đoạn truyện/ văn bản, con hãy chỉ cho cô biết: thanh huyền/ thanh sắc/ thanh hỏi/ thanh ngã/ thanh nặng?</i>). Tìm được đúng 2 - 3 thanh điệu (1đ), Tìm được đúng 4 - 5 thanh điệu (2đ)	2,0		
3	<i>Hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông</i>	6,0		

	<i>tin</i>			
	<p>+ Yêu cầu người lớn đọc truyện, văn bản, tài liệu thể hiện bằng chữ viết để biết nội dung. Hỏi về nội dung được thể hiện bằng chữ viết.</p> <p>Trẻ tự yêu cầu người lớn đọc truyện, văn bản, tài liệu thể hiện bằng chữ viết để biết nội dung. Hỏi về nội dung được thể hiện bằng chữ viết (2đ); Cần sự gợi ý của giáo viên (1,0) <i>(Có một bức thư (một người bạn thân gửi về cho gia đình bé/ của một người chăm sóc động vật gửi đến cho bác sĩ thú y/ của một khách hàng gửi đến cho siêu thị), nhưng không biết là ai gửi bức thư đến đây và trong đó có gì? Bây giờ con hãy mở thư ra xem trong đó có gì? (trẻ có thể không biết nội dung, nhưng có thể đưa cô giáo và nhờ cô đọc nội dung) (trẻ có thể không biết nội dung, nhưng có thể đưa cô giáo và nhờ cô đọc nội dung))</i></p>	2,0		
	<p>+ Biết tạo ra các kí hiệu viết hoặc chữ viết về một nội dung muốn thể hiện. Tạo được nhanh và nhiều những kí hiệu viết, chữ viết không cần sự động viên của giáo viên(1đ); Tạo kí hiệu viết và chữ viết chậm, số lượng kí hiệu, chữ viết tạo ra ít, cần sự giúp đỡ của giáo viên (0,5đ) <i>(Bây giờ con hãy lấy giấy ra và viết thư trả lời rồi gửi lại cho nhân vật đó nhé. (Trẻ sẽ cố gắng tạo ra các kí hiệu viết như các nét thẳng, uốn lượn, các chữ cái,...). (Trò chơi gia đình)</i> Hoặc <i>(Con hãy ghi tên các đồ dùng, các loại thực phẩm mà các chú công nhân đã mua cho các con vật hôm nay vào sổ hoặc hóa đơn nào?) (Trò chơi bán hàng, nấu ăn)</i> Hoặc <i>(Con hãy ghi tên các con thú cưng đến khám bệnh hôm nay, tình trạng bệnh và đơn thuốc đã cấp nào?) (Trò chơi bác sĩ)</i></p>	1,0		
	<p>+ Biết thể hiện ý tưởng, suy nghĩ của bản thân qua các kí hiệu, chữ viết vừa tạo ra. Trẻ nhìn vào các kí hiệu, chữ viết vừa tạo ra và thể hiện ý tưởng, suy nghĩ một cách rõ ràng, phong phú (1đ). Trẻ chưa nhìn vào kí hiệu, chữ viết vừa tạo ra, hoặc chưa biết thể hiện, hoặc thể hiện ý tưởng, suy nghĩ chưa rõ ràng (0,5đ) <i>(Con đã viết gì trong thư để trả lời nhân vật? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào?)(Trò chơi gia đình)</i> Hoặc <i>(Con đã viết tên những đồ dùng, các loại thực phẩm nào mà các cô chú công nhân đã mua hôm nay nào? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào?) (Trò chơi bán hàng, nấu ăn)</i> Hoặc <i>(Con đã ghi lại tên những con thú cưng đến khám, tình trạng bệnh của họ và đơn thuốc con đã kê như thế nào? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào? (Trò chơi bác sĩ)</i></p>	1,0		
	<p>+ Biết dùng chữ viết trong hoạt động nào đó. Trẻ sử dụng chữ viết đúng, tương ứng với nội dung chơi</p>	2,0		

	<p>của từng vai trong hoạt động khám bệnh, bán hàng, gia đình. (2đ), trẻ có sử dụng chữ viết nhưng không tương ứng với nội dung của từng vai chơi trong hoạt động khám bệnh, bán hàng, gia đình (1đ)</p> <p><i>(Theo con, với sổ khám bệnh và cây bút con sẽ làm gì? (ghi tên thú cưng, tình hình bệnh, tên thuốc,...)? Con hãy viết nào? trong trò chơi “đóng vai bác sĩ”</i></p> <p>Hoặc <i>(Theo con, với sổ nhật kí bán hàng và cây bút, con sẽ làm gì? Con hãy viết nào? (ghi tên hàng hóa bán, số lượng, tiền,...)</i></p> <p>Hoặc <i>(Với quyển vở và cây bút trên bàn học con sẽ làm gì? Con hãy viết nào?(tập viết chữ,...)</i></p> <p>Hoặc <i>quan sát trẻ chơi cùng chữ viết</i></p>			
4	Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ	12,0		
	+ Tô các chữ cái, tô theo các nét chữ in mờ. Trẻ tô chưa trùng khít lên các chữ in mờ (2đ). Tô đẹp, trùng khít lên các chữ in mờ (4đ)	4,0		
	+ Biết tô, viết chữ theo đúng trật tự: nét nào trước, nét nào sau. Trẻ tô, viết chữ theo trật tự đôi lúc còn bị nhầm lẫn (1đ). Tô chính xác chữ theo đúng trật tự (2đ)	2,0		
	+ Tô, viết chữ theo đúng hướng: từ trên xuống dưới, trái sang phải. Trẻ tô, viết chữ theo hướng đôi lúc còn bị nhầm lẫn (1đ) Tô, viết chính xác chữ theo đúng hướng (2đ)	2,0		
	+ Sao chép 1 số các chữ cái theo mẫu. Trẻ nhìn, sao chép được 1-2 chữ cái (2đ). Sao chép được 3-5 chữ cái (4đ)	4,0		
5	Thực hiện đúng hành vi của người viết	12,0		
	+ Biết ngồi đúng tư thế. Ngồi đúng tư thế trong suốt thời gian hoạt động (4đ), đôi lúc chưa đúng tư thế (2đ)	4,0		
	+ Cầm bút đúng cách (1đ), đặt vở đúng chiều (1đ).	2,0		
	+ Biết cách giở vở, sách từ trang này sang trang khác. Trẻ giở vở, sách từ trang này sang trang khác nhanh, chính xác (2đ). Trẻ giở vở, sách từ trang này sang trang khác còn chậm, lúng túng (1đ)	2,0		
	+ Biết giữ gìn sách vở (không vò, xé, ném vở). Trẻ nhẹ nhàng, yêu quý sách vở, sách vở của trẻ sạch, đẹp, không bị gấp (4đ) Sách vở của trẻ bị rách, cũ, không nhẹ nhàng khi sử dụng sách vở (2đ)	4,0		
Tổng điểm		50		

Người thực hiện

PHỤ LỤC 6
PHIẾU KHẢO SÁT SAU THỰC NGHIỆM
MỨC ĐỘ TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT CỦA TRẺ 5 - 6 TUỔI TRONG
TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ

1. TRÒ CHƠI: ĐÓNG VAI GIA ĐÌNH, BÁC SĨ, BÁN HÀNG
Chủ đề: THỰC VẬT

Ngày..... tháng 3 năm 2019

Họ và tên..... Lớp:.....

Trường MN:.....

T	Nội dung	Điểm tối đa	Điểm đạt	Ghi chú
1	Hứng thú trải nghiệm chữ viết	8,0		
	+ Tập trung chú ý khi tiếp xúc và hoạt động với chữ viết (2đ)	2,0		
	+ Thời gian chú ý đủ để trải nghiệm với chữ viết. <5 phút (1đ); >5phút (2đ)	2,0		
	+ Trạng thái vui vẻ, hồ hởi (3đ), có sự nỗ lực trong quá trình chơi cùng chữ viết (1đ).	4,0		
2	Nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 dấu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng)	12,0		
	+ Nhớ được tên và phát âm các chữ cái (2đ), các dấu thanh (1đ). (<i>Đây là chữ cái gì?/thanh điệu gì? Con hãy phát âm chữ cái/ thanh điệu này?</i>)	3,0		
	+ Nói được cấu tạo của các chữ cái m (1,5đ), chữ cái n (1,5đ). (<i>Theo con, Chữ “n” có cấu tạo như thế nào?/ chữ “m” có cấu tạo như thế nào?</i>)	3,0		
	+ Chỉ ra điểm giống (1đ) và khác nhau (1đ) giữa các chữ cái n,m trong nhóm. (<i>Con hãy cho cô biết, chữ “n” và chữ “m” giống và khác nhau ở điểm nào? (giống nhau là đều có một nét sổ thẳng, khác nhau là chữ “n” có một nét móc xuôi bên phải, chữ “m” có hai nét móc xuôi bên phải)</i>)	2,0		
	+ Biết nói một số từ trong chủ đề (nghề nghiệp) có chứa chữ cái “n”, “m” với chữ cái “n”, “m” tách rời. Nói được 1 từ (1đ); 2-3 từ (2đ) (<i>Con hãy nói một số từ chỉ các loại rau, củ, quả có chứa chữ cái “n”, “m”? (quả na, quả mít, quả măng cụt, quả măng cầu, quả mướp, quả me, hoa na, hoa mướp ...)</i>)	2,0		
	+ Tìm đúng thanh điệu trong cụm từ, đoạn văn bản. (<i>Trong đoạn truyện/ văn bản, con hãy chỉ cho cô biết: thanh huyền/ thanh sắc/ thanh hỏi/ thanh ngã/ thanh nặng?</i>). Tìm được đúng 2 - 3 thanh điệu (1đ), Tìm được	2,0		

	đúng 4 - 5 thanh điệu (2đ)			
3	Hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin	6,0		
	<p>+ Yêu cầu người lớn đọc truyện, văn bản, tài liệu thể hiện bằng chữ viết để biết nội dung. Hỏi về nội dung được thể hiện bằng chữ viết.</p> <p>Trẻ tự yêu cầu người lớn đọc truyện, văn bản, tài liệu thể hiện bằng chữ viết để biết nội dung. Hỏi về nội dung được thể hiện bằng chữ viết (2đ); Cần sự gợi ý của giáo viên (1,0)</p> <p><i>(Có một bức thư (một người bạn thân gửi về cho gia đình bé/của một khách hàng gửi đến cho siêu thị), nhưng không biết là ai gửi bức thư đến đây và trong đó viết gì? Bây giờ con hãy mở thư ra xem trong đó viết gì? (trẻ có thể không biết nội dung, nhưng có thể đưa cô giáo và nhờ cô đọc nội dung)</i></p>	2,0		
	<p>+ Biết tạo ra các kí hiệu viết hoặc chữ viết về một nội dung muốn thể hiện. Tạo được nhanh và nhiều những kí hiệu viết, chữ viết không cần sự động viên của giáo viên(1đ); Tạo kí hiệu viết và chữ viết chậm, số lượng kí hiệu, chữ viết tạo ra ít, cần sự giúp đỡ của giáo viên (0,5đ)</p> <p><i>(Bây giờ con hãy lấy giấy ra và viết thư trả lời rồi gửi lại cho nhân vật đó nhé. (Trẻ sẽ cố gắng tạo ra các kí hiệu viết như các nét thẳng, uốn lượn, các chữ cái,...).</i></p> <p>(Trò chơi gia đình)</p> <p>Hoặc <i>(Con hãy ghi tên các đồ dùng, các sản phẩm mà các bác nông dân đã mua về nhà hôm nay vào sổ hoặc hóa đơn nào?) (Trò chơi bán hàng, nấu ăn)</i></p> <p>Hoặc <i>(Con hãy ghi tên những bệnh nhân đến khám bệnh do ăn phải thức ăn không đảm bảo vệ sinh hôm nay, tình trạng bệnh và đơn thuốc đã cấp nào?) (Trò chơi bác sĩ)</i></p>	1,0		
	<p>+ Biết thể hiện ý tưởng, suy nghĩ của bản thân qua các kí hiệu, chữ viết vừa tạo ra. Trẻ nhìn vào các kí hiệu, chữ viết vừa tạo ra và thể hiện ý tưởng, suy nghĩ một cách rõ ràng, phong phú (1đ). Trẻ chưa nhìn vào kí hiệu, chữ viết vừa tạo ra, hoặc chưa biết thể hiện, hoặc thể hiện ý tưởng, suy nghĩ chưa rõ ràng (0,5đ)</p> <p><i>(Con đã viết gì trong thư để trả lời nhân vật? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào?)(Trò chơi gia đình)</i></p> <p>Hoặc <i>(Con đã viết tên những đồ dùng, các loại thực phẩm nào mà các bác nông dân đã mua hôm nay nào? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào?) (Trò chơi bán hàng, nấu ăn)</i></p> <p>Hoặc <i>(Con đã ghi lại tên những bệnh nhân đến khám, tình trạng bệnh của họ và đơn thuốc con đã kê như thế nào? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào? (Trò chơi bác sĩ)</i></p>	1,0		
	+ Biết dùng chữ viết trong hoạt động nào đó.	2,0		

	<p>Trẻ sử dụng chữ viết đúng, tương ứng với nội dung chơi của từng vai trong hoạt động khám bệnh, bán hàng, gia đình. (2đ), trẻ có sử dụng chữ viết nhưng không tương ứng với nội dung của từng vai chơi trong hoạt động khám bệnh, bán hàng, gia đình (1đ)</p> <p><i>(Theo con, với sổ khám bệnh và cây bút con sẽ làm gì? (ghi tên bệnh nhân, tình hình bệnh, tên thuốc,...)? Con hãy viết nào? trong trò chơi “đóng vai bác sĩ”</i></p> <p>Hoặc <i>(Theo con, với sổ nhật kí bán hàng và cây bút, con sẽ làm gì? Con hãy viết nào? (ghi tên hàng hóa bán, số lượng, tiền,...)</i></p> <p>Hoặc <i>(Với quyển vở và cây bút trên bàn học con sẽ làm gì? Con hãy viết nào?(tập viết chữ,...)</i></p> <p>Hoặc <i>quan sát trẻ chơi cùng chữ viết</i></p>			
4	Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ	12,0		
	+ Tô các chữ cái, tô theo các nét chữ in mờ. Trẻ tô chưa trùng khít lên các chữ in mờ (2đ). Tô đẹp, trùng khít lên các chữ in mờ (4đ)	4,0		
	+ Biết tô, viết chữ theo đúng trật tự: nét nào trước, nét nào sau. Trẻ tô, viết chữ theo trật tự đôi lúc còn bị nhầm lẫn (1đ). Tô chính xác chữ theo đúng trật tự (2đ)	2,0		
	+ Tô, viết chữ theo đúng hướng: từ trên xuống dưới, trái sang phải. Trẻ tô, viết chữ theo hướng đôi lúc còn bị nhầm lẫn (1đ) Tô, viết chính xác chữ theo đúng hướng (2đ)	2,0		
	+ Sao chép 1 số các chữ cái theo mẫu. Trẻ nhìn, sao chép được 1-2 chữ cái (2đ). Sao chép được 3-5 chữ cái (4đ)	4,0		
5	Thực hiện đúng hành vi của người viết	12,0		
	+ Biết ngồi đúng tư thế. Ngồi đúng tư thế trong suốt thời gian hoạt động (4đ), đôi lúc chưa đúng tư thế (2đ)	4,0		
	+ Cầm bút đúng cách (1đ), đặt vở đúng chiều (1đ).	2,0		
	+ Biết cách giờ vở, sách từ trang này sang trang khác. Trẻ giờ vở, sách từ trang này sang trang khác nhanh, chính xác (2đ). Trẻ giờ vở, sách từ trang này sang trang khác còn chậm, lúng túng (1đ)	2,0		
	+ Biết giữ gìn sách vở (không vò, xé, ném vở). Trẻ nhẹ nhàng, yêu quý sách vở, sách vở của trẻ sạch, đẹp, không bị gấp (4đ) Sách vở của trẻ bị rách, cũ, không nhẹ nhàng khi sử dụng sách vở (2đ)	4,0		
Tổng điểm		50		

Người thực hiện

PHIẾU KHẢO SÁT SAU THỰC NGHIỆM
MỨC ĐỘ TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT CỦA TRẺ 5 - 6 TUỔI TRONG
TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI CÓ CHỦ ĐỀ

2. TRÒ CHƠI: ĐÓNG VAI GIA ĐÌNH, BÁC SĨ, BÁN HÀNG

Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên

Ngày..... tháng 3 năm 2019

Họ và tên..... Lớp:.....

Trường MN:.....

<i>T</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Điểm đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
1	<i>Hứng thú trải nghiệm chữ viết</i>	8,0		
	+ Tập trung chú ý khi tiếp xúc và hoạt động với chữ viết (2đ)	2,0		
	+ Thời gian chú ý đủ để trải nghiệm với chữ viết. <5 phút (1đ); >5phút (2đ)	2,0		
	+ Trạng thái vui vẻ, hồ hởi (3đ), có sự nỗ lực cao độ trong quá trình chơi cùng chữ viết (1đ).	4,0		
2	<i>Nhận biết, phân biệt các chữ cái và 5 thanh điệu (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng)</i>	12,0		
	+ Nhớ được tên và phát âm các chữ cái (2đ), các thanh điệu (1đ). (<i>Đây là chữ cái gì?/thanh điệu gì? Con hãy phát âm chữ cái/ thanh điệu này?</i>)	3,0		
	+ Nói được câu tạo của các chữ cái p (1,5đ), chữ cái q (1,5đ). (<i>Theo con, Chữ “p” có cấu tạo như thế nào?/ chữ “q” có cấu tạo như thế nào?</i>)	3,0		
	+ Chỉ ra điểm giống (1đ) và khác nhau (1đ) giữa các chữ cái p,q trong nhóm. (<i>Con hãy cho cô biết, chữ “p” và chữ “q” giống và khác nhau ở điểm nào? (giống nhau là đều có một nét sổ thẳng và một nét cong tròn khép kín, khác nhau là chữ “p” có một nét sổ thẳng bên phải và một nét cong tròn khép kín bên trái phía trên, chữ “q” có một nét cong tròn khép kín, phía trên, bên trái và một nét sổ thẳng bên phải)</i>)	2,0		
	+ Biết nói một số từ trong chủ đề (nước và các hiện tượng tự nhiên) có chứa chữ cái “p”, “q” với chữ cái “p”, “q” tách rời. Nói được 1 từ (1đ); 2-3 từ (2đ) (<i>Con hãy nói một số từ chỉ nước và các hiện tượng tự nhiên có chứa chữ cái “p”, “q”? (sông quê, mưa phùn, gió pháp phới, ...)</i>)	2,0		
	+ Tìm đúng dấu thanh trong cụm từ, đoạn văn bản.	2,0		

	(Trong đoạn truyện/ văn bản, con hãy chỉ cho cô biết: dấu huyền/ dấu sắc/ dấu hỏi/ dấu ngã/ dấu nặng?). Tìm được đúng 2 - 3 dấu thanh (1đ), Tìm được đúng 4 - 5 dấu thanh (2đ)			
3	<i>Hiểu ý nghĩa và sử dụng chữ viết để truyền đạt thông tin</i>	6,0		
	+ Yêu cầu người lớn đọc truyện, văn bản, tài liệu thể hiện bằng chữ viết để biết nội dung. Hỏi về nội dung được thể hiện bằng chữ viết. Trẻ tự yêu cầu người lớn đọc truyện, văn bản, tài liệu thể hiện bằng chữ viết để biết nội dung. Hỏi về nội dung được thể hiện bằng chữ viết (2đ); Cần sự gợi ý của giáo viên (1,0) <i>(Có một bức thư (một người bạn thân gửi về cho gia đình bé/của một khách hàng gửi đến cho siêu thị), nhưng không biết là ai gửi bức thư đến đây và trong đó viết gì? Bây giờ con hãy mở thư ra xem trong đó viết gì? (trẻ có thể không biết nội dung, nhưng có thể đưa cô giáo và nhờ cô đọc nội dung)</i>	2,0		
	+ Biết tạo ra các kí hiệu viết hoặc chữ viết về một nội dung muốn thể hiện. Tạo được nhanh và nhiều những kí hiệu viết, chữ viết không cần sự động viên của giáo viên(1đ); Tạo kí hiệu viết và chữ viết chậm, số lượng kí hiệu, chữ viết tạo ra ít, cần sự giúp đỡ của giáo viên (0,5đ) <i>(Bây giờ con hãy lấy giấy ra và viết thư trả lời rồi gửi lại cho nhân vật đó nhé. (Trẻ sẽ cố gắng tạo ra các kí hiệu viết như các nét thẳng, uốn lượn, các chữ cái,...). (Trò chơi gia đình)</i> Hoặc <i>(Con hãy ghi tên các đồ dùng, các sản phẩm mà các bác công nhân đã mua về để xây dựng nhà máy nước vào sổ bán hàng hoặc hóa đơn nào?) (Trò chơi bán hàng, nấu ăn)</i> Hoặc <i>(Con hãy ghi tên những bệnh nhân đến khám bệnh do ăn uống phải nguồn nước không đảm bảo vệ sinh hôm nay, tình trạng bệnh và đơn thuốc đã cấp nào?) (Trò chơi bác sĩ)</i>	1,0		
	+ Biết thể hiện ý tưởng, suy nghĩ của bản thân qua các kí hiệu, chữ viết vừa tạo ra. Trẻ nhìn vào các kí hiệu, chữ viết vừa tạo ra và thể hiện ý tưởng, suy nghĩ một cách rõ ràng, phong phú (1đ). Trẻ chưa nhìn vào kí hiệu, chữ viết vừa tạo ra, hoặc chưa biết thể hiện, hoặc thể hiện ý tưởng, suy nghĩ chưa rõ ràng (0,5đ) <i>(Con đã viết gì trong thư để trả lời nhân vật? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào?)(Trò chơi gia đình)</i> Hoặc <i>(Con đã viết tên những đồ dùng, các loại thực phẩm, đồ uống nào mà các bác công nhân đã mua hôm nay nào? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào?) (Trò</i>	1,0		

	chơi bán hàng, nấu ăn) Hoặc (Con đã ghi lại tên những bệnh nhân đến khám, tình trạng bệnh của họ và đơn thuốc con đã kê như thế nào? con cố gắng đọc lại cho cô nghe nào? (Trò chơi bác sĩ)			
	+ Biết dùng chữ viết trong hoạt động nào đó. Trẻ sử dụng chữ viết đúng, tương ứng với nội dung chơi của từng vai trong hoạt động khám bệnh, bán hàng, gia đình. (2đ), trẻ có sử dụng chữ viết nhưng không tương ứng với nội dung của từng vai chơi trong hoạt động khám bệnh, bán hàng, gia đình (1đ) (Theo con, với sổ khám bệnh và cây bút con sẽ làm gì? (ghi tên bệnh nhân, tình hình bệnh, tên thuốc,...)? Con hãy viết nào? trong trò chơi “đóng vai bác sĩ” Hoặc (Theo con, với sổ nhật kí bán hàng và cây bút, con sẽ làm gì? Con hãy viết nào? (ghi tên hàng hóa bán, số lượng, tiền,...) Hoặc (Với quyển vở và cây bút trên bàn học con sẽ làm gì? Con hãy viết nào?(tập viết chữ,...) Hoặc quan sát trẻ chơi cùng chữ viết	2,0		
4	Thực hiện đúng một số quy tắc khi tô, viết chữ	12,0		
	+ Tô các chữ cái, tô theo các nét chữ in mờ. Trẻ tô chưa trùng khít lên các chữ in mờ (2đ). Tô đẹp, trùng khít lên các chữ in mờ (4đ)	4,0		
	+ Biết tô, viết chữ theo đúng trật tự: nét nào trước, nét nào sau. Trẻ tô, viết chữ theo trật tự đôi lúc còn bị nhầm lẫn (1đ). Tô chính xác chữ theo đúng trật tự (2đ)	2,0		
	+ Biết tô, viết chữ theo đúng hướng: từ trên xuống dưới, trái sang phải. Trẻ tô, viết chữ theo hướng đôi lúc còn bị nhầm lẫn (1đ) Tô, viết chính xác chữ theo đúng hướng (2đ)	2,0		
	+ Sao chép 1 số các chữ cái theo mẫu. Trẻ nhìn, sao chép được 1-2 chữ cái (2đ). Sao chép được 3-5 chữ cái (4đ)	4,0		
5	Thực hiện đúng hành vi của người viết	12,0		
	+ Biết ngồi đúng tư thế. Ngồi đúng tư thế trong suốt thời gian hoạt động (4đ), đôi lúc chưa đúng tư thế (2đ)	4,0		
	+ Cầm bút đúng cách (1đ), đặt vở đúng chiều (1đ).	2,0		
	+ Biết cách giờ vở, sách từ trang này sang trang khác. Trẻ giờ vở, sách từ trang này sang trang khác nhanh, chính xác (2đ). Trẻ giờ vở, sách từ trang này sang trang khác còn chậm, lúng túng (1đ)	2,0		
	+ Biết giữ gìn sách vở (không vò, xé, ném vở). Trẻ nhẹ nhàng, yêu quý sách vở, sách vở của trẻ sạch, đẹp, không bị gấp (4đ)	4,0		

Sách vở của trẻ bị rách, cũ, không nhẹ nhàng khi sử dụng sách vở (2đ)			
Tổng điểm	50		

Người thực hiện

PHỤ LỤC 7

MỘT SỐ CÔNG THỨC TOÁN THỐNG KÊ ĐÃ SỬ DỤNG

Công thức tính giá trị trung bình cộng:

$$\bar{X} = \frac{1}{n} \sum_{i=1}^n X_i$$

Trong đó:

\bar{X} : Điểm trung bình chung

X_i : Số điểm của từng trẻ

n : Tổng số trẻ

Công thức kiểm định T – student như sau:

$$s^2 = \frac{1}{n-1} \sum_{i=1}^n (X_i - \bar{X})^2$$

$$T = \frac{\left| \bar{X}_{TN} - \bar{X}_{ĐC} \right|}{\sqrt{\frac{s^2}{n_{TN}} + \frac{s^2}{n_{ĐC}}}}$$

Trong đó:

X_i : Số điểm của từng trẻ

n : Tổng số trẻ

s^2 : Phương sai

T: Độ tin cậy T – student

\bar{X}_{TN} , $\bar{X}_{ĐC}$: Điểm TB ở nhóm TN và nhóm ĐC.

n_{TN} , $n_{ĐC}$: Tổng số trẻ ở nhóm TN và nhóm ĐC.

Chọn độ chính xác là 95%, ta có $\alpha = 5\%$ hay $\alpha = 0,05$; $n = 30$ và theo bảng giá trị kiểm định T – student thì $T_\alpha = 2,042$. Nếu kết quả thống kê của hai nhóm (nhóm ĐC và nhóm TN) có giá trị độ tin cậy $T < T_\alpha$ ta có thể kết luận hai nhóm là tương đồng. Trong trường hợp ngược lại $T > T_\alpha$, ta có thể kết luận là có sự khác biệt giữa hai nhóm, với độ chính xác không dưới 95%.

PHỤ LỤC 8

KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG TẠI TRƯỜNG MẦM NON NINH AN

TT	Họ và tên	<i>Tiêu chí 1</i>			<i>Tiêu chí 2</i>			<i>Tiêu chí 3</i>			<i>Tiêu chí 4</i>			<i>Tiêu chí 5</i>			Tổng điểm	Xếp loại
		TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng		
1	Bùi Khánh Chi	3	2	5	5	6	11	2	3	5	6	5	11	6	7	13	45	Yếu
2	Đào Nhật Minh	6.5	7	13.5	6	5	11	3	4	7	9	6	15	10	9	19	65.5	TB
3	Đào Phúc Lộc	6	6	12	7	8	15	3	4	7	8	6	14	7	7	14	62	TB
4	Hoàng Đức Cường	4	5	9	5	9	14	3	4	7	6	5	11	6	7	13	54	TB
5	Hoàng Nam Thái	5	4	9	7	7	14	3	5	8	7	5	12	10	10	20	63	TB
6	Hoàng Xuân Thành	4	5	9	9	9	18	4	3	7	7	6	13	7	7	14	61	TB
7	Phạm Thảo Nguyên	3	3	6	7	8	15	4	3	7	7	6	13	7	6	13	54	TB
8	Đào Sỹ Hồng Minh	4	5	9	6	7	13	3	4	7	6	7	13	6	7	13	55	TB
9	Hoàng Khánh Ly	5	7	12	8	8	16	4	5	9	9	5	14	9	9	18	69	Khá
10	Phạm Ngọc Tú	5	4	9	6	7	13	4	5	9	7	6	13	10	10	20	64	TB
11	Đào Tuấn Kiệt	4	5	9	6	7	13	2	4	6	8	7	15	7	7	14	57	TB
12	Lê Khánh Linh	2	3	5	4	6	10	3	2	5	5	5	10	6	6	12	42	Yếu
13	Hoàng Thu Hà	4	4	8	7	6	13	3	5	8	7	4	11	10	10	20	60	TB
14	Đào Hồng Thái	6	5	11	7	6	13	4	4	8	8	5	13	7	7	14	59	TB
15	Đào Phương Linh	4	4	8	7	7	14	4	5	9	7	6	13	10	9	19	63	TB
16	Bùi Ngọc Hà	5	5	10	7	6	13	3	4	7	8	7	15	7	8	15	60	TB
17	Đào Tiên Thành	2	3	5	5	5	10	3	2	5	6	5	11	6	7	13	44	Yếu
18	Đào Hoài An	5	4	9	4	5	9	2	5	7	7	6	13	10	9	19	57	TB
19	Nguyễn Khánh Linh	5	6	11	7	7	14	4	4	8	8	7	15	7	7	14	62	TB
20	Vũ Thị Trang Anh	2	3	5	6	7	13	4	2	6	6	5	11	6	7	13	48	Yếu
21	Vũ P.Hồng Nhung	7	5	12	8	7	15	3	5	8	10	4	14	11	5	16	65	TB
22	Đào Trâm Anh	6	7	13	7	6	13	3	3	6	6.5	6	12.5	9	5	14	58.5	TB
23	Hoàng Bảo Trân	5	6	11	6	6	12	2	5	7	7	4	11	10	9	19	60	TB
24	Hoàng Anh Huy	2	3	5	7	7	14	3	2	5	6	4	10	6	7	13	47	Yếu
25	Đào Thanh Lâm	7	7	14	8	8	16	5	5	10	10	8	18	11	9	20	78	Giỏi
26	Đào Trần Ngọc Ánh	2	3	5	6	5	11	4	2	6	6	5	11	6	7	13	46	Yếu
27	Đỗ Đức Duy	7	7	14	9	9	18	3	5	8	10	5	15	11	9	20	75	Khá
28	Vũ Nguyễn Việt Anh	6	5	11	8	7	15	4	4	8	8	5	13	7	8	15	62	TB
29	Dương Khánh Ngọc	2	3	5	5	7	12	5	2	7	6	6	12	6	7	13	49	Yếu

KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG TẠI TRƯỜNG MẦM NON NINH GIANG

TT	Họ và tên	<i>Tiêu chí 1</i>			<i>Tiêu chí 2</i>			<i>Tiêu chí 3</i>			<i>Tiêu chí 4</i>			<i>Tiêu chí 5</i>			Tổng điểm	Xếp loại
		BT1	BT2	Cộng	BT1	BT2	Cộng	BT1	BT2	Cộng	BT1	BT2	Cộng	BT1	BT2	Cộng		
1	Nguyễn Văn Anh	7	7	14	10	8	18	6	6	12	12	12	24	12	12	24	92	Giỏi
2	Hoàng Thành Thắng	3	2	5	6	6	12	3	3	6	6	7	13	6	8	14	50	Yếu
3	Nguyễn Bảo Châm	2	3	5	6	5	11	4	2	6	6	5	11	6	7	13	46	Yếu
4	Nguyễn Chí Cường	7	6	13	9	9	18	3	5	8	10	5	15	11	9	20	74	Khá
5	Trần Thị Hà Anh	4	5	9	8	6	14	3	4	7	6	8	14	6	7	13	57	TB
6	Tổng Trường Thành	5	4	9	7	8	15	4	5	9	7	7	14	10	11	21	68	Khá
7	Nguyễn N.Bảo Hưng	6.5	7	13.5	6	5	11	3	4	7	9	6	15	10	9	19	65.5	TB
8	Nguyễn Tiến Hưng	5	5	10	7	8	15	3	4	7	8	6	14	7	7	14	60	TB
9	Bùi Tiến Hưng	4	5	9	5	9	14	3	4	7	6	5	11	6	7	13	54	TB
10	Dương N.Hồng Huỳnh	2	2	4	5	6	11	4	2	6	6	5	11	6	7	13	45	Yếu
11	Nguyễn Khải Hiệp	2	2	4	5	6	11	4	2	6	6	5	11	6	7	13	45	Yếu
12	Lê Đăng Khoa	3	3	6	7	8	15	4	3	7	7	6	13	7	6	13	54	TB
13	Nguyễn Duy Khoa	3	5	8	6	7	13	3	4	7	6	7	13	6	7	13	54	TB
14	Nguyễn Ngọc Khánh	4	7	11	8	8	16	4	5	9	9	5	14	9	9	18	68	Khá
15	Dương Vũ Diệu Linh	5	4	9	6	7	13	4	5	9	7	6	13	10	10	20	64	TB
16	Dương Khánh Ly	5	5	10	8	8	16	4	4	8	8	7	15	7	8	15	64	TB
17	Lê Đức Long	2	3	5	5	6	11	2	2	4	6	5	11	6	7	13	44	Yếu
18	Nguyễn Thành Long	7	7.5	14.5	9	10	19	5	5	10	10	10	20	11	11	22	85.5	Giỏi
19	Trần Thảo My	5	7	12	7.5	8	15.5	3	3	6	6.5	7	13.5	9	8	17	64	TB
20	Lê Ngọc Minh	2	2	4	5	6	11	4	2	6	6	5	11	6	7	13	45	Yếu
21	Nguyễn Thu Ngân	2	3	5	6	7	13	4	2	6	6	5	11	6	7	13	48	Yếu
22	Tổng Thành Nguyên	7	5	12	8	7	15	3	5	8	10	4	14	11	5	16	65	TB

PHỤ LỤC 9

**MỨC ĐỘ TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT QUA TRÒ CHƠI ĐVCCĐ, TRẺ LỚP 5 TUỔI - TRƯỜNG MN NINH AN -
TRƯỚC THỰC NGHIỆM**

TT	Họ và tên	<i>Tiêu chí 1</i>			<i>Tiêu chí 2</i>			<i>Tiêu chí 3</i>			<i>Tiêu chí 4</i>			<i>Tiêu chí 5</i>			Tổng điểm	Xếp loại
		TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng		
1	Bùi Khánh Chi	4	3	7	6	7	13	3	4	7	6	7	13	6	8	14	54	TB
2	Đào Nhật Minh	7	6	13	7	8	15	4	5	9	9	9	18	10	10	20	75	Khá
3	Đào Phúc Lộc	5	5	10	6	6	12	4	4	8	6	5	11	6	6	12	53	Yếu
4	Hoàng Nam Thái	4	5	9	4	5	9	4	6	10	7	8	15	10	10	20	63	TB
5	Hoàng Xuân Thành	4	6	10	10	10	20	5	4	9	7	8	15	7	8	15	69	Khá
6	Phạm Thảo Nguyên	4	4	8	8	9	17	5	4	9	7	8	15	7	7	14	63	TB
7	Đào Sỹ Hồng Minh	3	6	9	7	8	15	4	5	9	6	7	13	6	8	14	60	TB
8	Hoàng Khánh Ly	5	7	12	9	9	18	5	6	11	9	9	18	9	10	19	78	Giỏi
9	Phạm Ngọc Tú	4	5	9	8	8	16	5	6	11	7	8	15	10	10	20	71	Khá
10	Đào Tuấn Kiệt	5	6	11	7	8	15	3	5	8	8	9	17	6	6	12	63	TB
11	Lê Khánh Linh	3	4	7	5	7	12	4	3	7	5	5	10	4	5	9	45	Yếu
12	Hoàng Thu Hà	3	4	7	7	7	14	4	5	9	7	6	13	10	9	19	62	TB
13	Bùi Ngọc Hà	5	5	10	7	6	13	3	4	7	8	7	15	7	8	15	60	TB
14	Đào Tiến Thành	2	3	5	5	5	10	3	2	5	6	5	11	6	7	13	44	Yếu
15	Đào Hoài An	6	4	10	5	6	11	3	6	9	7	8	15	10	10	20	65	TB
16	Nguyễn Khánh Linh	5	5	10	5	6	11	4	4	6	7	9	16	5	5	10	53	Yếu
17	Vũ Thị Trang Anh	4	6	10	7	8	15	5	3	8	6	7	13	6	8	14	60	TB
18	Vũ Phạm Hồng Nhung	6	5	11	9	9	18	4	6	10	10	10	20	11	6	17	76	Khá
19	Đào Trâm Anh	6	5	11	5	7	12	3	4	7	5	5	10	7	6	13	53	Yếu

**MỨC ĐỘ TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT QUA TRÒ CHƠI ĐVCCĐ, TRẺ LỚP 5 TUỔI - TRƯỜNG MN NINH GIANG -
TRƯỚC THỰC NGHIỆM**

TT	Họ và tên	<i>Tiêu chí 1</i>			<i>Tiêu chí 2</i>			<i>Tiêu chí 3</i>			<i>Tiêu chí 4</i>			<i>Tiêu chí 5</i>			Tổng điểm	Xếp loại
		TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng		
1	Nguyễn Văn Anh	6	7	13	9	9	18	6	6	12	12	12	24	12	12	24	91	Giỏi
2	Hoàng Thành Thắng	3	2	5	6	6	12	3	3	6	6	7	13	6	8	14	50	Yếu
4	Nguyễn Chí Cường	6	6	12	9	9	18	3	5	8	10	5	15	11	9	20	73	Khá
5	Trần Thị Hà Anh	4	5	9	8	6	14	3	4	7	6	8	14	6	7	13	57	TB
6	Tổng Trường Thành	5	4	9	8	8	16	4	5	9	7	7	14	10	11	21	69	Khá
7	Nguyễn Ngọc Bảo Hưng	6.5	7	13.5	6	5	11	3	4	7	9	6	15	10	9	19	65.5	TB
8	Nguyễn Tiến Hưng	5	5	10	7	8	15	3	4	7	8	6	14	7	7	14	60	TB
9	Bùi Tiến Hưng	4	5	9	5	9	14	3	4	7	6	5	11	6	7	13	54	TB
10	Dương N.Hồng Huynh	3	4	7	7	7	14	3	5	8	7	5	12	10	10	20	61	TB
13	Nguyễn Duy Khoa	3	5	8	6	7	13	3	4	7	6	7	13	6	7	13	54	TB
14	Nguyễn Ngọc Khánh	4	7	11	8	8	16	4	5	9	9	5	14	9	9	18	68	Khá
15	Dương Vũ Diệu Linh	5	4	9	6	7	13	4	5	9	7	6	13	10	10	20	64	TB
16	Dương Khánh Ly	5	5	10	8	8	16	4	4	8	8	7	15	7	8	15	64	TB
17	Lê Đức Long	2	3	5	5	6	11	2	2	4	6	5	11	6	7	13	44	Yếu
18	Nguyễn Thành Long	7	7	14	9	10	19	5	5	10	10	10	20	11	11	22	85	Giỏi
19	Trần Thảo My	5	6	11	7.5	8	15.5	3	3	6	6.5	7	13.5	9	8	17	63	TB
20	Lê Ngọc Minh	4	5	9	7	7	14	4	4	8	8	7	15	7	7	14	60	TB
21	Nguyễn Thu Ngân	2	3	5	6	7	13	4	2	6	6	5	11	6	7	13	48	Yếu
22	Tổng Thành Nguyên	7	5	12	8	7	15	3	5	8	10	4	14	11	5	16	65	TB
23	Lê Khôi Nguyên	5	6	11	7	6	13	3	3	6	6.5	6	12.5	9	5	14	56.5	TB
26	Lê Huyền Trang	7	5	12	8	7	15	3	5	8	10	4	14	11	5	16	65	TB

PHỤ LỤC 10

**MỨC ĐỘ TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT QUA TRÒ CHƠI ĐVCCĐ, TRẺ LỚP 5 TUỔI - TRƯỜNG MN NINH AN –
SAU THỰC NGHIỆM (NHÓM THỰC NGHIỆM)**

TT	Họ và tên	<i>Tiêu chí 1</i>			<i>Tiêu chí 2</i>			<i>Tiêu chí 3</i>			<i>Tiêu chí 4</i>			<i>Tiêu chí 5</i>			Tổng điểm	Xếp loại
		TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng		
1	Bùi Khánh Chi	5	4	9	6	7	13	4	5	9	7	8	15	7	8	15	61	TB
2	Đào Nhật Minh	7	6	13	7	6	13	5	6	11	10	10	20	10	10	20	77	Khá
3	Đào Phúc Lộc	5	4	9	6	7	13	4	5	9	7	8	15	7	8	15	61	TB
4	Hoàng Nam Thái	6	7	13	8	8	16	5	6	11	8	9	17	10	10	20	77	Khá
5	Hoàng Xuân Thành	4	6	10	10	10	20	6	5	11	8	9	17	7	8	15	73	Khá
6	Phạm Thảo Nguyên	7	5	12	8	9	17	6	5	11	8	9	17	7	7	14	71	Khá
7	Đào Sỹ Hồng Minh	4	6	10	7	8	15	5	6	11	7	8	15	6	8	14	65	TB
8	Hoàng Khánh Ly	7	8	15	9	9	18	6	6	12	10	10	20	9	10	19	84	Giỏi
9	Phạm Ngọc Tú	5	5	10	7	9	16	6	6	12	8	9	17	10	10	20	75	Khá
10	Đào Tuấn Kiệt	5	7	12	9	8	17	4	6	10	9	10	19	7	7	14	72	Khá
11	Lê Khánh Linh	4	5	9	5	7	12	5	4	9	6	6	12	4	5	9	51	Yếu
12	Hoàng Thu Hà	7	6	13	7	9	16	6	6	12	8	7	15	10	9	19	75	Khá
13	Bùi Ngọc Hà	5	5	10	7	7	14	4	5	9	9	8	17	7	8	15	65	TB
14	Đào Tiến Thành	4	5	9	5	6	11	5	5	10	7	6	13	8	8	16	59	TB
15	Đào Hoài An	6	5	11	5	6	11	6	6	12	8	9	17	10	10	20	71	Khá
16	Nguyễn Khánh Linh	5	5	10	5	6	11	4	4	8	7	9	16	5	5	10	55	TB
17	Vũ Thị Trang Anh	5	6	11	7	8	15	6	4	10	7	8	15	6	8	14	65	TB
18	Vũ Phạm Hồng Nhung	6	8	14	9	10	19	6	6	12	11	11	22	11	9	20	87	Giỏi
19	Đào Trâm Anh	6	5	11	5	7	12	3	4	7	5	5	10	7	6	13	53	Yếu

**MỨC ĐỘ TRẢI NGHIỆM CHỮ VIẾT QUA TRÒ CHƠI ĐVCCĐ, TRẺ LỚP 5 TUỔI - TRƯỜNG MN NINH GIANG –
SAU THỰC NGHIỆM (NHÓM ĐỐI CHỨNG)**

TT	Họ và tên	<i>Tiêu chí 1</i>			<i>Tiêu chí 2</i>			<i>Tiêu chí 3</i>			<i>Tiêu chí 4</i>			<i>Tiêu chí 5</i>			Tổng điểm	Xếp loại
		TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng	TC1	TC2	Cộng		
1	Nguyễn Văn Anh	8	8	16	11	11.5	22.5	6	6	12	12	12	24	8	9	17	91.5	Giỏi
2	Hoàng Thành Thắng	3	2	5	6	6	12	3	3	6	6	7	13	6	8	14	50	Yếu
3	Nguyễn Chí Cường	7	6	13	9	9	18	3	5	8	10	5	15	8	8	16	70	Khá
4	Trần Thị Hà Anh	4	5	9	8	6	14	3	4	7	6	8	14	6	7	13	57	TB
5	Tổng Trường Thành	5	4	9	8	8	16	4	5	9	7	7	14	9	9	18	66	Khá
6	Nguyễn N.Bảo Hưng	6.5	7	13.5	6	5	11	3	4	7	9	6	15	8	8	16	62.5	TB
7	Nguyễn Tiến Hưng	5	5	10	7	8	15	3	4	7	8	6	14	7	7	14	60	TB
8	Bùi Tiến Hưng	5	4	9	8	8	16	4	5	9	7	7	14	9	9	18	66	Khá
9	Dương N.Hồng Huynh	3	4	7	7	7	14	3	5	8	7	5	12	9	9	18	59	TB
10	Nguyễn Duy Khoa	3	5	8	6	7	13	3	4	7	6	7	13	6	7	13	54	TB
11	Nguyễn Ngọc Khánh	4	7	11	8	8	16	4	5	9	9	5	14	7	9	16	66	Khá
12	Dương Vũ Diệu Linh	5	4	9	8	8	16	4	5	9	7	7	14	8	10	18	66	Khá
13	Dương Khánh Ly	5	5	10	8	8	16	4	4	8	8	7	15	7	8	15	64	TB
14	Lê Đức Long	2	3	5	5	6	11	2	2	4	6	5	11	6	7	13	44	Yếu
15	Nguyễn Thành Long	8	7.5	15.5	11	10	21	5	5	10	10	10	20	8	9	17	83.5	Giỏi
16	Trần Thảo My	5	8	13	7.5	8	15.5	3	3	6	6.5	7	13.5	8	8	16	64	TB
17	Lê Ngọc Minh	5	4	9	8	8	16	4	5	9	7	7	14	8	10	18	66	Khá
18	Nguyễn Thu Ngân	5	5	10	7.5	8	15.5	3	4	7	6.5	7	13.5	8	8	16	62	TB
19	Tổng Thành Nguyên	7	5	12	8	7	15	3	5	8	10	4	14	9	5	14	63	TB
20	Lê Khôi Nguyên	5	4	9	8	8	16	4	5	9	7	7	14	9	10	19	67	Khá

PHỤ LỤC 11: MỘT SỐ HÌNH ẢNH THỰC NGHIỆM



(Hình ảnh về môi trường chữ viết trong trò chơi đóng vai gia đình)



(Hình ảnh về môi trường chữ viết trong trò chơi đóng vai bán hàng)



(Hình ảnh về môi trường chữ viết trong trò chơi đóng vai nấu ăn)



(Hình ảnh về môi trường chữ viết trong trò chơi đóng vai bán hàng)



(Hình ảnh về môi trường chữ viết trong trò chơi đóng vai nấu ăn)



(Hình ảnh về môi trường chữ viết trong trò chơi đóng vai bác sĩ)



(Hình ảnh về môi trường chữ viết trong trò chơi đóng vai nấu ăn)



(Hình ảnh về môi trường chữ viết trong trò chơi đóng vai bác sĩ)



(Hình ảnh trẻ trải nghiệm chữ viết trong trò chơi đóng vai bán hàng)



(Hình ảnh trẻ trải nghiệm chữ viết trong trò chơi đóng vai bác sĩ)



(Hình ảnh trẻ trải nghiệm chữ viết trong trò chơi đóng vai gia đình)



(Hình ảnh trẻ trải nghiệm chữ viết trong trò chơi đóng vai bán hàng)



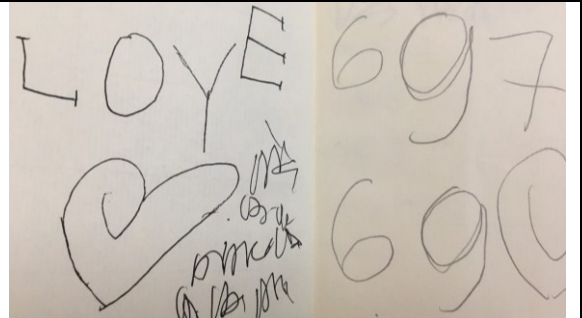
(Hình ảnh trẻ trải nghiệm chữ viết trong trò chơi tại siêu thị)



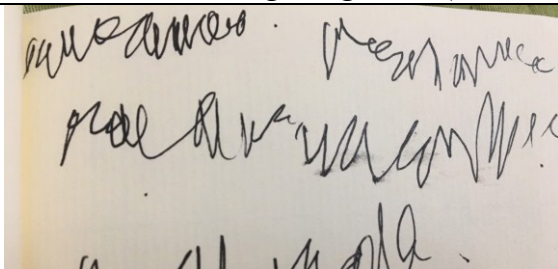
(Hình ảnh trẻ trải nghiệm chữ viết trong trò chơi đóng vai bác sĩ)



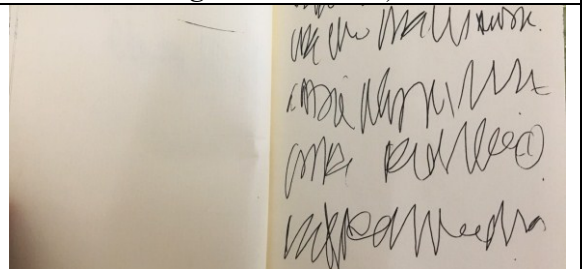
(Hình ảnh trẻ trải nghiệm chữ viết trong trò chơi đóng vai gia đình)



(Hình ảnh sản phẩm của trẻ về trải nghiệm chữ viết)



(Hình ảnh sản phẩm của trẻ về trải nghiệm chữ viết)



(Hình ảnh sản phẩm của trẻ về trải nghiệm chữ viết)

